

VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CO'-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

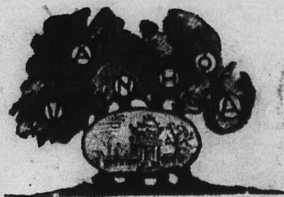


ĐẶC-SAN VỀ

HỘI-NHỊ THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

SAIGON

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



GIÁ BÁN TOÀN QUỐC
1 số. 2
1 năm (10 số). 24

MỤC-LỤC

Số trang	Số trang
I.— Luận -Thuyết	
— Lược - khảo về lịch - trình Ngôn-ngữ và Văn-tự Việt- Nam (<i>Văn-Thôn</i>)	1763
II.— Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ	
— Mục-dịch và công-việc của Hội-nghị (<i>Phạm-xuân-Độ và Nguyễn-thế-Tương</i>)	1771
— Diễn-văn khai-mạc của Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục	1774
— Diễn - văn giới - thiệu Hội- nghị của Ông Giám - Đốc Nha Văn-Hóa	1776
— Danh - sách các nhân - viên Hội-nghị	1779
— Ban từ - ngữ địa - phương (thuyết - trình, danh - sách các từ-ngữ địa-phương)	1782
— Ban phát - âm và chính - tả (biên-bản, thuyết-trình)	1803
— Ban từ - ngữ chuyên - môn (biên-bản, danh-sách mẫu về từ-ngữ chuyên-môn)	1835
— Diễn-văn của Bà chủ-tịch Đoàn-quan-Tấn về kết-quả của Hội-nghị	1848
— Kiến - nghị đệ - trình Tổng- Thống	1849
— Đề-nghị đệ Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục	1850
— Diễn-văn kết-thúc Hội-nghị của Ông Giám - Đốc Nha Văn-Hóa	1850
— Diễn-văn bế-mạc của Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo- dục	1853
III.— Tiếng vang về Hội-nghị	
— Cérémonie d'inauguration du Congrès de l'Unification de la langue nationale (Việt- Nam Presse)	1855
— Thống-nhất ngôn-ngữ (Lời phê - bình của báo Tiền- Phong và báo Dân-chủ)	1857
— Pour l'unification de la langue (La Gazette de Saïgon)	1859
— Lễ bế-mạc Hội-nghị Thống- nhất ngôn-ngữ (Việt-Nam Thông-tấn-Xã)	1859
VI.— Khảo-cứu về ngôn-ngữ	
— Những giả-thuyết về tiếng Việt cổ-hữu (<i>Nguyễn-khắc- Kham</i>)	1861
— Từ - ngữ sử - ký : Kề thù chính của Trần-Hưng-Đạo (tiếp theo và hết) — (<i>Chàng Hai</i>)	1866
— Chúng ta gọi mười xu là gì ? (<i>Nguyễn-bạt-Tụy</i>)	1878

Tranh - ảnh trong số này :

- Lễ khai-mạc Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ (5-9-1956).
- Lễ bế-mạc Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ (2-10-1956).

I - LUẬN-THUYẾT

Lược-khảo về

LỊCH-TRÌNH NGÔN-NGỮ' VÀ VĂN-TỰ' VIỆT-NAM

của VĂN-THÒN

« Bội-bỏ ngôn-ngữ và trau-giỏi văn-hóa là một công-việc lâu dài của toàn-thê quốc-dân, và nhất là của các nhà trí-thức, không phải một lúc đã làm xong ngay được. Nhưng nếu ai nấy đều nhiệt-thành hăng-hát... thì lo gì quốc-ngữ của ta chẳng thành một dụng-cụ hoàn-hảo, tinh-vi, sắc-bén, đề phụng sự nền văn-hóa, và thống-nhất tinh-thần trong việc canh-tân đất nước... »

Trích trong bản diễn-văn bế-mạc Hội-nghi Thống-nhất Ngôn-ngữ, của Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-duc.

o°o

N GÔN-ngữ và văn-tự một nước là hình-ảnh và tinh-thần của dân-tộc : vậy, thiết-tưởng nên lược-khảo, xem quốc-ngữ của ta từ trước tới nay, đã biến-chuyển ra sao.

Theo cái nhà khảo-cò, dân ta đã do nhiều nguồn-gốc khác nhau, đào tạo nên. Về thời-kỳ tiền-sử, có giống người da đen bánhí-mật (1) từ Nam-

(1) Mélanésiens.

dương quần-đảo và các vùng lân-cận tới, giống da đen nhạt (1) — một chủng-loại vốn xưa ở Ấn-độ — từ ngoài bờ Nam-hải vào, và giống nam Mông-cô da vàng từ miền Đông-Á xuống. Ba giống này đã trộn với nhau, mà sinh ra giống Giao-chi, một danh-hiệu do người Tàu đặt thành. Về thời-kỳ bấu-sử, thì có bộ-lạc Việt-tộc, từ phía Nam tỉnh Phúc-kiến, lần theo bờ biển Trung-hoa kéo đến, rồi hỗn-hợp với người Giao-chi, mà thành giống nòi Việt-Nam. Như thế, thời tất từ buổi sơ-khai, dân-tộc ta đã có một thứ tiếng nói riêng-biệt, khác hẳn tiếng nói của các nước lân-bang, như Trung-quốc

hay Chiêm-thành. Nhưng, không kể chữ nôm hay quốc-ngữ mà sau này mới nghĩ ra, về thời trước, nhân-dân ta đã có một lối chữ riêng, để viết tiếng mẹ đẻ không? Ta khó mà trả lời được, vì hiện nay, không còn bút-tích hay tài-hiệu gì về phương-

tây ngày nay, dựng cờ khởi-nghĩa, đánh đuổi kẻ thù, mà giữ quyền cai-trị. Sau khi ông mất, nhân-dân, nhớ công-đức, đã lập đền thờ và tôn là Bồ Cái đại-vương, vì ta gọi cha là bố và mẹ là cái. Đã lấy hai tiếng Nam thuần-túy mà đặt danh-hiệu cho một vị chủ-tề, thì tất phải có chữ để viết các tiếng đó. Trong cuốn « Việt-Nam văn-học sử-yếu », ông Dương-quảng-Hàm tin rằng: thứ chữ dùng thời bấy giờ có lẽ là chữ nôm. Nhưng giả-thuyết này e có phần quá ư táo-bạo, vì nếu chữ nôm đã có từ thời Phùng-Hưng thì chẳng lẽ phải chờ rỗng-rã trong ngót 500 năm, từ 791 tới 1282, tức là từ thế-kỷ thứ VIII tới thế-kỷ XIII, mới thấy có Hàn-

(1) Indonésiens.

THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

Hơn bốn ngàn năm giống Lạc-Hồng,

Người trong một nước ngữ-ngôn chung.

Sao cho tiếng mẹ cùng duy-nhất,

Mà để lòng ta để cảm-thông.

Chữ vốn đều-hòa ktm, cò, cận,

Gtọng thường tương-tự bắc, nam, trung.

Ấy kho văn-hóa, hồn dân-tộc ;

Loại hết, ai ơi, những bất-đồng.

BẠCH-LÍNH.

diện ấy. Tuy nhiên, sử chép rằng năm tân-vị (791), viên đô-hộ người Tàu là Cao-Chính-Bình đời hỏi sưu-thuế quá nặng, làm phẫn-uất lòng dân. Phùng-Hưng, người quận Đường-lâm, tức vào khoảng làng Cam-lâm. huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-

Thuyền dùng nó làm thơ-phú sao? Nếu thực đã có chữ nôm từ năm 791, thì ít ra trong khoảng thời-gian dài rằng-tặc kia, tất đã có dăm ba bài văn xuôi hay văn vần, dù là ngắn-ngủi, viết bằng thứ chữ kia mới phải; mà các thời Đinh, Lê, và nhất là thời Lý, lại là những thời có văn-nhân thi-sĩ, có tăng-đồ đủ sở-trường về văn thơ rồi

Hơn nữa, dã-sử còn chép rằng: từ đời Hồng-Bàng (2879-258 trước tây-nguyên), nước nhà đã có chữ viết, gọi là lối chữ «khoa-đầu», hình chữ đầu to giống như con nòng-nọc, để nhà cầm quyền truyền lệnh đi các nơi; và dưới thời Đường-Ngu bên Tàu, (2.357-2.256 trước t.n.), nước Văn-Lang ta sai sứ sang dâng một con rùa lớn, trên lưng có khắc chữ kiểu khoa-đầu... Lại tương-truyền tới cuối thế-kỷ thứ X, Lê Đại-Hành (980-1009), sau khi bại quân nhà Tống ở Chi-Lãng, sai sứ sang Tàu triều cống; vua Tống phải dùng người ở hai ba bộ-lạc thuộc Bách-Việt mới hiểu được tờ biểu của phương Nam... Như thế, nước nhà tất đã có, từ lâu, một thứ chữ viết riêng-biệt, không phải là chữ nôm.

Các nhà khảo-cổ tin rằng: tiếng nói và chữ viết của ta về thời xưa, tương-tự như ngôn-ngữ và văn-tự của người Mường ngày nay. Vậy, ta có thể nói được rằng: dân-tộc, trước kia, đã có một lối viết, mà ngày nay không còn di-tích gì; thứ chữ này, vì phức-tạp và không thuận-tiện, nên đã dần dần mai-một, nhất là khi Hán-tự đã được dùng trong các cơ-quan chính-thức.

Song, người trong nước, vốn có tinh thần tự-chủ, nên qua các thời-đại, đã luôn luôn đi tìm một cách viết đặc-biệt, để ghi chép lời nói, tình-tính và ý-tưởng.

I — Chữ nôm. Nhân đó, đồng-bào ta đã có sáng-kiến nghĩ ra chữ nôm. Thứ chữ này do ai đặt ra, và đặt tự bao giờ, hiện nay, vì thiếu tài-liệu, các sử-gia cũng chưa rõ. Thăng hoặc, có sách chép rằng chữ nôm do Hàn-Thuyên chế-tác ra; nhưng đó là một điều sai lầm. Họ Hàn chỉ là người đầu tiên đã làm thơ-phú bằng quốc âm, và ghi bằng chữ nôm, chứ thực ra, lối viết ấy đã có từ trước đời ông.

Nhà văn này vốn họ Nguyễn, quê huyện Thanh-lâm, tức là phủ Nam-sách, tỉnh Hải-Dương ngày nay, và đã đỗ Thái-học-sinh dưới thời Trần Thái-Tôn (1225-1258). Theo sử-sách, về tháng tám năm Thiên-bào thứ IV, đời Trần Nhân-Tôn, khi ông đương làm Hình-Bộ thượng-thư, có con ngạc-ngư tới trú-ngụ trong dòng sông Phú-Lương, tức Nhị-hà bảy giờ.

Theo lệnh nhà vua, ông làm một bài văn-tế bằng chữ nôm xuôi cá sấu, rồi vớt xuống các làn sóng nhấp-nhò. Tục-truyền ác-vật kia, từ đây, đã bỏ đi nơi khác. Thấy việc xảy ra tương-tự như truyện nhà thi-hào Hàn-Dũ bên Trung-quốc, vua khen thưởng, rồi đổi họ ông ra họ Hàn.

Về đại-cương, ngoài một số chữ lấy nguyên âm ở chữ Tàu, vì cùng có âm - thanh, như chữ tài 才, chữ mệnh 命, còn theo thông-lệ, thì mỗi chữ nôm gồm có hai phần : một phần về ý, một phần về âm. Tỉ-dụ chữ trăm 百 gồm có chữ bách 百, nghĩa là trăm để chỉ ý và chữ lâm 林 là phần chỉ âm, chữ năm 年 gồm có chữ nam 南 chỉ âm và chữ niên 年 là năm chỉ ý. Ta nhận thấy ngay khuyết-diểm lớn lao của chữ nôm, là tính-cách phức-tạp và khó-khăn của nó. Chữ nhỏ đã có nhiều nét, thế mà chữ nôm lại thường gồm tới hai chữ Hán, thì thật khó mà phổ-thông được. Đã thế, lại có khi cùng một chữ nhỏ, mà dùng để viết hai tiếng khác nhau, một tiếng mà cả âm và nghĩa đều giống chữ Hán, một tiếng chỉ có nghĩa giống chữ Hán. Tỉ-dụ, chữ bản 本 có khi dùng để ghi ngay tiếng bản, có khi lại dùng để ghi tiếng vốn như trong câu Kiều : Vốn dòng họ Hoạn Khanh gia. — Về chữ nôm có đủ hai phần âm và ý, thì có tiếng, mà người ta thường viết hai cách khác nhau, như chữ đến có thể viết 到 gồm hai phần chỉ và diên, hoặc 到, gồm hai phần chỉ và đán ; trong trường hợp này, diên và đán đều dùng để dùng để chỉ âm. — Mà vị-t trí của hai phần âm và ý trong một chữ nôm, cũng không được chỉ-định rõ ràng, tỉ dụ, trong chữ trăm, phần ý ở trên, trong chữ năm, phần ý lại ở bên phải...

Người Nhật cũng áp-dụng Hán-tự, nhưng đã giản-dị hóa rất nhiều để tạo thành một văn-tự phổ-thông. Thế mà, bây giờ đây, họ vẫn thấy lối viết ấy là phức-tạp, phiền-toái, và đương lựa-chọn mẫu-tự La-mã, để đặt ra một thứ quốc ngữ thuận-tiện hơn. Chỉ một tỉ-dụ này cũng đủ tỏ ra rằng: chữ nôm không hề là một dụng-cụ sắc-bén để ghi chép tiếng nói của nước nhà.

Tuy nhiên, trước khi có quốc-ngữ như ngày nay, nó đã giúp ích rất nhiều nếp quốc-học, vì lúc ấy nó là lối viết duy-nhất để phiên-âm tiếng ta. Không có nó, thì đâu có những áng văn tuyệt-bút trong suốt các thời Trần, Lê, và Nguyễn về trước thế-kỷ thứ XVIII, tức là trước khi chữ quốc-ngữ được phổ-thông ; văn-học-sử quốc-gia đâu đã có những văn thơ điêu-luyện của Hồ-xuân-Hương, Thanh-Quan, Nguyễn-Khuyến, Trần-tế-Xương,

hoặc những áng thi-ca bất-hủ như : Cung-oán, Chỉnh-phụ, hay Đoạn-trường tân-thanh ?.

Dù sao, nhờ có chữ nôm, quốc-âm đã được dùng càng ngày càng nhiều, giữa các nhà trí-thức, và ngay trên các công-văn.

Như trên đã nói, về thế-kỷ thứ XIII, Hàn-Thuyên đã áp-dụng chữ nôm trong thơ-phú. Ngoài bản văn-tế cá sấu, ông đã soạn sách « Phi sa tập », trong đó có nhiều bài bằng quốc-âm, nhưng nay đã thất-lạc ! Đồng thời với ông, có Nguyễn-sĩ-Tổ, — mà sĩ-phu khi đó, đã ví với Đông-phương-Sóc,— làm thi-ca trào-phúng, bằng quốc-âm, và Chu-văn-An soạn cuốn « Quốc-ngữ thi tập ».

Tới đầu thế-kỷ thứ XV, Hồ-quý-Ly (1400 1407), rất ưa chuộng quốc-âm. Ông cho dùng chữ-nôm để phiên-dịch kinh truyện, giảng dạy trong các học-đường. Sử chép rằng : chính ông cũng hay làm thơ nôm. Trước khi tiếm-ngôi, được Thượng-Hoàng tức là Nghệ Tông ban cho một thanh gươm tên để tám chữ : « Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức », ông bèn làm thơ quốc-văn để tạ ơn. Tục truyền về sau, vào năm 1437, Nguyễn-Trái thu-thập được mấy chục thiên « thơ văn quốc-ngữ » của họ Hồ, để dâng lên Lê Thái-Tôn ngự-lâm.

Sang thế-kỷ thứ XVIII, Quang-Trung (1788-1792) có sáng-kiến lấy chữ nôm làm văn-tự chính-thức ngay trong các sắc, dụ, chiếu, và công-văn khác.

Nhà anh-hùng đại-thắng quân Thanh muốn rằng: người Nam, phải dùng tiếng Nam, để phát-huy tinh-thần dân-tộc, và xây-dựng nền văn-hóa quốc-gia, không phải học mượn viết nhờ. Trong các khóa thi, ông hạ lệnh phải ra bài bằng chữ nôm, và bắt buộc sĩ-tử phải làm bài bằng chữ nôm. Lẽ tự nhiên là một số nhà Nho đương-thời, lấy thế làm bất-bình, vì quá say-mê Hán-tự, và chê nôm-na là cha mách quẻ, nên không hiểu ý-nghĩa sâu-xa của việc canh-tân văn-học.

II.— Quốc-ngữ. Hai chữ quốc-ngữ nghĩa đen là tiếng nói của nước, chứ không có ý gì là chữ viết, nên đầu đề bài này đã ghi là : « Ngôn-ngữ và văn-tự » cho rõ nghĩa. Nhưng trong thực-tế, danh-từ quốc-ngữ vẫn dùng để chỉ thứ chữ mới, đặt ra vào thế-kỷ thứ XVII, và dùng mẫu-tự La-mã để phiên-âm tiếng nói của ta. Vậy xin cứ giữ danh-từ quốc-ngữ với ý-nghĩa thông-thường ấy.

Nguyễn về thế-kỷ XVII, các giáo-sĩ người Âu sang truyền giáo ở nước ta, thấy chữ nôm vừa phức-tạp vừa không có chuẩn-đích rõ-ràng, mới nghĩ ra

chữ quốc-ngữ để tiện việc soạn sách cho g'áo-dân. Sự sáng-tác này là công-
cuộc chung của nhiều người, trong đó có các giáo-sĩ Tây-ban-nha, Bồ-đào-
nha và Pháp. Nhưng linh-mục Alexandre de Rhodes là người đầu tiên đã dùng
thứ chữ mới ấy mà in sách, nhất là một bộ sách giảng đạo, và một cuốn
từ-điền nhan-đề là Dictionarium annamiticum, lusitanum et latinum, (ức là từ-
điền Việt-Nam, Bồ-đào-nha và la-tinh) in năm 1651 tại La-mã. Muốn hiểu đợc-
giả ý-niệm về chữ quốc-ngữ thời bấy giờ, chúng tôi tạm trích ra đây, inấy
đồng trong sách « Phép giảng tám ngày » của linh-mục De Rhodes, cùng in
năm 1651 :

« Ta cậu cù (1) (cùng) đức Chúa blời (trời) giúp sức cho ta biết
tỏ tường (trường) đạo Chúa là nhường (nhường) rờo : ờl bậy (vậy), ta phát
hay ở thế này chẳng có ai sớ (sống) lâu... Vì bậy (vậy), ta chẳng phát học
(học) đạo cho ta đợc phú-quí ở thế này. Vì chưng ích đạo thánh đức Chúa
blời (trời) về đời sau. Người thế sự đời này lành dữ thì hay, mế (lẽ) qua đời
này cho khi chết đợc bui-bê (vui vẻ) đời sau thì chẳng hay... »

Nhờ có chữ quốc-ngữ, quốc-văn ta đã phát-triển mau lẹ từ tiền-bán
thế kỷ thứ XIX. Trước hết, nhà văn và các học-giả bắt đầu phiên-dịch ra
quốc-ngữ các tiêu-thuyết Tàu như Tam-quốc chí, Thủy-hử, Tây-Du ký, Chinh
Đông, Chinh Tây, hoặc theo các sách tàu hay sách Âu Tây thảo-soạn thành
giáo-khoa thư, như tác-phẩm của các ông Trương-Vinh-Ký hay Paulus Của.
Đó là thời-kỳ sơ-khát. Rồi dần dần, báo chí (2) đã xuất hiện, và càng
ngày càng tiến, hợp thành thời-kỳ thành-lập quốc-văn. Sau hết, là giai-
đoạn kiến-thiết, trong đó, các văn-nhân thi-sĩ đã xuất-bản các văn-phẩm
trước-tác đủ các loại, như thi-ca, kịch-bản, lịch-sử, phê-bình, tiêu-thuyết,
khảo-cứu.

Nhân đó, nền quốc-văn mới của ta, chiếm đợc những ưu-điểm vô
cùng quý-giá :

— Vì có chữ quốc-ngữ, văn-học giữ đợc tinh-thần quốc-gia, dân-
tộc vừa thu đợc giọng êm-đềm, uyển-chuyển của Hán-tự, vừa bắt chước cách
hành-văn, lập-luận rõ-ràng, trong-sáng của Pháp-văn, nhưng đã Việt-hóa các
đặc-sắc ấy, khiến nó phù-hợp với tính-tình, tư-tưởng của giống nòi.

— Văn xuôi chiếm một địa-vị xứng-đáng, không còn bị lấn-áp bởi văn
văn, như khi trong nước, chỉ có chữ nôm.

(1) chữ cũ nguyên có dấu huyền (Ɀ) trên dấu ngã (ˆ), nhưng nhà in không sẵn có hai
dấu chồng lên nhau như thế nên cần chú-thích thêm ở đây.

(2) Từ thứ nhất là Gia-Định báo, viết bằng quốc-ngữ, xuất-bản ở Sài-gòn năm 1865.

— Lời văn phong-phú, dồi-dào, vì đã giữ đợc các thổ-âm, lại mượn
các tiếng lấy ở chữ Nho hay chữ Pháp, sau khi đã chọn-lọc kỹ-càng.

— Câu đặt khi dài, khi ngắn, khi đối, khi không, tùy dòng tư-tưởng,
hay nguồn cảm-hứng của cá-nhân.

— Ngôn-ngữ đã có tính-cách nhất-trí, vì từ Nam tới Bắc, đồng-bào
ta đều có thể cùng nhau đàm-đạo, miễn là nói thông-thả, rõ-ràng. Nhờ có
quốc-ngữ, văn-tự lại đợc thống-nhất, vì các sách-vở báo-chí xuất-bản ở một
nơi, người trong nước đều hiểu rõ. Có lẽ, trên khắp hoàn-hải, không một
quốc-gia nào lại có một cách phiên-âm phổ-thông thuận-tiện, giản-dị, và dễ-
dàng hơn là chữ quốc-ngữ của ta—một lối chữ, chỉ cần học trong ba
bốn tháng đã biết, một dụng-cụ sắc-bén. ai cũng thể có đợc, dùng đợc,
dễ phổ-bầy tính-tình, ý-nghĩ...

III Thống-nhất ngôn-ngữ.— Tuy nhiên, giữa sự đại-đồng kia, còn có
ít nhiều khuyết-diểm, ta phải nhận-dịnh, để tìm phương bổ-cứu :

— Những từ-ngữ địa-phương, cần đợc giải-thích, để đồng-bào toàn quốc
hiểu biết, mà không có sự sai-lầm. Tỉ-dụ, nóc-hờ là chú-thích, ra vào thông-
thả là ra vào tự-do, xi kền là mạ kền, bán xi đối với trong Nam là bán
buôn nhỏ, đối với ngoài Bắc là bán lẻ, hòm đối với người ngoài Bắc là
giương, đối với người trong Nam là áo-quan...

— Cách phát-âm và chính-tả của một số từ ngữ phải đợc ấn-định rõ-
ràng, để không có những sai biệt, từ vùng nọ sang vùng kia. Tỉ-dụ, nên
đọc các chữ bắt đầu bằng tr, s, gi ra sao ; viết i hay y ở cuối tiếng
(bi-ai, nhưng tân-kỳ...)

— Sau hết, tiếng ta đã đợc dùng làm chuyên-ngữ tại các học đường
và ngôn-ngữ chính-thức trong các công-sở cũng như các cơ-quan chuyên
môn. Vậy, các từ ngữ khoa-học và văn-học cần đợc chọn-lọc kỹ-càng
theo các nguyên-tắc hợp-lý, và sưu-tầm đầy đủ, để không có những tiếng
chỉ riêng dùng trong một khu vực nhỏ, trong một địa-hạt sứ-quân. Tỉ-dụ :
dùng danh-từ riêng Rút-xô hay Lu-thoa, Bannêthuot hay Boun-ma-Thuot ;
về triết-học, gọi « loi des trois états » của Auguste Comte. là tam biễn
luận, hay tam cấp luận.

Muốn sửa-chữa các thiếu-sót này, để quốc-ngữ thành một dụng-cụ
hoàn-hảo, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã có sáng-kiến triệu-tập tại Thủ-đô
Saigon, một « Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ »—một Hội-nghị đã hoạt-động
trong non một tháng trời, từ mồng 5 tháng 9 tới mồng 2 tháng 10

đương-lịch vừa qua, đề tìm các nguyên-tắc vững-chắc về sự so-sánh và xếp-đặt các từ-ngữ địa-phương, về cách phát-âm và chính-tả, về việc ấn-định các từ-ngữ chuyên-môn. Các tài-liệu sưu-tầm được, đăng ở số đặc-san này, sẽ làm căn-bản cho chương-trình hoạt-động của một Hội-ngữ Ngôn-ngữ toàn-quốc, mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục, rồi ra, sẽ triệu-tập.

Nhưng, công-việc của Hội-ngữ sơ-bộ cũng như của Đại Hội-ngữ toàn-quốc, chỉ nhằm mục-dịch nêu cao các nguyên-tắc chung, các lẽ-lỗi làm việc. tức là cắm mốc, chỉ đường, để các học-giả và các chuyên-viên, theo đó, mà khai đất, vỡ bờ, tạo nên các đồng ruộng phì-nhiều, đầy-rẫy những hoa thơm cỏ lạ, xứng-đáng với rừng văn, bệ học nước nhà.

Trong phạm-vi chương-trình hoạt-động ấy, chúng tôi ước-mong rằng: rồi ra sẽ có những viện văn-hóa, những nha ngôn-ngữ, đề căn-cứ vào các phương-châm đã chỉ-định, mà thảo soạn một từ-điển văn-chương, (1) một bách-khoa từ-điển, và một cuốn văn-phạm, khiến cho quốc-âm vừa rõ-rệt vừa đầy-dủ hơn. Như thế, thì lo gì ngôn-ngữ và văn-tự của ta chẳng sẽ hoàn-toàn nhất-trí, để phát-huy nền văn-hóa quốc-gia, mà giúp ích công-cuộc thống-nhất giang sơn ?

(1) Hán-Việt từ-điển của Đào-duy-Anh còn có chỗ sai lầm, như ghi ở trang 48, văn bản: Vua chết gọi là băng-hả. Thực ra, đó là thăng hà, tức là lên sông Ngân-hà, lên trời... Còn chữ băng thì chỉ dùng một mình.

Tin-tức năm châu :

MỘT QUỐC-GIA XUẤT-BẢN CỤC

Chính-phủ Ấn-Độ hiện đang hoạt động, để một Quốc-Gia Xuất-Bản CỤc, với mục đích xuất bản những sách có giá trị bán theo giá rẻ, hợp với sự đòi hỏi của các thư-viện, trường học, và đại chúng.

Ngoài việc xuất-bản những tác-phẩm văn-chương và mỹ-thuật quốc-gia, cơ-quan này còn sẽ cho in cả những bản dịch của tác phẩm ngoại quốc, hoặc các bản dịch tác-phẩm Ấn-Độ ra tiếng nước ngoài. Cơ-quan này lại sẽ giúp sức các Đại-Học đường, các tổ chức văn-hóa, hoặc các nhóm chuyên-môn, trong công-việc xuất-bản các tác-phẩm có giá-trị.

Sách sẽ được in ra bằng tiếng " hindi " là tiếng chính thức của nước Ấn-Độ, và dùng cả các thứ tiếng khác đã được Hiến-Pháp công nhận là quốc-ngữ. Nhiều cơ quan tương tự cũng sẽ được thiết lập để thực hiện cùng một mục đích trong các tiểu-bang Ấn-Độ.

NGHI BA

(Rút ở tài-liệu UNESCO)

II- HỘI-NGHỊ THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ'

MỤC-ĐÍCH VÀ CÔNG-VIỆC CỦA HỘI-NGHỊ

KÈ từ ngày nước ta văn-hồi nền tự-chủ, đời sống tinh-thần của toàn dân đã đương-nhiên bước sang một kỷ-nguyên mới. Nền quốc-học, khỏi bị ngoại-bang kim-hâm, đã vươn mình lấy đà để theo kịp các nước tiên-tiến trên thế-giới tự-do.

Mọi người đều hân-hoan tiếp đón những luồng gió mới, tự bốn phương ùa tới. Đó là một thời-kỳ tưng-bừng, nhưng cũng không khỏi có phần hỗn-độn. Thấy cái chi cũng muốn học, cũng muốn thấu-thái ngay, đề phổ-biến cho kẻ xung-quanh, đồng-bào đã vì thế mà phân-tán tư-tưởng và sức-lực, học-hỏi riêng-rẻ, tự ý khai-sinh ra rất nhiều từ-ngữ đề tạm dùng trong khi khẩn-cấp. Đồng thời, nền học mới, nhất là các ngành triết-lý, khoa-học, chuyên-môn, dùng quốc-âm làm chuyên-ngữ, luôn luôn đặt ra những từ-ngữ mới, những từ-ngữ mà tính-nghĩa chưa được ấn-định rõ-ràng.

Một mặt khác, ngôn-ngữ nước ta, tuy tự xưa đã duy-nhất, — từ ải Nam-Quan đến Mũi Cà-M-u, vẫn chỉ có một thứ tiếng Việt-Nam, — nhưng tiếc thay, trong đó, vẫn len-lỏi những từ-ngữ địa-phương, gây ra bởi chính-sách phân-chia ba kỳ, và những khó-khăn đi lại. Thành-thủ những mối tiêu-dị trong ngôn ngữ, ngày thêm nhiều, và rải-rác đó đây, như những cỏ dại trong ngôi vườn văn-hóa quốc-gia. Tới nay, tuy mọi người được tự-do và dễ-dàng tiếp xúc, nhưng sự tìm hiểu lẫn nhau vẫn chưa xóa được những di-tích đáng tiếc nói trên về ngôn-ngữ.

Đã từ lâu, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục lưu tâm chú ý tới những khuyết-điểm kia, và tìm phương bổ-cứu.

Tới nay, xét thấy rằng đã đến lúc nên làm và có thể làm, cho ngôn ngữ chung được hoàn-toàn thống-nhất, khiến kẻ học hỏi không vấp phải những sai biệt vừa kể, vì :

1.— Khe từ-ngữ của ta đã quá già, có thể tạm ứng-phó với nhu-cầu mới của nền quốc-học.

2.— Các từ-ngữ mới đã được thử-thách trong một thời-gian khá lâu, để chịu sự lựa-chọn của quần-chúng.

3.— Các học-giả đã qua khỏi phút bỡ-ngỡ lúc đầu, và đã thấu được nhiều kinh-nghiệm trong những năm tháng vừa qua.

Vì vậy, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đem thực-hành ý-định thống nhất và trao-giới ngôn-ngữ.

Từ-ngữ của ta, phát-triển cực kỳ mạnh-mẽ trong làn không-khí tự-do, chứng tỏ sức sống tinh-thần hùng-hậu của toàn-dân. Chỉ một thời gian ngắn cũng đủ làm nó đâm chồi nảy lá rườm-rà. Nay nhất đấn xén gọt nó đi cho đẹp-đẽ, và tiện-dụng, không phải là một công việc dễ-dàng và chóng-vánh. Nhất là việc sửa sang lại phải dành chỗ, vạch đường, để sự trưởng-thành của nó, sau này, được thêm phần dễ-dàng và có quy-cú, thời tất nhiên đòi hỏi một sự nỗ-lực lớn-lao và thận-trọng của tất cả các bạn trí-thức gần xa.

Hiểu rõ nỗi khó-khăn ấy, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã có sáng kiến nhóm-hợp một hội-nghị trừ-bị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ, để đề-nghị những nguyên-tắc và sưu-tầm tài-liệu, làm căn-bản hoạt-động cho Đại-Hội Ngôn-Ngữ Toàn-Quốc sau này.

Hội-nghị sơ-bộ gồm trên một trăm vị, thuộc các thành-phần học-giả, sĩ-quan, giáo-chức công, tư, và chuyên-viên, đã ráo riết hoạt-động tại thủ đô, từ mồng 5 tháng 9 đến mồng 2 tháng 10 dương-lịch vừa qua.

Trước sau, Hội-nghị Thống-nhất Ngôn-ngữ gồm có ba buổi đại hội-đồng :

a) Buổi khai-mạc, ngày 5-9-1956, từ 8 giờ đến 11g. 30, dưới quyền chủ-toạ của ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục Nguyễn-dương-Đôn. Sau khi dự lễ chào cờ và suy-tôn Ngô Tổng-Thống, sau khi nghe ông Giám đốc Nha Văn-hóa đọc diễn-văn giới-thiệu Hội-nghị, và sau khi đã đọc diễn-từ khai-mạc, ông Bộ-trưởng ra về, hồi 9 giờ. Đại hội-đồng bắt đầu làm việc, và đã :

— bầu Ban điều-khiển Hội-nghị, gồm một chủ-tịch, một phó chủ-tịch một thư-ký và một phó thư-ký. (danh-cách in sau đây.)

— thảo-luận về các phương-phép và nguyên-tắc làm việc.

— bầu ba Ban nghiên-cứ : Ban nghiên-cứ từ-ngữ địa-phương, ban nghiên-cứ phát-âm và chính-tả, ban nghiên-cứ từ-ngữ chuyên-môn văn-học và khoa-học.

— ấn-định ngày họp đại Hội-đồng kiểm-thảo.

b) Buổi kiểm-thảo, ngày 2-10-1956, từ 7g 30 đến 11g30.

Đại hội-đồng nghe ba ban nghiên-cứ thuyết-trình về kết quả đã thu lượm được, thảo luận về các chi-tiết, rồi cùng làm kiến-nghị đệ Tổng-Thống, và đề nghị trình ông Bộ-Trưởng Quốc - gia Giáo - dục. Rồi giới-thiệu các nhân-viên có thể làm từ-diễn và văn-phạm.

c) Buổi bế-mạc ngày 3-10-1956, từ 10g, đến 11g.30, dưới sự chủ tọa của ông Bộ-Trưởng Nguyễn-dương-Đôn.

Bà chủ-tịch Hội-nghị đọc diễn-văn tóm-tắt các kết-quả của ba ban, và đệ Ông Bộ-trưởng, hai bản kiến-nghị và đề-nghị. Ông Giám-đốc Nha Văn-hóa đọc diễn-văn kết thúc Hội-nghị. Đoàn, ông Bộ trưởng đọc diễn-từ bế-mạc. Trước khi ra về, quan-khách và nhân-viên Hội-nghị đã dự một tiệc trà giản-dị và thân-mật.

Trong thời gian từ 5-9-56 tới 2-10-56, ba Ban nghiên-cứ đã nhóm họp và thảo-luận riêng, chú-trọng đến các nguyên-tắc chung để áp-dụng sau này, hơn là đến các chi-tiết, đúng như các lời ghi trong những biên-bản đăng ở số đặc san này.

BAN TỪ-NGỮ ĐỊA-PHƯƠNG đưa ra những loại tiếng, mà tinh-nghĩa đáng được phổ biến, những hạng từ-ngữ nên loại-trừ, và những tiếng dị-âm đồng-nghĩa cần phải tập-trung.

BAN PHÁT-ÂM VÀ CHÍNH-TẢ vạch rõ những đường lối khoa-học và tế-nhị, đề phát âm và ghi âm.

BAN TỪ-NGỮ CHUYÊN-MÔN nêu lên những nguyên-tắc riêng cho từng loại từ-ngữ, như từ-ngữ địa-lý, quân-sự, công-chánh triết-học, toán-học, âm-nhạc, và những nguyên-tắc chung cho toàn thể các ngành.

o^o

Nói chung, Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ đã tỏ một lòng tin-tưởng và nhiệt-thành rõ-rệt, nên đã thấu được những kết-quả cụ-thể trong một thời-gian ngắn-ngủi.

Chúng tôi công-bổ dưới đây, những nhận-xét và thuyết-trình của mỗi ban, để làm tài-liệu cống-hiến các bậc trí-thức trong nước, cũng như dành cho Đại Hội-Nghị Ngôn Ngữ Toàn-Quốc-những tài-liệu sẽ còn phải cân-nhắc, lựa-chọn, đối-chiếu, dưới mọi cạnh góc, trước khi được chính-thức chuẩn-y, chứ đâu dám coi là không còn cần sửa-đổi. Đây chỉ là những chiếc mồi có phần thô-sơ. tạm ghi đường lối, và vẫn có thể chuyên-dịch, trong rừng ngôn-ngữ mênh-mông bát-ngát, để mong giúp các phần-tử đặc-sắc sau này, trong việc phá đất, vỡ bờ, khai-thác những mảnh đồng ruộng phì-nhiều, đầy rẫy hoa thơm cỏ lạ để tô-diềm giang-sơn.

PHẠM-XUÂN-ĐỘ và NGUYỄN-THÉ-TƯƠNG

(Ban Thư-Ký Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ)

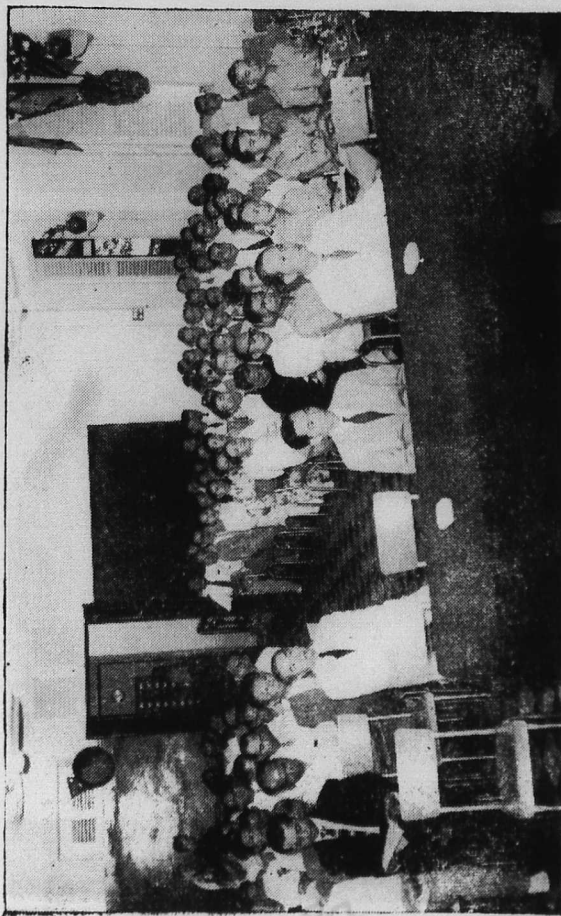
DIỄN-VĂN KHAI-MẠC

của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-dục
Nguyễn - dương - Đôn

Thưa quý VI :

MỞI đây, một tin-tức văn-hóa, đăng trên báo-chi, đáng cho các thức-già lưu-tâm, chú-ý. Một nhóm văn nghệ-sĩ Nhật-bản đang tìm cách giản-dị hóa Nhật-ngữ, một thứ chữ viết, mà chính họ đã nhận thấy tình-cách phức-tạp, làm trở-ngại cho sự trao-đổi tư-tưong ở trong nước hay ngoài nước. Họ đã đệ một bản phúc-trình tới Bộ Giáo-dục, đề-nghị lấy mẫu-tự La-mã thay thế cho hàng ngàn chữ được sử-dụng ở Nhật hiện thời, và họ đã được nhà hữu-trách mang vấn-đề ra nghiên cứu. Một Quốc-gia vào hàng tân-tiến nhất ở Á-đông và ở hoàn-cầu, cũng băn-khoăn về quốc-ngữ của mình, cũng luôn luôn traу-giỏi và bồi-bồi quốc-ngữ; thế thì nước nhà, đã có một thứ quốc-ngữ thuần-tiện, lại chẳng nên cố làm cho quốc-ngữ ấy ngày một hoàn-hảo, rõ-ràng và tinh-vi hơn, ngõ hầu bồi-cứu chút ít khuyết-điểm còn lại hay sao ?

Văn-hóa là tinh-hoa của đất nước, là một sức mạnh hùng-hậu của dân-tộc. Cho nên ngôn-ngữ và văn-tự, nền-tảng của văn-hóa, đáng được toàn-thể quốc-dân và nhất là các nhà tri-thức, tận tâm săn-sóc. Một học-giả nước nhà đã nói, không có gì là quá đáng : « Nước ta sau này hay hoặc dở, cũng là nhờ ở chữ quốc-ngữ. » Trên lãnh-vực quốc-tế, thể-nhân thường phân-nhân về sự ngôn-ngữ bất đồng, một trở-lực lớn-lao gây nên bao sự hiểu-lầm. Còn gì đáng tiếc bằng người cùng một nước, mà chỉ vì sinh ở miền này hay miền khác, mà giọng nói khác nhau, có những tiếng nói, những chữ khác nhau, thành có khi không hiểu nhau được. Thực ra, sự khác tiếng khác giọng ấy, rất ít trong tiếng Việt, không như ở nhiều xứ khác, có nơi người hai tỉnh trong một nước, dù học-thức tới mực nào, cũng đành phải bút đàm mới hiểu nhau được, vì không cùng chung một tiếng nói. Vậy trong tiếng Việt, ta còn chờ gì mà chẳng nêu ra và giải-thích những chỗ



Lễ khai-mạc Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ (5-9-1956)

— Quang - cảnh Hội - nghị —

Nơi hàng đầu, về bên phải là Ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn

sal-biệt rất ít kia, đề toàn-thê đồng-bào, dù ở hoàn-cảnh nào, dù quê-quán ở đâu, cũng có thể hiểu biết nhau hơn. Thống-nhất về ngôn-ngữ và tinh-thần, tức là làm cho nhân-dân thêm tình đoàn-kết và tương-thân tương-ái. Như ông Giám-đốc Nha Văn-hóa vừa nói, (1) sự cố gắng này lại rất hợp-thời, vì sau cuộc di-cư lớn-lao hồi năm kia, đồng-bào Nam-Bắc đã ở dịp chung sống hàng ngày.

Vậy, lời trân-trọng cảm-ơn quý VJ, vì tha-thiết với nền Văn-hóa nước nhà, đã sốt-sắng đến tham-dự Hội nghị hôm nay, với một mục-đích và ý-chí rõ-rệt : Thống-nhất Ngôn-ngữ.

Các VJ sẽ hợp-thành những tiểu ban đề thảo-luận, nghiên-cứu, khảo-sát, và ấn-định những nguyên-tắc chắc-chắn về chính-tả và cách phát-âm, về việc so-sánh các tiếng đồng âm và đồng nghĩa, về các thổ-âm có thể phổ-biến trong toàn-quốc, về việc giới-thiệu các nhân-vật nhận soạn thảo từ-điền cùng các tập danh-từ về các ngành kỹ-thuật hay các ngành học chuyên-môn. Các vị sẽ tập-trung những tài-liệu xác-đáng, và cụ-thể, để làm căn-bản cho một Đại Hội-Nghị Văn-hóa toàn-quốc, mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục rồi đây sẽ triệu-tập.

Công-cuộc thống-nhất ngôn-ngữ này nằm trong một chương-trình hoạt động văn-hóa rộng-rãi của Bộ, — chương-trình có thể tóm-tắt trong ba nguyên-tắc chính :

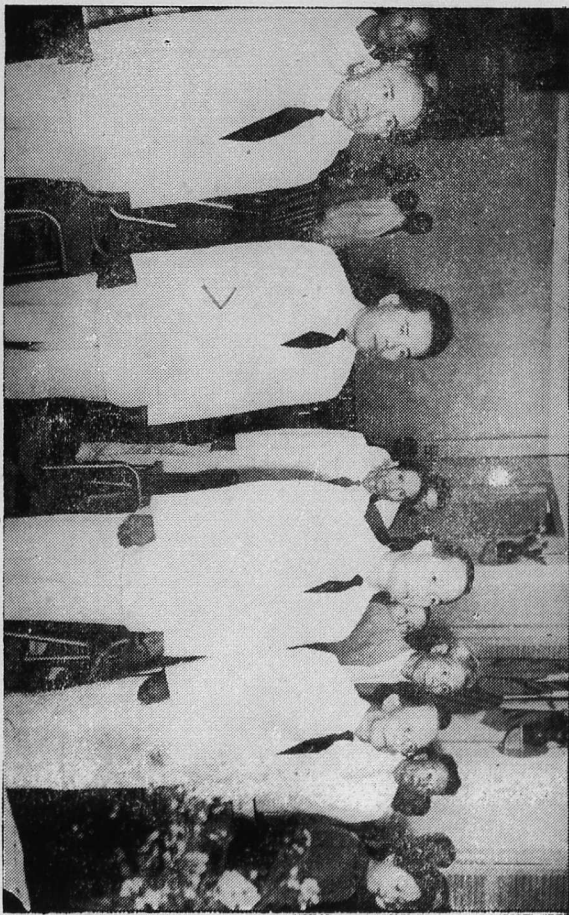
— giữ-gìn văn-hóa cổ-truyền, một nền văn-hóa phản-ánh các đặc-tính của giống-nòi, và đã sinh-xuất ra biết bao anh-hùng, liệt-nữ ;

— đón nhận những tài-liệu của văn-hóa thế-giới, thấu nọp những cái hay, cái đẹp từ bốn phương đưa lại, khiến cho cái căn-bản tinh-thần của dân-tộc thêm phần phong-phú.

— vừa phát-huy nền văn-hóa quốc-gia, vừa góp phần vào nền văn-hóa chung của nhân-loại.

Muốn đạt các mục-đích rộng-rãi kia, Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ mở mang Nha Văn-hóa, đặt thêm các phòng nghiên-cứu và xuất-bản, phụ-trách việc sưu-tầm các tài-liệu trong nước hay ngoài nước, rồi biên-soạn thành tùng-thư hay tạp-chí, để phổ-biến trong toàn-quốc các kiến-thức cần-thiết cho một quốc-gia tiến-tiến. Đồng-thời, sẽ có các cơ-quan phụ-trách việc soạn-thảo từ-điền, khảo sát văn-phạm và các danh-từ chuyên-môn, cùng nghiên-cứu việc thiết-lập một Hội Văn-hóa quốc-gia, khởi điềm cho một Hàn-Lâm Viện.

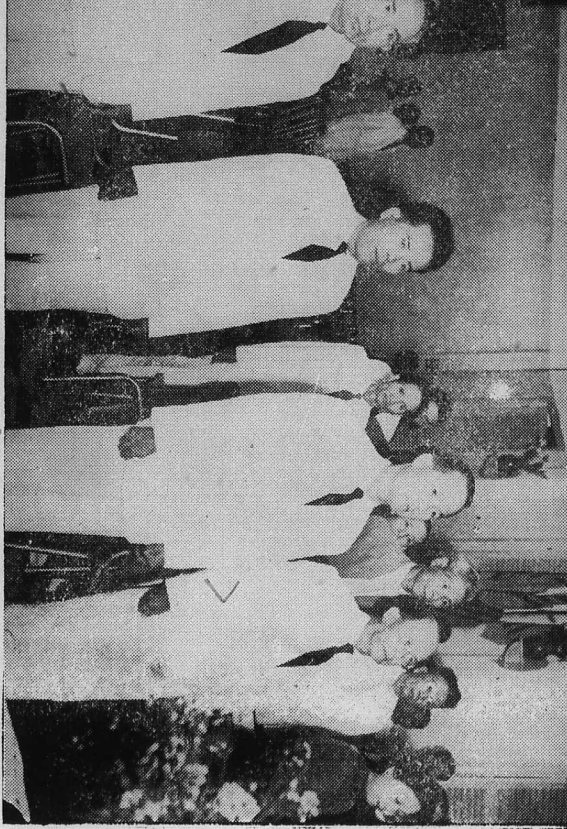
(1) Diên-văn của ông Giám-đốc Nha Văn-hóa đăng ở trang 1775 sau đây.



Lễ bế-mạc Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ (2.10.1956)

— Lễ chào cờ —

— Đứng giữa, tức là thứ ba từ trái sang phải hàng đầu, là ông Bộ-Tướng Nguyễn-Dương-Dền.
— Con từ trái sang phải hàng đầu là các ông Phạm-xuân-Bộ Phụ-tá Giám-đốc Nha Văn-hóa, Huỳnh-Hòa Phó-đốc Văn-hóa, và Ông Nguyễn Văn...



Lễ bế mạc Hội nghị Thống nhất ngôn ngữ (2.10.1956)

— Lễ chào cờ —

— Đứng giữa, tức là thứ ba từ trái sang phải hàng đầu, là ông Bộ-Tướng Nguyễn-Dương-Đôn.
— Còn từ trái sang phải hàng đầu là các ông Phạm-xuân-Độ, Phạm-tá-Giám-đốc Nha Văn-hóa, Huỳnh-Hà-Bhánh và Võ-nhà-Ba.

nước nhà, đã sốt-sắng đến tham-dự Hội nghị hôm nay, với một mục-đích và ý-chí rõ-rệt: Thống-nhất Ngôn-ngữ.

Các Vị sẽ hợp-thành những tiểu ban đề thảo-luận, nghiên-cứu, khảo-sát, và ấn-định những nguyên-tắc chắc-chắn về chính-tả và cách phát-âm, về việc so-sánh các tiếng đồng âm và đồng nghĩa, về các thổ-âm có thể phổ-biến trong toàn-quốc, về việc giới-thiệu các nhân-vật nhận soạn thảo từ-điền cùng các tập danh-từ về các ngành kỹ-thuật hay các ngành học chuyên-môn. Các vị sẽ tập-trung những tài-liệu xác-đáng, và cụ-thể, để làm căn-bản cho một Đại Hội-Nghị Văn-hóa toàn-quốc, mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục rồi đây sẽ triệu-tập.

Công-cuộc thống-nhất ngôn-ngữ này nằm trong một chương-trình hoạt động văn-hóa rộng-rãi của Bộ, — chương-trình có thể tóm-tắt trong ba nguyên-tắc chính :

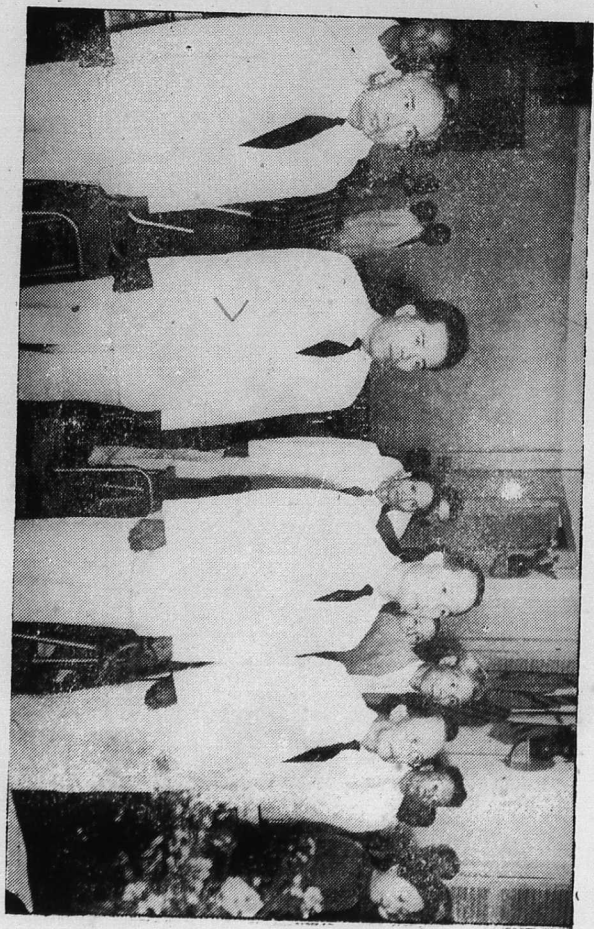
— giữ-gìn văn-hóa cổ-truyền, một nền văn-hóa phản-ánh các đặc tính của giống-nòi, và đã sinh-xuất ra biết bao anh-hùng, liệt-nữ ;

— đón nhận những tài-liệu của văn-hóa thế-giới, thấu nọp những cái hay, cái đẹp từ bốn phương đưa lại, khiến cho cái căn-bản tinh-thần của dân-tộc thêm phần phong-phú.

— vừa phát-huy nền văn-hóa quốc-gia, vừa góp phần vào nền văn hóa chung của nhân-loại.

Muốn đạt các mục-đích rộng-rãi kia, Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ mở mang Nha Văn-hóa, đặt thêm các phòng nghiên-cứu và xuất-bản, phụ-trách việc sưu-tầm các tài-liệu trong nước hay ngoài nước, rồi biên-soạn thành từng-thư hay tạp-chí, để phổ-biến trong toàn-quốc các kiến-thức cần-thiết cho một quốc-gia tiến-tiến. Đồng-thời, sẽ có các cơ-quan phụ-trách việc soạn-thảo từ-điền, khảo sát văn-phạm và các danh-từ chuyên-môn, cùng nghiên-cứu việc thiết-lập một Hội Văn-hóa quốc-gia, khởi điềm cho một Hàn-Lâm Viện.

(1) Diên-văn của ông Giám-đốc Nha Văn-hóa đăng ở trang 1775 sau đây.



Lễ bế mạc Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ (2.10.1956)

— Dương giữa, tức là thứ ba từ trái sang phải hàng đầu, là ông Bộ-Tướng Nguyễn-Dương-Đôn.

— Lễ chào cờ —

— Còn từ trái sang phải hàng đầu là các ông Phạm-xương-Độ, Phạm-tú-Giân, đốc Nha Văn-hóa, Huỳnh-Hòa Phấn, tá Vụ-ngoại-Di, Cục Văn-thư-Quốc-gia.

— Còn từ trái sang phải hàng đầu là các ông Phạm-xương-Độ, Phạm-tú-Giân, đốc Nha Văn-hóa, Huỳnh-Hòa Phấn, tá Vụ-ngoại-Di, Cục Văn-thư-Quốc-gia.

sal-biệt rất ít kia, để toàn-thê đồng-bào, dù ở hoàn-cảnh nào, dù quê-quán ở đâu, cũng có thể hiểu biết nhau hơn. Thống-nhất về ngôn-ngữ và tinh-thần, tức là làm cho nhân-dân thêm tình đoàn-kết và tương-thân tương-ái. Như ông Giám-đốc Nha Văn-hóa vừa nói, (1) sự cố gắng này lại rất hợp-thời, vì sau cuộc di-cư lớn-lao hồi năm kia, đồng-bào Nam-Bắc đã có dịp chung sống hàng ngày.

Vậy, lời trân-trọng cảm-ơn quý VỊ, vì tha-thiết với nền Văn-hóa nước nhà, đã sẵn-sàng đến tham-dự Hội-nghị hôm nay, với một mục-dích và ý-chí rõ-rệt : Thống-nhất Ngôn-ngữ.

Các VỊ sẽ hợp-thành những tiểu ban để thảo-luận, nghiên-cứu, khảo-sát, và ấn-định những nguyên-tắc chắc-chắn về chính-tả và cách phát-âm, về việc so-sánh các tiếng đồng âm và đồng nghĩa, về các thổ-âm có thể phổ-biến trong toàn-quốc, về việc giới-thiệu các nhân-vật nhận soạn thảo từ-điền cùng các tập danh-từ về các ngành kỹ-thuật hay các ngành học chuyên-môn. Các vị sẽ tập-trung những tài-liệu xác-đáng, và cụ-thể, để làm căn-bản cho một Đại Hội-Nghị Văn-hóa toàn-quốc, mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục rồi đây sẽ triệu-tập.

Công-cuộc thống-nhất ngôn-ngữ này nằm trong một chương-trình hoạt động văn-hóa rộng-rãi của Bộ, — chương-trình có thể tóm-tắt trong ba nguyên-tắc chính :

— giữ-gìn văn-hóa cổ-truyền, một nền văn-hóa phản-ánh các đặc-tính của giống-nòi, và đã sinh-xuất ra biết bao anh-hùng, liệt-nữ ;

— đón nhận những tài-liệu của văn-hóa thế-giới, thấu nọp những cái hay, cái đẹp từ bốn-phương đưa lại, khiến cho cái căn-bản tinh-thần của dân-tộc thêm phần phong-phú.

— vừa phát-huy nền văn-hóa quốc-gia, vừa góp phần vào nền văn hóa chung của nhân-loại.

Muốn đạt các mục-dích rộng-rãi kia, Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ mở mang Nha Văn-hóa, đặt thêm các phòng nghiên-cứu và xuất-bản, phụ-trách việc sưu-tầm các tài-liệu trong nước hay ngoài nước, rồi biên-soạn thành từng-thư hay tập-chí, để phổ-biến trong toàn-quốc các kiến-thức cần-thiết cho một quốc-gia tân-tiến. Đồng-thời, sẽ có các cơ-quan phụ-trách việc soạn-thảo từ-điền, khảo-sát văn-phạm và các danh-từ chuyên-môn, cùng nghiên-cứu việc thiết-lập một Hội Văn-hóa quốc-gia, khởi điếm cho một Hàn-Lâm Viện.

(1) Diên-văn của ông Giám-đốc Nha Văn-hóa đăng ở trang 1775 sau đây.

Trong khi chưa kịp thiết-lập các cơ-quan vừa kể, Bộ phải nghiên-cứ ngay các vấn-đề khẩn-yếu; và công-việc của Hội-nghị thống-nhất ngôn-ngữ hôm nay, là một trong các công việc sơ khai của chương trình hoạt-động văn-hóa. Các vị là những người thợ phá đường cắm mốc, để sau này rừng văn, bẽ học được khai thác, mà nảy-nở ra những hoa thơm cỏ lạ, xứng đáng với nước Việt-Nam mới.

Bước đầu đã khó-khăn, vấn-đề ngôn-ngữ lại là một vấn-đề vô-cùng tế-nhĩ, đòi hỏi nhiều kiến-thức và kinh-nghiệm. Thật vậy, ngày nay, các học-giả đều công-nhận rằng: tập-tục là chủ-nhân ông của ngôn-ngữ. Các vị đã thừa rõ rằng: nhà văn-phạm hay ngôn-ngữ học không thể giống như các nhà lập-pháp, thường phải tự nghĩ ra những luật-lệ hợp-lý và hợp-tình, để nhân-dân sẽ noi theo. Trái lại, họ phải luôn luôn theo dõi cách dùng chữ, đặt câu đã được phổ-thông trong nước, đã được một số đông dân-chúng hoan-nghehnh, áp-dụng, để căn-cứ vào đó mà tìm ra các luật-lệ văn-phạm hay ngữ-pháp, những luật-lệ vẫn tiềm-tàng trong ngôn-ngữ thông-thường, mà ta phải tìm ra, nếu ra một cách xác-đáng, tinh-ôi và rõ-rệt.

Nhưng công-việc dù phức-tạp, cũng cần phải thực-hiện; vì như trên đã nói, nó là căn-bản của nền văn-hóa quốc-gia và một nguồn cảm-thông để gây nên tinh-thần đoàn-kết, cần-thiết cho sự thống-nhất quốc-gia.

Với lòng tin-tưởng ấy, tôi chúc Quý-vị thành-công rực-rỡ, và trân-trọng khai-mạc cuộc Hội-nghị đầu tiên, nhằm mục-tiêu thống-nhất ngôn-ngữ.

DIỄN-VĂN GIỚI-THIỆU

Hội-nghị của Ông Giám-Đức nha Văn-Hóa

Thưa Ông Bộ-Trưởng,

Thưa Quý Liệt-Vị.

Hôm nay, dưới quyền chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng, chúng ta nhóm-hợp để làm một việc đầy ý nghĩa là đặt nền móng cho sự thống nhất ngôn ngữ.

Đề dành quyền sống xứng-đáng, để vững bước tiến tới một tương-lai huy-hoàng, cá-nhân cũng như đoàn-thể đều phải thống-nhất lực-lượng, thống nhất ý chí, thống-nhất tinh-cảm, và thống-nhất hành-động. Một trong các lợi khí mạnh hơn cả, mà cũng phổ-thông hơn cả, để đạt sự thống-nhất toàn-diện đó, há chẳng phải là một ngôn-ngữ thống-nhất đó ư?

Trong suốt thời-kỳ đó-hộ, mọi cố-gắng của kẻ thống-trị là chia rẽ dân-tộc, đất-nước, về thể-chất cũng như về tinh-thần. Đất chia làm ba kỳ, lệ luật hành chính gây đủ thứ khó-khăn trong sự đi lại, làm cho cùng con dân đất nước mà miền nọ khó hiểu tâm-trạng miền kia. Sự đối đãi cũng chênh-lệch, làm tăng lòng tị-hiền, nghi-kỵ. Ngôn ngữ như ngừng đọng lại ở từng nơi với những thô-àm, những ý nghĩa riêng biệt, không sao lan-trần đi nơi khác được, khiến chúng ta đã xa nhau về địa-lý, về chế-độ chính-trị và hành-chánh, lại xa nhau cả về ngôn-ngữ, tinh-tinh, tư-tưởng.

Lại nữa, ngay cùng một nơi, mà mỗi hạng người trong xã-hội có một lối xưng hô, một cách ăn nói riêng biệt, nó làm cho kẻ khác giai-cấp tuy biếu nỗi nhau, nhưng vẫn cảm-thấy quá rõ-rệt sự phân-chia, đặc-tính của nền phong-kiến xưa.

Giờ đây, nước nhà đã trải qua một cơn thử thách khủng khiếp và đấng đấng hàng chục năm trời, các giai cấp đã được xóa trộn, thôn què với thành thị lân cận mặt thiết, lại thêm cuộc di cư vĩ đại hồi 1954 làm cho Bắc Nam gần gũi. Sự thông cảm do đó nảy nở ra, đã là khía cạnh bất ngờ của cái thảm họa nước ta phải chịu đựng. Thật là những điều kiện thuận tiện cho việc thống nhất ngôn-ngữ nước nhà.

Nước ta đã đến lúc phải cố-gắng vượt-bực về mọi phương diện để theo kịp các nước tiên-tiến về khoa-học và kỹ-thuật, chúng ta ai cũng sốt sắng muốn thấu-thái lấy tất cả cái tinh-hoa của các nước đó.

Một số trong chúng ta đã được tội-nguyên, vì đã biết ngoại-ngữ. Nhưng, một vài nhóm lẻ-loi có đầu gây được lực lượng hùng hậu cho đất nước. Ta cần phải biến chất những tinh-hoa đó để gia-nhập vào cái nền văn minh, cái kho kinh-nghiệm của đất nước, để toàn dân có thể hấp thụ một nền văn-hóa mạnh-mẽ, sức-tích, nhưng hoàn-toàn có màu sắc Việt-Nam. Muốn được như thế, tất chúng ta phải có một kho từ-ngữ thích hợp.

Nhưng, một người thợ trước khi sắm dụng cụ mới, tất phải kiểm-điềm những dụng cụ sẵn có, xếp những thứ tương tự vào một loại, lựa chọn những thứ tiện dụng nhất, và ấn-định cách dùng hợp lý hơn cả. Đối với ngôn ngữ, Hội Nghị này cũng sẽ làm một công việc tương tự.

Đề đạt những kết-quả thiết-thực, đề tránh làm phí thì-giờ quý-báu của quý liệt-vị, chúng tôi mạn phép dự-trừ rằng : Hội Nghị, sau khi bầu lấy ban điều khiển hội-nghị, sẽ :

— ấn-định những tiêu-ban sẽ thành lập đề

Nghiên cứu cách phát-âm và chính-tả,

Nghiên-cứu các thô-âm,

Nghiên cứu các danh từ địa-lý, kỹ-thuật và mỹ-thuật,

— ấn định nhiệm vụ và thể thức hoạt động của từng tiêu ban.

— ấn định thành phần của các tiêu ban.

Hội nghị lại ấn-định trước, ngày sẽ tái họp.

Sau đó, các tiêu ban sẽ họp riêng đề nêu ra các chi tiết hoạt động và phân công cá nhân, rồi bắt tay vào việc. Trong thời gian một vài tuần lễ chờ ngày tái họp, mỗi vị sẽ nghiên cứu chu đáo phần công tác mình đã lãnh, đề khi họp lại, những công lao cá nhân đó sẽ được đem ra phê bình, thảo luận, lựa chọn trong tiêu ban của mình, hun đúc lại làm một tờ trình chung, rồi Hội nghị sẽ mạc.

Công việc chúng ta làm có phần khó khăn, đó là công lệ của mọi bước đầu. Nhưng, dù có ít hay nhiều khuyết điểm, chúng ta cũng vẫn sẽ là kẻ đã có công khai sơn phá thạch. Chưa kè tới những kết quả đẹp-đẽ nó chờ đợi tất cả chúng ta ở đầu kia con đường, chúng ta vẫn đã có thể tự hào là kẻ có tâm huyết, biết lo cho tương lai đất nước, biết phục vụ hữu ích và biết tỏ ra xứng đáng với sứ mạng của người dân có cái may mắn sống trong giai đoạn lịch sử này.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Ông Bộ-Trưởng đã không ngại muôn công nghìn việc tới khai mạc buổi Hội nghị hôm nay, và quý liệt vị, đã bớt thời giờ quý báu, tới dự thật là đông đảo.

Lòng nhiệt-thành của tất cả quý vị càng làm sáng tỏ sự quan trọng của vấn đề, và sẽ là bảo-đảm chắc-chắn cho sự thành-công của Hội nghị vậy.

o°o

DANH-SÁCH

CÁC NHÂN-VIÊN HỘI-NGHỊ

I. — BAN ĐIỀU-KHIỂN HỘI-NGHỊ

- Bà Đoàn-Quan-Tấn, Chủ Tịch.
Ô.Ô. Nguyễn-dăng-Thục, Phó Chủ Tịch.
— Phạm-xuân-Độ, Thư Ký.
— Nguyễn-thế-Tương, Phó Thư Ký.

II. — BAN NGHIÊN-CỨU TỪ-NGỮ ĐỊA-PHƯƠNG

- Ông Nguyễn-trọng-Hàn, Trưởng Ban.
Các bà Trần-thị-Cổ. Ô.Ô. Nguyễn-văn-Khôn.
— Phạm-thị-Hợp. — Vũ-văn-Bách.
— Nguyễn-thị-Thơm. — Bửu-Cầm

III. — BAN NGHIÊN-CỨU PHÁT-ÂM VÀ CHÍNH-TẢ

- Ô.Ô. Nguyễn-bạt-Tuy, Trưởng Ban.
— Lê-ngọc-Trụ. Ô.Ô. Trần-văn-Quới
— Lê-đình-Huyền. — Nguyễn-xuân-Đào
— Vũ-xuân-Thuật. — Nguyễn-ngọc-Thành.
— Đàm-duy-Tạo. — Nguyễn-văn-Thơ.
— Vương-hồng-Sên. — Nguyễn-văn-Kiểm.
— Đặng-văn-Ký. — Nguyễn hoàng-Chừng.
— Đào-văn-Trùng. — Huỳnh-hữu-Liêm.
— Trương-bửu-Tấn.

IV. — BAN NGHIÊN-CỨU TỪ-NGỮ CHUYÊN-MÔN

Lĩnh-mục Trần-văn-Hiến-Minh, Trưởng-Ban.

I — Ngành Quân-Sự

Uỷ-viên phụ-trách : Trung-úy Hoàng-ngọc-Đình, Trưởng-ban tác-dịch,
Phòng Quân-huấn, Tổng Tham-Mưu.

Cộng-sự-viên : Thiếu-tá Trần-Bá	Trung-úy : Nguyễn-duy-Bật
Đại-úy Huỳnh-công-Thành	— Phạm-viết-Nhân
— Nguyễn-văn-Thành	— Phan-Ngô
Trung-úy Nguyễn-văn-Bê	— Nguyễn-văn-Hữu
— Nguyễn-văn-Bảo	— Trần-văn-Thanh
— Lê-ngọc-Hiền	Thiếu-úy Lê-văn-Mật
— Nguyễn-văn-Hiệp	— Lê-văn-Phú

2.— Ngành Công-Chấnh

<i>Uỷ-viên phụ-trách :</i> Ô.Ô. Nguyễn-duy-Ân	
<i>Cộng-sự-viên :</i> — Phùng-ngọc-Phụng	Ô.Ô. Lương-duyên-Ninh
— Trương-văn-Chính	— Nguyễn-Thụy
— Lê-văn-Tư	— Phạm-chí-Thành

3.— Ngành Địa-Chấnh

Uỷ-viên phụ-trách : Ông Nguyễn-xuân-Khương

4.— Ngành Địa-Lý

<i>Uỷ-viên phụ-trách :</i> Ô.Ô. Tăng-xuân-An	Ô.Ô. Trần-văn-Thước
<i>Cộng-sự-viên :</i> — Nguyễn-ngọc-Cư	
— Bùi-huy-Phảng	— Hoàng-thế-Mỹ
(do Ô Nguyễn-xuân-Khương đề-nghị)	

5.— Ngành Kỹ-Thuật

<i>Uỷ-viên phụ-trách :</i> Ô.Ô. Ngô-đức-Kính
<i>Cộng-sự-viên :</i> — Nguyễn-đang-Hoàng

6.— Ngành Mỹ-nghệ và Mỹ-thuật

<i>Uỷ-viên phụ-trách :</i> Ô.Ô. Lưu-đình-Khải
<i>Cộng-sự-viên :</i> — Lê-văn-Đệ

7.— Ngành Âm-nhạc

Uỷ-viên phụ-trách : Ông Nguyễn-Phụng

8.— Ngành toán

<i>Uỷ-viên phụ-trách :</i> Ô.Ô. Đào-văn-Dương	
<i>Cộng-sự-viên :</i> — Trần-văn-Bạch	Ông Nguyễn-huy-Quán.

9.— Ngành Lý-Hóa

Uỷ-viên phụ-trách : Ông Vũ-lai-Chương

10.— Ngành Vạn-vật

Uỷ-viên phụ-trách : Bà Phạm-chí-Thuần

11.— Ngành Pháp-luật, Chánh-trị, Kinh-tế, Tài-chính

Uỷ-viên phụ-trách : Luật-sư Đào-văn-Tập

12.— Ngành Canh-nông và Thú-y

Uỷ-viên phụ-trách : Ông Nguyễn-hữu-Mưu

13.— Ngành Y-khoa

(Do hai Bác-sĩ Trần-đình-Đệ và Nguyễn-văn-Ái giới-thiệu)

Uỷ-viên phụ-trách : Bác-sĩ Trần-đình-Đệ

<i>Cộng-sự-viên :</i> Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái	Bác-sĩ Nguyễn-lưu-Viên
— Phạm-biêu-Tâm	— Trương-văn-Chom
— Nguyễn-Hữu	— Phan-huy-Quất
— Nguyễn-đình-Cát	— Nguyễn-anh-Tài
— Hoàng-gia-Hợp	— Lê-văn-Khải
— Phan-quang-Đán	— Lê-khắc-Quyển
— Trần-ngọc-Ninh	— Nguyễn-văn-Nguyên

14.— Ngành Triết-học

Uỷ-viên phụ-trách : Liệt-mục Trần-văn-Hiến-Minh

<i>Cộng-sự-viên :</i> Ô.Ô. Nguyễn-ngọc-Cư	L.M. Trần-thanh-Khiết
— Lê-văn-Lục	Ông Trần-bích-Lan
— Lê-thành-Trị	

15.— Ngành Khoáng-chất

Uỷ-viên phụ-trách : Ông Cao-văn-Ba (do ông Phạm-chí-Thành đề-nghị)

16.— Ngành Hành-chấnh

Uỷ-viên phụ-trách : Ông Lý-bình-Huệ (do ông Phùng-ngọc-Phụng đề-nghị)

V.— DANH-SÁCH CÁC VỊ ĐƯỢC ĐỀ-CỬ LÀM VĂN-PHẠM VÀ TỪ-ĐIỀN

Hội-đồng kiểm-thảo ngày 1-10-1956 đã đề-nghị cử các vị có tên sau đây để sau này tham-gia việc soạn-thảo :

1— Văn-phạm (thứ tự a, b, c.)

2— Từ-điền

Ô.Ô. Lê-công-Đắc	
L.M. Trần-văn-Hiến-Minh	
— Vương-hồng-Sên	
— Nguyễn-trọng-Hàn,	
— Nguyễn-Thụy	
— Nguyễn-bạt-Tụy	
— Đàm-duy-Tạo	
— Đào-văn-Tập	
— Lê-ngọc-Trụ	
— Nguyễn-bạt-Tụy	

BAN TỪ-NGỮ ĐỊA-PHƯƠNG

THUYẾT - TRÌNH

Toàn-ban chúng tôi hết sức cố gắng để thử đi sâu vào vấn-đề, chúng tôi nhận thấy có nhiều điều phức-tạp không ngờ.

Đây là mấy điều mà chúng tôi phức-họa làm cái mốc đường đi, để theo đó mà làm việc cho có kết-quả.

Phương-pháp phân-loại các từ-ngữ địa-phương :

Về phương-diện địa-dồng trong từ-ngữ địa-phương, đại-khái có thể chia nước ta làm hai khu-vực : Bắc (Bắc-phần và phía bắc Trung-phần) và Nam (Nam-phần và phía nam Trung-phần).

Xét về vấn-đề này, Hội-đồng đã nhận thấy những điều khác nhau ấy có thể chia làm hai loại :

- 1.— Những sự khác nhau do sự nói sai, viết sai mà ra.
- 2.— Những điều khác nhau hẳn về phong-thổ mỗi xứ.

1) Những tiếng khác nhau về loại trên, có khi sai cả cách nói và cách viết. Có khi sai về thanh và âm, trong Nam ngoài Bắc không giống nhau.

Những tiếng về loại này thuộc về phạm-vi nghiên cứu của ban Phát-âm và Chính-tả, xin miễn lạm bàn.

II) Còn về loại thứ nhì là những tiếng khác nhau vì phong-thổ, thì sau này nhờ có sự giao-thông tiện-lợi, và công-cuộc của Hội-đồng nghiên cứu Thống-nhất Ngôn-ngữ này, kẻ Nam, người Bắc sẽ được gặp nhau luôn và nhờ sách-vở báo-chí phổ-thông, nhân dân toàn-quốc sẽ dần dần thông-cảm nhau bằng ngôn-ngữ, tư-tưởng và văn-chương một cách dễ-dàng hơn. Như thế tiếng Việt-nam chúng ta sẽ được giàu thêm, vì sẽ có nhiều tiếng để chỉ một ý, một vật, thì trong việc làm văn-thơ, các thi-sĩ, văn-sĩ sẽ được rộng-rãi mà lựa-chọn, các nhà báo sẽ tham-dụng cả tiếng Nam, tiếng Bắc với một sự chọn-lọc tế-nhị, sẽ có thể chắc chắn rằng : từ-ngữ văn-tự chúng ta sẽ có ngày được hoàn-toàn thống-nhất.

Bây giờ, chúng tôi xin trình-bày cùng toàn-thê Hội-nghị về cách phức-họa chương-trình, phân-loại từ-ngữ địa-phương, do ban chúng tôi phụ-trách như sau :

1— Tìm những từ-ngữ địa-phương mà Nam, Bắc phát âm khác nhau nhưng cùng nghĩa, như : Thìà, muông ; đổ lạc, đậu phộng...

2— Tìm những tiếng địa-phương xét ra vô-lý hay không đúng nghĩa thì đề-nghị loại trừ như : Xe đạp gọi là xe máy ; đi vào tự-do, nói là đi vô thông-thả...

3— Chọn những tiếng đồng-nghĩa nên giữ lại, mà xếp đặt theo thứ tự đáng dùng, như : Trời, giời ; na, măng-cầu...

4— Những tiếng chỉ có trong một miền mà thôi, như tên các thứ cây các thứ cá. Trừ trường-hợp xét ra vô-lý, còn nên phổ-biến các tiếng ấy, trong toàn-quốc.

5— Tìm những tiếng đồng-âm mà khác nghĩa, như trái mận ở Nam khác với quả mận ở Bắc.

6— Những danh-từ Hán-Việt mà Bắc và Nam lại đọc khác nhau.

Trong công việc này, chúng tôi có một vài điều nhận-xét như sau :

1.— Tiếng Bắc có phần tế-nhị về phần tình-nghĩa.

2.— Trái lại, tiếng Nam có ít từ-ngữ phải loại-trừ.

3.— Có nhiều tiếng đáng loại trừ vì tình-nghĩa. Đó là những tĩnh-từ, động-từ, và trợ động-từ.

4.— Rất cần tập-trung những tiếng khác âm mà đồng-nghĩa để làm giàu cho từ-ngữ Việt-Nam và được sắp-đặt theo thứ-tự đáng dùng.

Đề có thể thi-hành chương-trình mà chúng tôi vừa phức họa trên đây, ban chúng tôi phải hết sức tìm lấy một lối ra. Đó là cách phân công với nhau để tìm kiếm những tiếng thổ-âm Nam Bắc trong suốt cuốn tự-vị Việt-ngữ. Chúng tôi lại phải chia ra những danh-từ, tĩnh-từ, động-từ, ... đề sau này hội-nghị có muốn xét lại cũng được dễ-dàng.

Đó là một vài công tác của ban chúng tôi đã hết sức cố-gắng thực hiện về nhiệm-vụ mà chúng tôi phụ-trách.

o°o

Thưa toàn thê Hội-nghị,

Nếu hội-nghị vui lòng cho phép, chúng tôi xin bày tỏ một vài thiên-ý về công-cuộc thống-nhất ngôn-ngữ Việt-nam như sau :

Vấn-đề nghiên-cứu này muốn có kết-quả phải có tính-cách liên-tục và tỉ-mỉ, cho nên chúng tôi muốn đề-nghị với bộ Quốc-gia Giáo-dục nên thiết lập một ban nghiên cứu thống-nhất ngôn-ngữ Việt-nam có chuyên trách vĩnh-viễn như những công sở khác.

Ban này sẽ chia ra hai tiểu-ban :

a) — Một tiểu-ban chuyên về việc tập-trung tài-liệu.

b) — Một tiểu-ban nghiên-cứu về tinh-nghĩa.

Toàn ban nghiên-cứu sẽ đặt dưới quyền kiểm-soát của Nha Văn-hóa Việt-nam, và dưới quyền trực-tiếp chỉ-huy của một hội nghiên cứu thống nhất ngôn-ngữ,

Tôi mong rằng hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ Việt-nam, không tạm thời mà liên-tục với một thành-phần rộng rãi hơn. Hội ấy sẽ gồm có những người trong nước có tâm-huyết, có năng lực đủ các ngành đề cùng nhau xây-dựng cho nền văn-hóa V.N. được phong phú và tốt đẹp hơn. Hội nghiên-cứu này cứ một hay hai tháng lại họp một lần để nghe thuyết-trình của nhân-viên Tiểu-ban thu-thập tài-liệu và tinh-nghĩa, rồi thảo-luận tỉ-mỉ tìm ra những quy-tắc chung để chỉ huy cả hai ban nói trên. Thành-phần của Hội nghiên-cứu này gồm có hai đại-biêu của mỗi ngành chuyên-môn do các bộ đề cử, người có năng lực hoạt-động hơn hết về phương-diện văn-hóa, những văn-học gia cùng các nhà viết báo. Như thế mới có thể tạm gọi là tập-trung đủ các hàng trí-thức trong nước để nghiên-cứu một vấn-đề cực-kỳ quan-trọng và rất có bổ-ích cho quốc-dân.

Bây giờ xin nói tới việc thu-thập tài-liệu :

a) — Về việc phát âm và chính tả, nên đăng báo-chí để thu-thập hết những ý-kiến của những người có năng-lực trong nước.

b) — Về việc nghiên-cứu những danh-từ khoa-học thì mỗi bộ đã có những đại-biêu tại hội-nghị nghiên-cứu, sẽ tập trung tất cả những tiếng chuyên-môn của ngành mình hoạt-động với lời khuyến-khích của ông Bộ-trưởng sở-trách. Như thế thì trong một thời gian, có thể thu thập được khá nhiều những danh-từ chuyên-môn đề hội-nghị nghiên-cứu.

c) Về việc nghiên-cứu những từ ngữ địa-phương phải cần có những giáo-chức địa-phương, những cán-bộ y-tế, canh-nông và quân-đội giúp sức, vì những người này thường có dịp tiếp-súc với dân chúng nhiều hơn.

Riêng về các Giáo-Viên Tiểu-học địa phương, tôi muốn đề-nghị thêm về việc thu thập những tài-liệu về thăng cảnh lịch-sử, kỹ-nghệ địa-phương cũng như những phương-ngôn, tục-ngữ, câu hát, câu ví trong vùng. Muốn cho mọi người vui lòng thì đưa hăng-hái về việc này, dám mong Chính-phủ tìm cách khuyến khích họ bằng mọi hình thức.

Những tài liệu thu thập được sẽ tập trung tại Viện Văn-Hóa toàn quốc, để giao cho tiểu ban thu thập tài-liệu nghiên-cứu rồi làm thuyết-trình để trình Hội-Nghị Nghiên-cứu.

Ban Tinh-Nghiã thì thành-phần ít ra cũng có một, hai vị có năng-lực về Hán-học, vài vị có năng-lực về Pháp-văn và Khoa-học, vài vị về tinh-nghĩa và phát âm cùng chính-tả. Tất cả những nhân viên phải đủ những người ở Trung, Nam và Bắc.

Hàng tháng, những nhân-viên trên này phải thuyết trình những công việc của mình đã làm trong thời hạn đã định, và đề nghị đề hội-nghị khảo-sát rồi thông qua, để được công-bố vào tờ văn-hóa nguyệt-san do bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản, làm tài-liệu khảo sát cho một hội-nghị « Thống nhất ngôn ngữ toàn quốc ».

Có như thế thì công việc nghiên-cứu mới được mười phần chu-đáo và đạt được mục-dích mong muốn, vì việc này là một vấn-đề phức-tạp và khó-khăn, không thể trong một thời gian ngắn mà thành công được.

Lấy tư cách là một phần-tử của hội-nghị, tôi xin mạo-muội có mấy lời rất tỏ tác thành, mong được hội đồng lưu ý, và có điều gì sơ-xuất xin các bạn cũng thể-tình.

NGUYỄN-TRỌNG-HÀN

Trưởng Ban nghiên-cứu danh-từ địa-phương

Lời đẹp ý hay :

Vì phòng đường đòt bằng-phẳng cả,

Anh-hàng hào-kIỆt có hơn ai ?

Phan-bội-Châu

o°o

*Đường đi khó chẳng phải khó vì ngăn sông cách núi, mà chi
khó vì lòng người ngại núi e sông.*

Nguyễn-bá-Học

(Do Nam-Hung sưu-tầm)

CÁC DANH-SÁCH TỪ-NGỮ ĐỊA-PHƯƠNG⁽¹⁾

I. — NHỮNG TIẾNG XÉT RA KHÔNG ĐÚNG NGHĨA

(đề - nghị bãi bỏ)

Tiếng thông-dụng	Tiếng đề-nghị bỏ	Tiếng thông-dụng	Tiếng đề-nghị bỏ
Ao	Vũng	Mũ	Nón
Cần thận	Đàng hoàng	Ngon	Béo
Cây	Ôm	Quét vôi	Sơn nhà
Gói thuốc lá	Bịch thuốc điếu	Thép	Kém
Cổ	Cây	Trai (hạt)	Phéc (hột)
Khay	Mắm	Vóng (cái)	Neo (cái)

o°o

II. — NHỮNG TỪ-NGỮ ĐỊA-PHƯƠNG ĐỐI CHIẾU

A

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Ăn uống no nê	Ang nhậu sả sê	Ác dữ	Khắc bác
Ăn cắp	Môi	Ăm ỹ	Rùm beng
Ảnh	Hình	Ăn tham	Như
Ảnh	Bóng	Ao sâu	Bầu vôi
Ấm tích nước	Bình trà	Ao lớn	Cầu lớn
Anh ấy	Ảnh		

(1) Tài-liệu do Ban từ-ngữ địa-phương sưu-tầm, nếu có chỗ thiếu-sót hay sai lầm, đám mong các bạn đọc cho biết ý-kiến (L.T.S.)

B

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Bút	Cây viết	Bòn mót có ít	Chế hóa
Bao diêm	Hộp quẹt	lầm ra nhiều	
Bọn mắt dạy	Bọn lưu manh	Bùm mép	Chèo mồm
Bọn du côn du đàng	Bọn dả cà lẩn rưa	Bắt đầu	Khởi sự
Bạn thân	Bồ	Bắt cứ	Bắt càu
Bột gạo tẻ	Bột tẻ	Bóng (quả)	Banh
Bùn lầy	Sình	Bò lỏng	Bò bẻ
Bún	Búng	Bỏ nợ	Bỏ vơ
Bụi	Bụi	Bón cơm	Đút cơm
Bít tất	Vớ	Bôi nhọ	Bôi lọ
Bọt (nước)	Nước miếng	Bị chẹt	Bị kẹt
Bầy kẻ cắp	Bọn ăn trộm	Bắt chẹt	Bị ép
Dây buộc vai trâu	Dây ống	Bơi	Lội
Bị ôn dịch bắt	Mặc ôn mặc dịch	Bới ra	Bươi ra
Bả vai	Chả vai	Bén mảng	Lãng vãng
Bề	Hồ	Bêu xấu	Xấu xa
Bổ (chả)	Tĩa	Bôi	Xúc
Buổi sáng	Ban mai	Bóc vỏ	Lột vỏ
Bát	Chén	Bê xuống	Bê dọc
Bà	Cô	Bóp cò	Bóp hầu
Bát to	Bu gà	Bội	Bội
Bát lớn	Tượng lớn	Bánh xe	Cầm xe
Bật lửa	Quẹt máy	Bụi cây	Lùm cây
Bồ củi	Bừa củi	Bẹp	Móp
Bấm thịt	Vằm thịt	Bạc thang	Nấc thang
Bịu môi	Trề môi	Bình rượu	Nhao rượu
Bầy lên	Xeo nậy	Bơm (cái)	Ổng bơm
Bận việc	Mắc việc	Bọ rùa (con)	Con rầy
Bệnh vực	Bình việc	Bánh thuốc	Rê thuốc
Bế ăm	Bồng	Bà lang	Bà thầy
Bời	Bươi	Bạc hào	Bạc giắc
Bán buôn nhỏ	Bán sỉ	Bà xít lửa	Ban miếu
Bồi thường	Thường	Bia đá	Bi
Bị vảy	Bị bố	Bao bằng cói	Bao bèo
Bảo	Biều	Bài phú sau sách	Bạt
Bắt quả tang	Bắt tại trận	Bia kỷ niệm	Bi-kỷ
Bậu (ruồi)	Bu	Bọ chó	Bọ chét
Bị bùa mê	Bị bỏ Ngải	Bia trên mộ	Bi-trí
		Bẻ lái đường sắt	Bẻ ghi

Tiếng Bắc

Bồ hòn
Bà rượu
Bút sơn
Còi thổi
Bình sứ lớn

Tiếng Nam

Bòn hòn
Bọng
Cọ
Tu hút
Chóe

Tiếng Bắc

Bàn tay
Báo chí
Bút máy
Bốc đậu
Bồng nhiên
Bấp thịch cứng dãn

Tiếng Nam

Chưởng
Nhật trình tạp chí
Cây máy
Hốt đậu
Hốt nhiên
Gồng

C

Chậu
Cá khô
Cây cảnh
Cừu (con)
Cành bình
Cước chú
Chậu hoa
Cầu cống, lỗ cống
Chừa
Chén
Cò tời
Cò độc
Chảo (cái) bằng đất
Chân bông
Chấn dạ
Cốc (cái)
Chủ nhật
Chân
Chi nhánh
Chai (cái)
Cầm hứng
Cúc (cái)
Cọ
Cưỡi ngựa
Cắt cây
Chào
Chiếu phôi
Chê làm hai
Chăm học
Chạy trốn
Chạy trốn cho mau
Cam đoan

Bồn
Cá mắm
Cây kiềng
Con trầu
Ông cò
Bi chú
Kiềng
Bọng
Sửa
Tách, bát
O tời (tiếng Huế)
Quan quả
Cái ơ tay cầm
Mền gông
Cái ly
Cái ly
Chứa nhật
Chưn
Chi nhánh
Cái ve
Tiềm hứng
Cái nút
Chà sát
Cởi ngựa
Búng cây
Quào
Dọi phôi
Sả dôi
Siêng học
Bươm
Bươm quách
Bảo kết

Chào nhanh nhẹn
Cháy hết
Chạy bừa; nhanh
Chia nổi buồn
cùng nhau
Chôn rau cắt rốn
Có ghê không?
Chửi bần tin
Cọ xát
Chịu lỗi
Cãi nhau
Cầm lái
Cầu thông dầy
xuống xâu
Cầu sái
Cầu nhấp mỗi chạy
trên mặt nước
Cổ găng
Cà nách
Cười sỗ sàng
Chạy hăng tới
Chạy qua xem một
chút
Châm cứu
Chọc cho rơi
Chôm
Chơi đùa sỗ sàng
Cai quản
Chui
Chứa bạc
Chửi

Chào cái rụp
Cháy rục
Chạy đại
Chia sốt nổi đau
buồn
Chôn nhau cắt rún
Dữ thiết hôn?
Chửi séo
Cà cạ
Cam cứu
Cái lầy
Cầm máy
Cầu rà
Cầu nhấp
Cầu nhấp
Cổ kính
Cúc kíp
Cười bà lả
Chạy xả
Chạy xọt
Châm ngãi
Chòi
Chôm
Chợt nhả
Chủ trương
Chun
Chứa bạc
Chưởi

Tiếng Bắc

Căng thẳng
Cạnh tranh
Cười xin
Co gân
Cúp tóc
Che chở
Chọn lọc
Châm chọc
Chở xe
Chi tiêu (mọn)
Chớp mắt
Chớp ảnh
Chui vào
Chau máy
Chỉ có thể thôi

Chơi bời
Chụp ảnh
Chết dứt đừ
Chênh lệch
Cho xong
Cuối cùng
Coi bộ
Cổ vè bành bao
Chừa (đàn bà)
Củ tỏi tất cả
Cùng tuổi
Cuộc đời bon chen
Cực nhọc vất vả
Chẳng bao lâu
Chải vuốt đằng sau
Cương quyết
Cấu
Chẳng quý
Chăm chỉ
Chống xong
Choáng váng
Chốc
Chuyện khác
Chậm muộn
Chải chuốt
Cổ lỗi

Tiếng Nam

Kéo thẳng
Tranh đua
Gà cưới
Bóp bệ
Hớt tóc
Bảo hộ
Chọn lựa
Châm ché
Chở xe
Sở phứ
Nháy mắt
Hát bóng
Chun vô
Nhấn mày
Chỉ có bao nhiêu
thời
Chơi ron
Chụp hình
Chết một cửa tú
Chính lịch
Cho rời
Chốt
Cổ vè
Càng xôm
Cổ Đâu
Củ tỏi ráo chọi
Cùng tráng nửa
Cuộc đời bốn chôn
Chạy vì trốn vầy
Bao lăm
Chải téng
Cương ngạnh
Cấu
Không cung
Chăm lo
Mau rời
Chống mặt
Lát
Chê bẻ
Chê
Sửa soạn
Cổ nhạp

Tiếng Bắc

Cứng đầu cứng cổ
Chুষ্ট rút.
Chó xuống mà nói
Chấp vào
Cổ lên
Cởi áo
Lạt rời ra từng
củ một
Cặp
Cao - su
Chần
Cổ áo
Chạn
Chạc ba
Cái điếu
Chân lợn
Con xúc xắc
Cắt (chìm)
Cọc
Chiếc bánh
Chơi giầu
Cờ
Chân cột
Chấn bùn (cái)
Chậu sành
Công việc
Cái kim
Chòi (cái)
Con voi
Chai nhỏ
Cầu (chìm)
Cá nhỏ ở sông
Giận
Không cung
Chùm chọi (cái)
Chu-vi
Chiếc (một)
Chóp tóc ở trên đầu
Chân
Chòi (cái)
Củ cải
Chám (quả)
Chum nước
Cung tên

Tiếng Nam

Lỳ lợm
Vợp bẻ
Xối xuống
Ráp vào
Rán lên
Lật áo
Lạt rời ra từng
tép một
Cặp tấp
Dây thung
Mền
Bầu 60
Củi chén
Cháng ba
Bình điếu
Giò heo
Hột lức lác
Chim Ó
Nọc
Ồ bánh
Ồ trâu
Phượng
Tán
Cái vè xe
Vịm dất
Công chuyện
Cây kim
Cái chèn
Ông bở
Be
Chim cẳng
Cán
Cửa sài
Chao đèn
Cái trập trảo
Châu vi
Một chích
Chóp chài
Chơm, chun
Cái chúi
Tài sản
Trái ca-na
Lu nước
Giàng tên

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Chung vốn	Hùn vốn	Cần lằm	Gắt gao.
Cùng nhau	Hè nhau	Cùng nhau	Liên đới
Chánh Hội	Hương-chủ.		

D

Diêm	Quẹt	Do dự	Chần chờ
Dạ dày	Bao tử	Dễ chịu	Khỏe
Dứa tây	Trái thơm	Dần dần	Lần lần
Dứa ta	Trái khóm	Dáng vẻ, tính nết	Cách cục
Dện (con)	Con nhện	Dám nằng	Nám nằng
Dộng (con)	Con nhộng	Dốt nát	Lú
Dây lưng	Cái nịt	Đẹp ngay	Đẹp phút
Diêm	Con nhím	Do hỏi	Do hỏi
Dưa bở	Dưa gang	Dừng lại	Tộp
Dưa chuột	Dưa leo	Dao sắc	Dao bén
Doi (qua)	Quả mận	Dầu hỏa	Dầu hôi, dầu lửa
Dòng dây	Thòng dây	Dây chấu	Dối dây
Dúng	Nhúng	Dợ trâu	Dàng trâu
Dùi lỗ	Xoi lỗ	Díp (cái)	Cái nhíp
Dây mực	Dính mực	Dòng nước lên xuống	Con nước
Dồn lại một cách khó khăn	Cấp củng	Dở hết chỗ nói	Hạch bị dầm chề
Dúm môi chề ra	Chấu	Dây buộc	Dậy liệc
Dùng	Xài		

D

Đô chính	Đô sảnh	Đi chân cao thấp	Cà nhắc
Đồn lẻ	Bốt nhánh	Đùa bỡn có thể làm hư việc	Cắc có
Đường miếng	Đường thẻ	Đứng thẳng lên	Cồng
Đĩa	Nĩa	Đánh đai cho chặt	Chét
Đèn điện	Đèn khí, đèn hơi	Đốt lửa	Chụm lửa
Đứa bé	Thằng nhỏ	Đừng	Không nên
Đậu (củ)	Củ sắn	Đúng	Trúng
Đổ lạc	Đậu phộng	Đợi mãi	Đợi hoài
Địu con	Đai con	Đồ thăm	Au
Đớp mồi	Táp mồi	Đến	Tới
Đồ nước	Xối nước	Đặc lằm	Đặc sệt
Đèo (xe)	Chở (xe)	Đen nghệt	Đen nghệt
Đái ăn uống	Bao nhậu	Đỏ hơn	Đỏ lằm lỏi
Đền	Thường	Đắt	Mắc
Đang chạy nhanh	Chạy ngon trớn		
Đánh cuộc	Đánh cá		

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Đặt quế	Rút họng	Đi bộ	Lội bộ
Đầy bụng	Ợc bụng	Đừng nên tới chỗ đó	Néo hẳn tới
Đặt đồ	Mắc mỏ	Đi giày	Mang giày
Định làm	Dợm làm	Đơn thuốc	Toa
Độc trệt ra	Độc troai ra	Đường đi	Đàng đi
Đưa đi đưa lại	Đong đưa	Đích	Phiêu
Đi biển mắt	Đi ớt mắt	Đàn	Đờn
Đánh vào đầu	Khô óc	Đàn cò	Đoàn cò
Đề cả con xé ăn	Xé phay	Đĩa (chén)	Đĩa (chén)
Đánh diêm	Quẹt hộp quẹt	Đĩa (hát)	Đĩa (hát)
Đùa	Rỡn	Đùi	Bắp vế
Đuôi	Rượt	Đau mắt nặng	Bét
Đánh roi	Đánh rớt	Đờng lầy	Bưng
Đốt ngón tay	Lóng ngón tay	Đĩa bánh xe	Cầm

E

Ế hàng	Bán ế	Ê chề	Mắc cỡ
Êm đềm	Êm dịu, êm ái		

G

Gác	Lầu	Gọn gàng	Chỉnh tề
Gỗ	Cây	Gần sáng	Đêm lụn
Giày đàn ông	Giày sù	Gái	Háo
Gấu áo	Trôn áo	Giam	Nhốt
Gói thuốc lá	Bịch thuốc điếu	Gầy đàn	Khầy đàn
Gò đất	Nồng đất	Gương	Kiếng soi, gương thủy
Gáy (cái gáy)	Cái ớt	Ghế ngựa	Ngựa ván
Gường vải	Ghế bố	Gối kê đầu	Chăm
Dắt	Dẫn	Gạch hoa	Gạch bông
Giò giọt	Nhỏ giọt	Gian nhà	Căn nhà
Giăng co đến bao giờ	Chèo kéo đến bực nào	Quốc mộc	Quốc võng
Gọi	Kêu	Cổ gụ	Cổ gỗ
Giặt rú	Giặt gya	Già nua	Già cả
Gạt trừ nợ	Cần	Cột	Cụt
Giúp	Giùm	Gật đầu	Gật đầu
Giải khát	Giải lao	Gọi việc ra	Gạy việc ra
Ghi chú	Nốc hồ (hơ)	Gậy sụ	Gậy cần
Gửi	Gởi	Giấu kín	Giấu nhem
Gầy	Ốm	Giấy thấm	Giấy chập
Gom góp	Tom góp	Giấy bản ta	Giấy súc
Gầy cao	Cà tong cà teo	Gió độc	Gió chướng
Gác (đem)	Gát (đem)	Gối chéch đệm nghiêng	Gối chít đệm nghiêng

H

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Hào	Các	Hàng lụa mịn láng	Cấp
Hồ	Cạp	Hội đánh bạc	Chén
Họa	Bông(huê)	Hắc lò (bệnh)	Bệnh lát
Hủi (bệnh)	Phong, cùi	Họ mạc	Cùng họ
Hiệu	Tiệm	Hộp sữa	Lon sữa
Hoa nhài	Bông lài	Hàng com	Nhà hàng
Hái (cái)	Cái phạng	Hợp đồng (tờ)	Tờ giao kèo
Hiệu bán cá khô	Hiệu chạp phò	Hoàng (tên họ)	Huỳnh(tên họ)
Hiệu ăn bình dân	Tiệm ầu ngang xương	Hoa (nước)	Dầu thơm
Hòn bi	Hòn đạn	Hồng	Hư
Họ (chơi)	Hụi	Hần (chắc)	Hần
Hái	Bứt	Hoà	Huê
Han ri	Tỳ vít	Huých	Huýt
Hay lăm	Cục lạc	Hồng	Hùng
Hăm hề	Gật hờn	Hoạt	Hược
Híp (mắt)	Nhíp (mắt)	Hống hách	Hung hách
Hợp tác	Hiệp tác	Hây cón	Hái cón
Hư hồng	Bảy	Hật	Hật
Hạng bát	Hạng chót	Hợp	Hạp
Héo dần héo mòn	Ốm lẩn lẩn đi	Hòn	Hun
Hết cả	Sạch bách	Hưng lên	Hưng lên
Hối đầu	Sói đầu	Hưng lấy	Hăng lấy
Hết tiền rồi	Ốt chỉ	Hưng hờ	Hăng hờ
Hay nói	Bếp xép	Hiếu thẳng	Háo thẳng
Hồ dán	Kéo	Heo hút	Hui hút
Hình quân bút	Dáng viết	Hoàn	Hườn
Hoa hồng	Hoa hường	Hần hái	Hần hái
Hàng hiên	Hàng ba	Ho ra máu	Ho sút huyết
Hương đốt	Nhang	Học cầm chừng	Học cầm chìa
Hát	Ca	Hội nghị	Hội đồng
Hòm	Rương	Hơn gấp mấy	Hơn gấp mấy
Hàng xóm	Lối xóm	Hạ uy di	Hạ vi di
		Học thuộc lòng	Học thuộc sẽ
		Hết sức làm	Muốn rụn lông nheo

I

Im lặng | Nín lặng | Ít hiếm | Ồn

K

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Kem que	Cà-rem cây	Không biết xấu hổ	Bơ bơ
Khâu	May	Khen ngợi	Trầm trở
Khoanh bí	Nọng	Khấp cả	Hết thầy
Kê	Chi	Khi nào	Chừng nào
Khách hàng	Thân chủ	Khoե khoáng	Xe sua
Kính	Kiếng	Khinh người	Rẻ người
Kiếng chân	Nhón chân	Khỏi hẳn	Dứt tuyệt
Khóc, kêu	La	Khảo giá	Nhông giá
Kéo	Cột	Không gương miệng	Không ngợ miệng
Khám	Cần	Không bặt lòng	Không một chút sơ suyễn
Không nhìn nhận (gia đình)	Bò bễ (gia đình)	chút nào	Dềnh dang
Không nói gì	Bọc xuôi	Kê cà	Tim
Khúm núm	Khứ nứ	Kiểm	La bài bài
Kéo vó	Cấp rớ	Kêu âm ý	Cái ni
Khẩu bằng giấy lạt	Chăm	Kích thước	Cùi tay
Khẩu trường	Tự trường	Khuỷu tay	Cái kiềm
Khất nợ	Dây dưa nợ nần	Kim (cái)	Kim cương
Khấu may	Sui	Kim kèn (chim)	Chim kền kền
Khí thế này khi thế kia	Ba hồi... ba hồi	Khuôn bằng đất	Cà ràng
		Kích (cái)	Đội

L

Lò (bếp)	Cà ràng	Láo lếu	Láo sược
Luộc	Nấu	Lũng lảng	Tồn ten
Lộn sề	Heo nái	Lừng lảng	Trần trề
Lợi (răng)	Miểu	Lầm	Lộn
Lú lầu la	Nổ lu la	Lần lượt	Thay phiên
Lạt (lạt buộc)	Liệt	Làm lai nhai	Làm lơ nhời
Lá nhĩ	Con rái	Lúc này hiểm gạo	Lóng này ón gạo
Lạng ta	Lượng ta	Lộn xộn	Rối lảm
Lông trắng mắt	Trông trắng mắt	Lầm	Dữ
Lốp xe đạp	Vỏ xe máy	Lơ đĩnh	Lơ đĩnh
Lộn	Lăn cù	Lấp vào gọng	Ráp vào gọng
Luồn (qua)	Lòn	Lấn gị	Mẫn rắng
Là quần áo	Úi đồ	Làm vậy	Mẫn đứ
Lau nhệ	Chấm	Làm việc vất	Mẫn công chuyện vất
Làm	Mần	Lắc đi lắc lại	Xích' qua xích lại
Làm phiền	Làm rộn	Lấy trộm	Bê lén

Tiếng Bắc

Lấp (nói)
 Cà cà
 Lái thuyền về bên
 trái
 Lượn lặt
 Lò ra
 Lạnh đậm
 Làm gì
 Làm thùng

Tiếng Nam

Cà lăm
 Cà ra
 Cạy thuyền
 Cắp nắp
 Chuối
 Bơ - thờ
 Làm chỉ
 Làm lũng

Tiếng Bắc

Lọc lấy nước trong
 Lầm
 Lúi húi cào sỏi
 Lọ mực
 Lọp sừng
 Liền (cái)
 Lọng (cái)
 Lòai bò sát
 Lòai

Tiếng Nam

Lóng lấy nước trong
 Lỡ
 Lúi húi cào sỏi
 Hủ mực
 Lạp sừng
 Thở
 Cái dù
 Các ké
 Lèo

M

Mú
 Mặc
 Màng nhện
 May (may mắn)
 Mồi lửa
 Mâu dây sỏ mũi
 trâu
 Mùi (rau)
 Máy khâu
 Miền gân
 Miền xa
 Máy phóng thanh
 Mộc nhĩ
 Miến
 Mím môi
 Mặc quần áo
 Măng
 Mở rộng toác ra
 Mím (cười)
 Mở xé cho vỡ ra
 Mở rộng
 Mồi mồi
 Một ít
 Mọi người cùng
 một xóm
 Mệt mỏi
 Mong
 Mừng tuổi
 Một ngày kia

Nón
 Mang, bận
 Váng nhện
 Hên
 Cái mìn lửa
 Vằm trâu
 Ngò
 Máy may
 Miệt
 Miền
 Ra dờ
 Nấm tai mèo
 Bún tàu
 Bậm môi
 Bận đồ
 Rầy la
 Choáng
 Mím, chín
 Chành
 Chành bành
 Chòi mồi
 Chút sủu
 Chòm xóm
 Rã rời
 Trông
 Lì xì
 Mai mốt

Má hóp
 Mắc
 Móng dính
 Mưa như trút
 nước
 Mất hết
 Mở phong bì
 Mở chai bia
 Mua bao tất cả
 Mật thám
 Mách lẻo
 Máng nước
 Mào gà
 Mai rùa
 Mần
 Mủ dạ
 Mạnh mẽ
 Mối (làm mối cho)
 thầy kiện
 Một miếng, một
 mảnh
 Mua họ
 Mệnh lệnh
 Mạnh mẽ
 Mớm cơm
 Mong mỏi mãi
 Mướp dăng

Má bung
 Đắt
 Mông dính
 Mưa như cầm
 chính mà đồ
 Mất tiêu
 Mở bao thư
 Khai chai la-ve
 Làm đầu nậu
 Lĩnh kín
 Mui thốt
 Máng xuôi
 Mồng gà
 Mui rùa
 Mùng
 Nón ni
 Tắm sáo
 Bắt dế
 Bủ
 Hốt hụi
 Mạng lệnh
 Mạnh mẽ
 Sún cơm
 Mong mỏi van vãi
 Hủ hóa

N

Tiếng Bắc

Nhấn (cái)
 Nén
 Nhà xí (cầu tiêu)
 Hộc
 Ngăn kéo
 Ngó
 Nành (đậu)
 Néo lúa
 Nọt
 Ngồng cải
 Nút rom (cái)
 Nhà không gác
 Nệm bông
 Na (quả)
 Ngó
 Nhầy lò kò
 Niu (áo)
 Nón
 Nhặt rau
 Nhặt
 Nhân lãnh làm
 Nhò gốc
 Nhò trồ: g chỗ khác
 Nịnh hót
 Ngất đi
 Lật dật
 Nói không rõ tiếng
 Nhìn không thấy
 mắt
 Nói ồn ồn khó
 nghe
 Ngần lại
 No nê
 Nhanh nhẹn bật
 thiệp
 Nhất hạng
 Nói dối
 Nhiều quá không
 thể đếm được
 Ngay thẳng
 Nhệ nhàng
 Nhất

Tiếng Nam

Cà rá
 Đền cây
 Nhà cầu
 Hộc
 Đường hẻm
 Đậu hủ
 Cái cặp lúa
 Dây chùn
 Nhồng cải
 Cái nùi rom
 Phổ trệt
 Nệm gòn
 Măng cầu
 Bắp
 Nhắc cò cò
 Nieu
 Ói mưa, ụa
 Lặt rau
 Lượm
 Bao thầu
 Búng gốc
 Búng trồg
 Bọ đờ
 Té sủu
 Bươn bả,
 Chả chột
 Chằm bằm
 Chéo véo
 Cắm chỉ
 Xả xê
 Bật thiệp
 Sớ dách
 Nói gạt
 Chặt thò chóa
 mắt
 Xuông sắn
 Lẹ làng
 Nhứt

Tiếng Bắc

Nát dừ
 Nhọc mệt
 Ngu ngốc
 Nắng niu
 Nói điều
 Ngện
 Nghịch
 Ngã
 Nghênh ngang
 Nêu
 Ngon
 Ngồn ngàng
 Nghênh ngang
 Nhặt nhèo
 Nghiện thuốc phiện
 Nhún nhùng
 Nhỏ
 Núng nính
 Nghèo sơ sác
 Ngượng thẹn
 No bụng
 Nham nhở
 Nhò đờm
 Ngủ
 Nhiều lắm
 Nhỏ vụn
 Nhanh chóng
 Nhìn xung quanh
 Nghĩ chệch đi đàng
 Nhai lại
 Ngấm nghĩa
 Nói láo
 Ngồi rồi
 Nâng dẩy
 Nghi học
 Nhầm lẫn
 Nhìn
 Ngất đi
 Ngần kéo

Tiếng Nam

Bẩy
 Bị lao bị quện
 Bư
 Tung tu
 Nói dóc
 Rít
 Phá
 Té
 Cà xóc
 Như
 Béo
 Nghênh ngang
 Ninh nang.
 Lạt lèo
 Nghiện
 Khiếm tốn
 Nhểu
 Béo mập
 Nghèo chất, vẩn,
 nghèo chất nóc
 Mắc cỡ
 Ốc nóc
 Nhòm, nhở
 Sờ dằm
 Yên giấc
 Quá xá
 Mạnh mẽ
 Mau lẹ
 Nhìn dáo dạt
 Cheo neo
 Nhái
 Ngấm nghĩa
 Nói phách
 Ngồi không
 Đờ lèn
 Bãi trường
 Lầm lộn
 Ngó
 Bị máu xông
 Hộc tú

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Ngựa	Nai	Ngưỡng cửa	Chón
Ngòi bút	Ngòi viết	Nhức	Nhứt
Nhân (bánh)	Nhữn bánh	Nhữn mắt	Ghèn mắt
Ngạch cửa	Cửa ngõ	Nút dây	Chút dây
Nồi to	Chảo	Nó	Hần
Người phù dề	Bạn lang	Nguyét mắt	Hảy
Nồi lớn	Cái bung	Nói toạc ra	Huych toẹt
Nhánh	Chạnh	Ngơ ngác	Đáo dác

O	O	O	O
Ông ấy	Ông	Ở cứ	Nằm ò
Ô (cái)	Cái dù	Ốc nhồi	Ốc biu
Ôai oăm	Trớ trêu	Ông lang	Ông thầy
Ốm	Đau	Ở (con)	Con dỏ
Ốm mệt	Đau		

P	P	P	P
Phở	Đường	Phạt tiền	Phạt vạ
Phanh xe đạp	Thăng	Phá hủy	Phá hoại
Phây	Phét	Phù đầu	Bạn nương
Phượng (con)	Con ó phụng	Phải (bên)	Bên mặt
Phểu	Mống	Phầm tím	Dương tím
Phân biệt	Lưu liệt	Phưng phứt(thơm)	hằng hằng
Pha chề	Chế trà	Phở	Hủ tiếu
Pha trò	Cà rớn	Phồng mũi	Hình mũi

Q	Q	Q	Q
Quần áo	Đồ	Quáng (mắt)	Choáng
Quà	Trái	Quấy	Nhông nhéo
Quả trứng gà	Trái li ki ma	Quý	Yêu
Quả (cá)	Cá lóc	Quyay (con)	Bọng vự
Quả bóng	Trái banh	Quyền sách	Cuốn sách, tập sách
Quan tài	Hòm	Quang gánh	Chiếc gánh
Quàng tay	Choàng tay	Quả hấp	Xứng hấp
Quét (sơn)	Phết	Quyayhedường, rất	Bẻ ghi
Quét vôi nhà	Sơn nhà	Quả lác	Con lác
Quần	Ràng rít		

R

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Rượu vang	Rượu chát	Rét quá	Ớn quá
Rạch (sông con)	Đường mương	Rơi rời ra	Súc ra
Rượu ta	Rượu đế	Rứt rề	Sứt sề
Rán	Chiên	Rành rành	Ràng rày
Rét (con)	Rít	Ruw dầy	Riu rít
Run (con)	Trùng	Ròn rã	Rón ràng
Rượu bia	La ve	Rộn rịp	Đồn díp
Rót nước	Châm nước	Rán mờ	Thăng mờ
Ra vào tự do	Ra vào thông thả	Rế	Queo
Rút	Bứt	Rình mò	Rình rập
Rót rượu	Châm tầu, chước rượu	Roi	Rót
	Chấy	Rập theo	Y theo
Rang rồi nghiền cho nhỏ	Chú	Rập chầy	Con chí
Rót	Lấy le	Ruổi	Mông
Ra về ta đây	Chục chục	Rùa (con)	Qui
Rắc rối	Lạnh	Rương (cái)	Cái ehấp
Rét	Rún	Rẻ cây mọc trên mặt đất	Trang
Rón			

S

S	S	S	S
Sơ dừa	Bập dừa	Sai	Trật
Sốt (bệnh)	Bệnh ban	Sai hết	Trật lác
Sà phòng	Sà bông	Sóc quá	Lắc quá
Sốt rét (bệnh)	Nóng lạnh	Say lảm	Say chiêm miên
Sài (bệnh)	Kính phong	Suy nghi	Suy giảm
San sẻ	San sốt	Số bờ	Lấn lộn
Sần (củ)	Khoai mì	Sợt qua	Sốt qua
Sán (con)	Con lái	Soát lại	Xét lại
Sẹo (cái)	Thẹo	Sáo (con)	Con cưỡng
Sộp (cá)	Cá lóc	Sảng cao su	Ná thung
Sa lầy	Sụp lầy	Sầu (con)	Con nuông
Sượt qua thân cây	Cắm sượt thân cây	Sức vóc	Trang
Sấp sưa sần	Cụ bi	Son	Châu
Sào	Chiến	Sóc (con)	Con cheo
Sửa lại	Chuốt	Sôi (cây)	Cây trời
Suốt đời	Trợn đời	Sinh	Sanh

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
Thị chính	Đồ sành	Thích, bằng lòng	Ưa	Trệt (nóng)	Trệt	Tay, xòe tay	Xè tay
Thuyền	Ghe	To lớn, bệ vệ	Cao lớn dềnh dảnh	Tênh (nhẹ)	Nhẹ re	Tay lan can	Tay vịn
Tấm sĩa răng	Cây sĩa	Thừa nhiều	Thật dư	Tiền đặt trước	Cọc	Tắc lưới	Chắc lưới
Tré con	Con nít	Thê chóc từ phọc	Thê thưng từ phọc	Tàu (người)	Chiếc	Tắc nghẽn (không thông)	Nghệt
Tây (cái)	Cục gôm	Thật thà	Thiệt thà	Tiêm	Chích	Tắc trách (qua quýt)	Sơ sĩa, cầu thả
Tem gửi thơ	Cò, con niêm	Thối tha	Thúi tha	Thiếc (loài kim)	Thiệt	Tần tiện, dè dặt, tiết kiệm	Tiền tận kỹ càng
Thợ nề	Thợ hồ	Thần yêu	Bể	Thầu dầu (cây)	Đu đủ tía	Lấp tắp, tằm tấp (đều một hàng)	Hần hần, bon bót
Tây đen	Chà-già	Thu	Thâu	Thí dụ	Giả tỳ	Tần (lấn lấn)	Tần Tần
Tá	Chục đứ đầu	Thờ hồn hèn	Thờ hào hễn	Tháo lấy mắt	Vỡ	Tâm gửi (giấy leo)	Chùm gởi
Tay phải	Tay mặt	Tính nhảm	Tính chăm	Thỏa dạ	Hời dạ	Tầm phèo	Tầm phào
Thím	Thiểm	Tụ tập	Tụ tập	Trương tuần	Hương quần	Tất (gót chân) bit tất	Đôi vớ
Tiếng ăm ăm	Tiếng ồ ồ	Thâm sì	Thâm đen	Thu gập	Hập thâu	Tật đố, (ghen ghét)	Ganh ghét
Tham (ếng)	Còm-mi	Thiếp đi	Mê mẩn	Trở lên	Sấp lên	Tàu (đọc tàu, đọc đàu)	Đọc tàu
Trứng vịt	Hột vịt	Tan sờ	Tan hầu	Tá khẩu	Ứng khẩu	Tê giác	Tây giác, con tây
Tôi	Tui	Thùng	Phùng	Tả (phía trái)	Trái	Táy máy	Thấy máy
Thi đèn	Cộ đèn	Toàn một thứ	Rồng một thứ	Tả (bệnh tả)	Đi, chầy	Tây (vân tây, gập hồi phát đạt)	Lúc hên, hồi hên
Thình chuông	Động chuông	Trả thù	Trả đũa	Ta sự	Viện lẽ, mượn có	Tây (bôi cho sách)	Bôi
Tránh mưa	Đụt mưa	Tôi	Qua	Tạc (tạc tượng)	Khắc (tượng)	Té (té nước)	Hắt nước
Trốn tránh	Bỏ đào	Thau bề	Súc hồ	Tách (chén uống nước)	Chung	Té re (đi té re, đại tiện ra nước)	Ỉa chảy
Thính	Bắt thăm	Thay	Thế	Tai quái	Xảo nguyệt	Tê he, bè he	Chè he
Tiều	Sài	Thét mắng	Mắng nhiech	Tai bay	Tai bay họa gởi	Tê tê (nước chày)	Xè xè
Trọc gheo	Bơm sơm	Thuê nhà	Mướn nhà	Tai bay (giải mộng ra)	Trái ra	Tê (tê cau)	Lặt cau
Trình bót	Cớ bót	Trả lại	Thối lại	Tam đại (đồ cũ nát)	Cổ hỷ, đời ông nhạc	Tẹp, tí tẹp	Chút xíu
Trách (phần nân)	Cự nự	Thi đồ	Thi đậu	Tam toạng (nói bậy bạ)	Bá láp, nói tam xàm	Tẹp (con tôm rất nhỏ)	Con ruốc
Tránh xa	Chạy tét	Tia ra	Triết ra	Tán (tàn, lọng)	Lọng	Tôm	Tẹp
Tiếp đón lịch sự	Chiều đãi bạt thiệp	Trả bạc	Xí bạc	Tang trống (lưng trống)	Sườn trống	Tây (bánh)	Tết (bánh)
Theo dõi thật sát	Tập nã rất gắt	Thếp (giày)	Kém (giày)	Tàng lờ (giả lơ, vờ)	Giả đờ	Tần mần	Tần mần
Thiến thối	Tiến thối	Tính cọng	Tính cọng	Tào (lần, lợt)	Lần	Thỏi, thanh đường	Tàng đường, miếng đường
Tiệt lộ	Tiệt lậu	Từ và	Còi thổi	Táo gan (bạo, liều lĩnh)	Nóng nảy, hùm hồ	Tanh tao	Tanh ỏi
Tinh táo làm bộ	Chảnh hoành	Trò xiếc	Hát xiếc	Táo tây	Trái bôm	Tại (nửa tẹt)	Xẹp
Thêm bót	Chen cựa	Thủng	Mủng	Táo tợn (dữ tợn)	Hung dữ		
Trình thưa	Chiềng	Thưng	Còi thổi	Táo tác (chạy nhón nhác)	Dớn dác, lảng xãng		
Trốn vào chỗ kín	Chú nhủi	Hột	Hát xiếc		Vả mặt, bặt tai		
Thua bạc	Chụi	Né	Mủng		Cây dẫu		
Trộn lộn	Chung lộn	Ba má	Thầy mẹ		Củ, mềm, bèo nhèo		
Tê liệt	Bại suôi	Tràng	Trường				
Thờ ơ	Bờ thờ	Tập giấy	Sấp giấy				
To lớn	Bự	Than đá gầy	Bạch môi				
To (mưa)	Dữ	Tồ ong	Bọng ong				
Thật giá	Chắc giá						
Thật	Thực						
Táo (bệnh)	Bón						

Tiếng Bắc

Tết, thất kết
 Ti hí (mắt nhỏ)
 Ti ti (hốc ti ti)
 Ti tay
 Tị nạnh,
 Thầy u
 Tia râu
 Tiêu (cây tiêu, cây
 nêu)
 Tiêu sản, xây
 Tiểu (giặc)
 Tịch, trúng (bản tin)
 Tịch mít, tít ngắc
 Tiu nguyu
 Tiu tít
 Thô (vải thô)
 Tô, bú tó
 Toa (điều toa, điều
 ngoa)
 Toang (mở toang
 cửa)
 Toang toang (nói)
 Toát (trắng lớp,
 trắng toát)
 Tọc mạch
 Toe toét
 Tóe
 Tòe, xòe
 Toi (gà toi)
 Tòi
 Tôm
 Tòm, roi tòm
 Tòm tem
 Ton ton
 Tọng
 Tọp, sút
 Thạch sùng, mối
 Thầy cúng
 Tăng
 Thăn, thịt thăn
 Thâm

Tiếng Nam

Thắt kết
 Nhắm híp
 Răm rúc
 Đê tay
 Tị hiêm
 Tia má
 Nhò râu
 Cây nêu
 Hư thai
 Dẹp giặc
 Bắn ngay
 Nghệt, nín thỉnh
 Xiu, buồn xo
 Riu rít, lảng xảng
 Vải to
 Bới tóc
 Xảo trá, qui quyệt
 Mở toác cửa
 Choang choang
 (nói)
 Trắng tinh
 Tô mò
 Tòe loe
 Bắn, tia, ria
 Xòe
 Dịch
 Lội, nôi
 Bật, nắm
 Túm, bóm
 Tán tỉnh
 Lúc thúc
 Nhét, tộn
 Teo óm
 Thăn lẩn
 Thầy pháp
 Thầy chùa
 Thịt nực lưng
 Hiêm

Tiếng Bắc

Thất tha thất theo
 Thâu ngày thâu
 đêm
 Theo, rượt theo
 Theo sát gót
 Thép quặng
 Thè lưới
 Thẹn thò, xấu hổ,
 ngượng
 Thê, dài lê thê
 Thên thang
 Thăm thía
 Thang gác
 Thiếp mời
 Thiếp, vợ lẽ, nàng
 hầu
 Thốc
 Thối, phai màu
 Thôn, dân dộn
 Thông, chóc, ché
 Thông ống điếu
 Then cửa
 Thả chân
 Thông (lâu)
 Tót nhày
 Thối
 Thụt, ống thụt
 Thuồn
 Thuồng
 Thừ thản ra
 Thừa
 Thừa khuy
 Thừa ruộng
 Trẻ môi
 Thứ ăn, đồ ăn
 Thừng
 Thưng (thăng)

Tiếng Nam

Thất tha, thả, theo
 Tối ngày
 Theo, bưng theo,
 bốc theo
 Tuốt theo, theo,
 bén gót
 Sắt non
 Le lưới
 Mắc cở
 Lướt bướt
 Mênh mông
 Thăm ý
 Thang lâu
 Thiếp mời
 Vợ nhỏ
 Thối mạnh
 Phai
 Đần
 Sừ
 Thông, cái thông
 ống điếu
 Cây thông hồng
 Thông chun
 Lâu thông
 Thót, nhày thót
 Thúi
 Thùn ống bơm
 Thuồn
 Suồng
 Sưng
 Sura
 Đơm nút
 Đặt đám ruộng
 Thười lười môi
 Đồ ăn
 Dây dừa, dây gai
 Giạ (đồ đóng lúa)

Tiếng Bắc

Thường, cúng tiền
 thường
 Thăng, đi thăng
 tuốt
 Thở hỏn hên
 Thoi thóp
 Thỉnh lạng
 Trang, bàn trang
 Tràng hạt
 Tràn tràn, sưng
 Tranh luận, bắt bẻ
 Tráo trờ, đảo dờ
 Tráp
 Trâu húc, trâu
 báng
 Trầu, nước cốt
 trầu
 Trát
 Thùng thỉnh
 Trật, trọ
 Trái to
 Trái còi điếc
 Trái bóng
 Trồng (chúng) đậu
 Thui (đen)
 Trầy
 Tràm, lém
 Trán hói
 Trần trọc
 Ther thân mặt
 Tru miễn
 Trò (làm)
 Trò kia
 Thấy kệ
 Trộm (nói) (nói
 vụng)

Tiếng Nam

Cúng sống
 Thăng, đi thăng
 thét
 Thở hào hên
 Thở hơi hóp
 Lạng trang
 Cái bang lúa
 Xâu chuỗi
 Trảng trảng
 Trành tròn bắt lỗi
 Tráo trác
 Trấp
 Trâu chém, báng
 cõ trâu
 Cõ trâu
 Trét
 Thùng thèn
 Trặc
 Trái lớn
 Trái dẹt
 Trái banh
 Trồng trái
 Trày, đen trày
 Hái
 Táp
 Trán sói
 Trần trỏ
 Sượng trăn
 Triều
 Đống tuồng
 Kiều kia
 Mặc kệ
 Nói lên

Tiếng Bắc

Tròn trĩnh, tròn xoe
 Tron tru
 Trờ, nỏn, ọe
 Thế, được thế
 Thăng một mạch
 Trông trành
 Trượt, đi trượt
 Tràn trùng trực
 Trộn (bắt)
 Trùng (dây đàn trùng)
 Tầm thước
 Trương lên, sinh
 lên
 Tươi, cần tươi
 Tươi, rách tươi,
 bươm
 Trượt da, xây da
 Tông ngừng
 Tệt
 Tơi. (áo)
 Tộp
 Tô (vôi tô ra)
 Tùn mún, nhỏ mọn
 Tuổi (ngoi lên thụt
 xuống)
 Tỏi vôi
 Thấp một tầng nhà
 Trịch : sai, không
 đúng chỗ (lấy đủ)
 Treo, treo giải
 Treo mồm
 Thế ruộng, đất
 cày ruộng đất ;
 Tréo khoeo

Tiếng Nam

Tròn trụi, tròn vo,
 tròn úm
 — Tron lu, tron
 nhùi
 Ói
 Trón, được trón
 — Trảng trón
 — Lúc lắc, lắc lia
 Trọt-di trọt
 Tròn trụi trụi, cụi
 cụi
 Trum
 Dùn
 Trung trung
 Phình lên
 Cắn vác
 Rách tét
 Trầy da
 Chờng ngừng
 Tận
 Áo mưa
 Táp (các tấp mồi)
 Tan
 Nhỏ nhạt
 Trời
 Nướng vôi
 Trệt nhà
 Sốt
 Bàn thường
 Nhịn ăn
 Treo ruộng đất
 Tréo ngày

U

Tiếng Bắc	Tiếng Nam	Tiếng Bắc	Tiếng Nam
U, mẹ, mạ, bầm, chị	Má	Ừng, hĩa	Hĩa
U em, vú em, vú	Vú em	Um xùm, uôm uôm	Um xùm, nao nao, oang oang.
Ụa, ỳa, mưa, nôn, oẹ	Ồi, ợc, ỳc	Ừn	Chừn
Ụt à, ụt ịt	U nu, úc núc	Ừyên ương	Oan uyên
Ừn ỉn	Ụt ịt	Ừống nhiều	Ừống đậm
Ừng đợc	Mựt, nhọt		

V

Vở	Tập	Viết luân tay	Viết lia lĩa
Vỡ vễ	Tập hình	Về ngay	Về liền
Va-li	Hoa li	Vót tre	Gót tre
Vú sữa	Nằm sữa	Về hình	Họa hình
Vòng (cái)	Neo	Vòng kiếng	Vòng cở
Vại to	Chênh nước	Ví (cái)	Bót
Vùng	Mề	Vông	Dá
Vớ tay	Vớ tay	Viên thuốc	Huôn thuốc
Vái	Sá	Vòng tay	Neo
Vỡ	Bề	Vết son ở da	Vết
Vào	Vỏ	Vết dùi	Cỏ
Vụng	Bảy hây	Vỏ bào	Giảm bào
Vừa	Vừa	Vung (vung kiếm)	Hươi
Vỡ kịch	Bài ban	Vui vẻ	Hân hoan
Vui lòng	Chịu	Vội vã	Hối hả
Vuông vắn	Vuôn vút	Vắt tay lên trán	Cắt tay lên chán
Vò nát ra	Vò nùi ra	Vé	Giấy

X

Xu	Chim	Xẹp xuống	Chẹp bẹp
Xe đạp máy	Xe gắn máy	Xin thẻ	Xin xâm
Xim (quả)	Ly-kim-ma	Xây nhà	Cắt nhà
Xe hàng	Xe đồ	Xúc xích lớn	Lòi loái
Xem hát	Coi hát	Xúc xích (cái)	Lòi tới
Xe đê ngà	Xe đê té	Xe ngựa	Xe thổ mộ
Xích tay	Cồng tay		

Y

Yêu mến	Thương yêu	Yêu quái	Hãm
---------	------------	----------	-----

BAN PHÁT-ÂM VÀ CHÍNH-TẢ

BIÊN BẢN

A. — Phiên nhóm ngày 5-9-1956

I. — Bầu Trưởng-ban và Thư-ký

ĐỂ làm việc được dễ-dàng, Ông Nguyễn Bạt-Tụy đầu đã được đề-cử làm trưởng-ban hồi sớm, cũng đề-nghị với toàn ban cho bầu lại Trưởng-ban, đề hợp-thức-hóa tư-cách điều-khiển của ông, và có thêm một vị thư-ký để ghi chép,

Sau khi biểu-quyết bằng cách giơ tay,

Ông Nguyễn Bạt-Tụy trúng cử Trưởng-ban,

Ông Nguyễn Xuân-Đào trúng cử Thư-ký.

II. — Cuộc thảo-luận về đại-cương

Ông Trưởng-ban đề-nghị xét về hai vấn-đề : chính-danh lại cho ban và thiết-lập chương-trình làm việc.

a) *Chính-danh lại cho ban.* — Ông Nguyễn Bạt-Tụy nói : buổi sáng ở Hội-nghị, đa-số đã chấp-thuận tên « Tiểu-ban phát-âm và Chính-tả ». Nhưng xét ra, NGÔN-NGỮ gồm có hai phần chính : ÂM-THANH là đơn-vị nhỏ nhất của tiếng nói, và TỪ-NGỮ là đơn-vị nhỏ nhất của lời nói, do các âm-thanh cấu thành.

Bởi vậy, thật ra phải có hai «ban» chính, mà không phải là «tiểu-ban», tức là : Ban Âm-thanh và Ban Từ-ngữ.

Hai ban này sẽ có thể chia ra làm nhiều tiểu-ban. Thí-dụ Ban Từ-ngữ sẽ có các tiểu-ban : Từ-ngữ phổ-thông, Từ-ngữ chuyên-môn, Từ-ngữ địa-phương, v.v... Riêng Ban Âm-thanh sẽ chỉ xét có hai vấn-đề Phát-âm, và Ghi-âm, nên không cần phải chia ra thành nhiều tiểu-ban để giản-dị-hóa công-việc.

Sau một hồi góp ý-kiến của các vị có mặt, và sự can-thiệp của ông Phạm-xuân-Độ, phó-giám-đốc nha Văn-hóa ở địa-vị bàng-thính, toàn ban chấp-thuận đề-nghị của ông Nguyễn Bạt-Tụy và biểu-quyết là sẽ xin Hội-nghị đổi tên ban thành BAN « ÂM-THANH ».

b) *Thiết-lập chương-trình làm việc.*— Ông Nguyễn Bạt-Tuy ước-lượng rằng Ban Âm-thanh sẽ làm việc trong ba tuần, với ba kỳ họp nữa, là hoàn-tất được trách-vụ của ban. Chương-trình ông thiết-lập như sau đây, đã được toàn ban tán-thành :

1) Phiên nhóm hôm nay, ngày 5-9-56, không những đề chính-danh lại cho ban và thiết-lập chương-trình làm việc tổng-quát, mà còn đề hoạch-định trước một đường lối cho cuộc thảo-luận phiên nhóm tới vào chủ nhật 9-9-56.

2) Phiên nhóm chủ-nhật 9-9-56 sẽ dành cho vấn-đề phát-âm, và sau đó lại hoạch-định trước một đường lối cho cuộc thảo-luận ở phiên nhóm kế-tiếp vào chủ-nhật 16-9-56.

3) Phiên nhóm chủ-nhật 16-9-56 sẽ dành cho vấn-đề ghi-âm, tức chính-tả.

4) Phiên nhóm chủ-nhật 23-9-56 sẽ dành cho các đề-nghị và nếu có-thể, một kiến-nghị chung của toàn ban đệ lên bộ Quốc-gia giáo-dục về những điều sửa-đổi cần-thiết.

Giờ họp của ba phiên đầu sẽ ấn-định vào 9 giờ sáng.

III — Hoạch-định đường lối cho cuộc thảo-luận ở phiên nhóm sau.

Ông Nguyễn Bạt-Tuy xin toàn ban chú-trọng đến tính-cách quan-yếu của sự thống-nhất phát-âm, trước khi nghĩ đến sự thống-nhất chính-tả, vì nói có đúng thì viết mới đúng.

Ông Đặng-văn-Kỷ nghĩ rằng có lẽ không nên nhấn mạnh vào sự phát-âm, vì tuy phát-âm sai mà viết vẫn đúng thì cũng không hại là bao.

Ông Nguyễn Bạt-Tuy chứng-minh rằng sự phát-âm sai nhiều khi có ảnh-hưởng đến chính-tả, nhất là trong phạm-vi giáo-dục lại càng nên thận-trọng.

Ông Lê-đình-Huyền cũng nêu ra một thí-dụ cụ-thể là ở ngoài Bắc, trong các kỳ thi người ta cấm đọc s khác x vì như thế học-trò sẽ không ai mắc lỗi nữa : thay vì giúp học-sinh viết đúng, người ta đã làm sai-lạc sự phát-âm để làm rắc-rối vấn-đề chính-tả.

Sau cùng, mọi người đều đồng-ý về sự kiểm-điêm lại các thực-trạng phát-âm đề nêu lên những nguyên-tắc khả-đĩ áp-dụng trong ngành giáo-huấn, cũng như trong toàn-dân.

Với nhiều ý kiến xác-đáng do ông Vương Hồng Sên và ông Lê Ngọc-Trụ góp thêm, toàn ban đã chấp-thuận chương-trình do ông Nguyễn Bạt-Tuy phác-họa dưới đây, để làm việc được dễ-dàng và khỏi thiếu-sót :

A) **ÂM-CHÍNH.** — Các âm-chính Việt chỉ có 9, không phải 11, vì ă và â chỉ là những giọng ngắn của a và ơ. Ban Âm-thanh sẽ thảo-luận về sự bỏ hai âm ă và â theo bảng-kê sau đây :

	Trước	Giữa	Sau
Rộng	i	ư	u
Trung	ê	ơ (â)	ô
Hẹp	e	a (ă)	o

B) **ÂM-PHỤ.** — Âm-phụ, tùy vị-trí trong tiếng, có-thể là âm-đầu hay âm-cuối. Những sai-biệt về phát-âm trong một số âm-phụ khiến ta chia được ra hai phần : một phần đáng thảo-luận và một phần không đáng thảo-luận

Âm-đầu		Âm-cuối	
Không đáng thảo-luận	Đáng thảo-luận	Không đáng thảo-luận	Đáng thảo-luận
h l l r	ph v đ gi s		
kh nh đầu		m	nh cuối
m n ng b			n ng
p đ t		p	t
g c,k ch đầu		c	ch cuối
	tr		

C) **SỰ KẾT-HỢP CÁC ÂM.**— Ở đây, chỉ chú-trọng các đến âm-bán cuối (chỉ bằng các chữ âm-chính) và các âm-phụ cuối, vì các âm-đầu đã kể như xét ở hai phần « âm-chính » và « âm-phụ » rồi.

1) Âm-chính với âm-bán cuối :

	Không đáng thảo-luận	Đáng thảo-luận
Với <i>i</i> cuối lỏng	ai oi ôi	hoai ui, uôi
	ui	ay, ây uy, huy (thật ra <i>u</i> là âm bán và phải hiểu là <i>wi</i> , <i>hwi</i>)
Với <i>i</i> cuối chặt		eo ao
Với <i>u</i> (o) cuối lỏng	êu ơu i <u>u</u> ru	iêu ươu
		au âu
Với <i>u</i> cuối chặt		

2) **Âm-chính với âm phụ cuối.**— Có một số vần có *p, t, ch, nh* cuối phát-âm ở Nam khác ở Bắc, nhưng phải để nguyên hiện-trạng, vì đó đã thành một hệ-thống phát-âm mà có lẽ để thời-gian thay đổi thì tốt hơn.

Không đáng thảo-luận	Đáng thảo-luận
ap, ep, op, óp, up, at, et, ot, ô <i>t</i> , ot, vv. ec, ac, oc, vv. em, am, vv. en, an, on, vv. anh, ênh, inh.	áp, ăp, iép, ip oc, ôc ăm, âm, om, ôm, im, iêm

d) **THANH** : hỏi ngã.

Đến 5 giờ 30, toàn ban không ai có điều gì cần mang ra thảo-luận nữa, Ông Trưởng-ban tuyên bố Hội-đồng bế-mạc.

Đã xem :

Trưởng-ban
Nguyễn-Bạt-Tụy

Thư-ký
Nguyễn-xuân-Đào

Đã xem :

Sài-gòn, ngày 9 tháng 9 năm 1956
Nhân-viên trong ban : Đồng ký.

B.— Phiên nhóm ngày 9-9-1956

I.— Đúng 6 giờ 10, ông Trưởng-ban tuyên-bố khai-mạc phiên nhóm.

II.— Ông Nguyễn xuân Đào, thư-ký của ban, đọc lại biên-bản phiên nhóm ngày 5-9-56, đề toàn ban duyệt lại, và được toàn ban chuẩn-y.

III.— *Thuyết trình.*— Ông Nguyễn Bạt-Tụy thuyết-trình về vấn-đề phát-âm. Trước hết, ông xin toàn ban chú-ý đến những tiến-bộ trong ngành âm-thanh-học Việt - Nam so với những nhận-xét lỗi-thời của các nhà khảo-cứu Âu-Tây hồi trước về ngôn-ngữ ta. Những điều mà ông trình-bày là kết-quả của sự khảo-cứu lâu năm với một óc hoàn-toàn độc-lập, và trong một tinh-thần thuần-túy Việt-Nam. Các vị có mặt sẽ làm quen với những danh-từ mới diễn-tả một cách xác-đáng những ý-niệm khoa-học, khác với những danh-từ mượn của Trung-hoa, không những không hợp với tinh-thần dân-tộc ta, mà đa số còn sai-lầm vì đã căn-cứ vào những thuyết xưa, hay đã được tạo ra một cách vội-vàng để cung-ứng cho những nhu-cầu cấp-bách hồi đó.

Muốn cho mau-chóng, ông giới-thiệu quyền *Chữ và văn Việt khoa-học* của ông, trong đó các trạng-thái phát-âm đã được khảo-xét kỹ-lưỡng. Toàn ban chấp-thuận, căn-cứ vào những tài-liệu của sách này, để định lấy một tiêu-chuẩn cho sự phát-âm tiếng Việt như sau đây :

o°o

THUYẾT-TRÌNH VỀ ÂM-THANH VIỆT-NAM

của ông Nguyễn Bạt-Tụy

Ngữ Việt qua nhiều thế-kỷ đã biến-đổi, vì những biến-thiên lịch-sử cũng có, vì những điều-kiện địa-lý cũng có. Bởi vậy ngày nay, giữa Trung Nam Bắc, ngoài những điểm bất-đồng về từ-ngữ không thuộc phạm-vi cuộc khảo-sát của chúng ta, có một số sai biệt về phát-âm mà ngày nay, chúng ta có bổn-phận tìm cách thống-nhất lại. Nhưng trước khi đi thẳng vào vấn-đề, tôi có thể nói rằng những sai-biệt ấy chỉ về tiết-tiết, chứ ta có

thề nói rằng ngữ ta thống-nhất hơn nhiều ngữ khác, và trong nước ta, không có miền nào có những cách ăn-nói riêng đến thành ngữ-miền cả. Nay tôi xin chia bản thuyết-trình này ra làm ba phần :

- 1.— Sự phát-triển của âm thanh Việt
- 2.— Sự thống-nhất về âm
- 3.— Sự thống-nhất về thanh

I.— Sự phát-triển của âm-thanh Việt

Ngữ Việt vốn có một căn-bản Thái về tinh-thần, mặc dầu số tiếng Thái còn nhận ra được rất ít, so với các tiếng Môn-Khơme. Ngày nay dấu-vết về âm Thái còn lại trong r và tr cũng như về thể-ký XVII những di-tích của nó đã được ghi lại trong các nhóm bl, ml, tl ở quyền tự-vị của cổ de Rhodes.

Trên nền-tảng Thái này, ngữ Hán, qua nhiều thế-kỷ, đã góp một phần quan-trọng mà làm giàu cho bộ-tiếng của ta rất nhiều, cũng như đã giúp cho sự thành-lập một hệ-thống âm-thanh đầy-đủ.

Nhưng vai trò quan-trọng trong sự phát-triển của Ngữ Việt không phải là những thành-phần đã cấu-tạo nên nó, mà là cái khả-năng cố-hữu của nó. Sau khi đã Việt-hóa các tiếng Hán mà có các tiếng nhỏ, ta lại biến-đổi cả tiếng nhỏ để có nhiều tiếng nôm với nhiều nghĩa mới. Bên cạnh hệ-thống âm nhỏ, ta có cả một hệ-thống âm nôm và ngữ Việt mỗi ngày một giàu thêm vừa về âm (nhiều âm chột hóa thêm thành âm lỏng), vừa về thanh (thanh trầm sinh thêm ra thanh bằng).

Thêm vào đó, những sự-kiện lịch-sử và địa-lý trong vòng ba thế-kỷ gần đây, đã khiến nó có một bộ mặt khác hẳn xưa : một « ngữ mẹ » ở miền Bắc đã phân-chia ra thành ba ngành Bắc, Trung và Nam. Những sai biệt mà ta gặp ngày nay ở ba miền Bắc, Trung và Nam do ở sự tiến-hóa không đều, đôi khi lạc hướng của mỗi ngành. Lúc này, không phải là lúc quyết rằng dân miền nào nói đúng hơn dân miền nào, vì hiện-trạng ngôn-ngữ Việt-Nam là kết-quả của những ngẫu-nhiên lịch-sử. Ta chỉ nên nhận-thức rằng một hoàn-cảnh thuận-tiện đã giúp ta bắt tay vào việc thống-nhất ngôn-ngữ được, thì với sự nhân-nhượng của các người trong mỗi miền chúng ta, với sự thừa-nhận tính-cách quan-trọng của một phát-âm tiêu-chuẩn cho mọi người gắng noi theo, đầu là Nam, Trung hay Bắc, chúng ta sẽ góp sức mà tìm đến cái « đúng chung ».

II.— Sự thống-nhất về âm

Muốn thống-nhất về âm, sự khảo-xét các thực-trạng phát-âm và ghép âm rất cần, rồi sau sẽ đi đến một chương-trình cải-tiến cách ghi-âm mà chúng ta sẽ thảo-luận đề chung-đúc vào bản kiến-nghị chung.

A. — **PHÁT-ÂM.** — Âm Việt ta chia ra làm ba loại : âm-chính, âm-bán và âm-phụ.

1) **ÂM-CHÍNH.** — Âm-chính là loại âm tự nó phát ra thành tiếng được vì thoát ra do một độ-khuếch khá lớn và có những rung-động ở giai-âm trong họng, ÂM-chính có thể theo diêm-phát, nghĩa là chỗ lưỡi áp vào gần phần trên miệng nhất, mà chia ra : âm-trước, âm-giữa, âm-sau. Nó cũng theo độ-khuếch, nghĩa là độ mở ở diêm-phát, mà chia ra âm-rộng, âm-trung, âm-hẹp. Ngữ Việt có ba âm-trước, ba âm-giữa và ba âm-sau, mỗi loại lại có đủ rộng, trung, hẹp, mà lập thành một hệ-thống phân-minh.

a) *Âm-trước* phát ra bằng cách đưa lưỡi về phía trước, đưa môi lại phía sau và giành hai mép ra. Ba âm-trước là :

E : Âm-trước mở, phát ra với môi khép ít, mép giành ít và lưỡi cách xa nướ nhiều.

Ê : Âm-trước trung, phát ra với môi khép lại hơn, mép giành hơn, và đầu lưỡi lại gần nướ hơn.

I : Âm-trước hẹp, phát ra với môi khép lại hơn nữa, mép giành ra hơn nữa, và đầu lưỡi gần sát nướ.

b) *Âm-giữa* phát ra bằng cách để lưỡi ở vị-trí thường, môi cũng để tự-nhiên. Ba âm-giữa là :

A : Âm-giữa mở, phát ra với miệng mở rộng và mặt lưỡi hạ thấp xuống.

Ơ : Âm-giữa trung, phát ra với miệng hơi hẹp lại và mặt lưỡi nâng lên.

U : Âm-giữa hẹp, phát ra với miệng hẹp hơn nữa và mặt lưỡi nâng lên gần sát cửa.

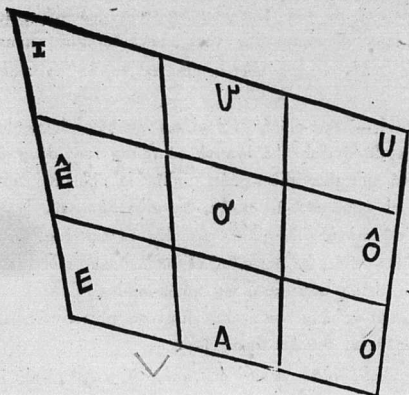
c) *Âm-sau* phát ra bằng cách để lưỡi phồng lên và rụt lại phía sau trong khi cặp môi chúm tròn mà đưa về phía trước. Ba âm-sau là :

O : Âm-sau mở, phát ra với môi hơi chúm lại thôi và cuống lưỡi xa màng cửa.

Ô : Âm-sau trung, phát ra với môi chúm hơn nữa và cuống-lưỡi gần màng-cửa hơn.

U : Âm-sau hẹp, phát ra với môi chúm hẳn lại và cuống-lưỡi rất gần màng-cửa.

Vị-trí các diêm-phát của 9 âm-chính Việt có-thể nêu lên trong bức đồ sau đây :



Và bảng-kê âm-chính sẽ như sau đây :

	Âm-trước	Âm-giữa	Âm-sau
Âm rộng :	e	â	o
Âm trung :	ê	ơ	ô
Âm hẹp :	i	ư	u

2) **ÂM-BÁN**. — Âm-bán là loại âm-chính phát ra mau như âm-phụ. Bởi vậy, nếu nó giống âm-chính ở diêm-phát thì lại giống âm-phụ ở chỗ chia ra hai giọng lỏng và chặt. Ngữ việt có 4 âm-bán :

Âm-bán trước	{	Lỏng : i trong ai, oi, ôi, ui
	{	Chặt : y trong ay, dy
Âm-bán sau	{	Lỏng : u trong ou, o trong hoa
	{	Chặt : u trong ầu, au

3) **ÂM-PHỤ**. — Âm-phụ là loại âm thường tự nó không phát ra thành tiếng được, mà phải «phụ» vào một âm-chính, vì thoát ra do một độ-khuếch rất hẹp khiến dải-âm rung-động rất ít. Độ-khuếch này định đoạt bởi sự chạm chau của các cơ-quan phát-âm (môi với môi, với răng; lưỡi với răng, nướu, cửa, màng-cửa) nên có tên riêng là *độ-chạm*.

Độ-chạm là tính-cách chính và thường-xuyên của âm-phụ trong khi giọng kêu, mặt chỉ là tính-cách phụ và rất thất-thường. *Độ-chạm* có thể lỏng hay chặt, nên âm-phụ chia ra hay loại về độ-phát : *âm-lỏng* và *âm-chặt*.

Về cách phát, âm Việt chia ra ba loại : *âm-ép*, *âm-cản*, *âm-cản-ép*. *Âm-ép* lại gồm có ba loại : *âm-thở*, *âm-rung*, và *âm-sát*.

a) *Âm-đơn* Các âm lại có thể đơn, tạp hay ghép.

(1) *Âm-thở*. — Khí-trời ra khỏi phổi bị ép trong cuống-họng rồi thoát ra đằng miệng như một «hơi-thở» mà không dính-dáng gì đến các cơ-quan sinh-âm ở miệng. Hơi-nói vì đó rất yếu và ta có một âm h khi thì kêu, khi thì mất tùy nó đứng trước một âm kêu hay một âm mất, nhưng luôn-luôn lỏng.

(2) *Âm-rung*. — Khí-trời ra khỏi phổi làm rung lưỡi mà sinh ra hai âm lỏng :

	Độ-chạm	Đường-rèn	
		Miệng	Mũi
— Phần rung là cạnh-lưỡi : đầu-lưỡi dính và nõu trên, khí-trời do hai bên lưỡi thoát ra làm bật rung hai cạnh-lưỡi	Lỏng	L	
— Phần rung là đầu-lưỡi : đầu-lưỡi rụt lại phía sau mà rung lên.	Lỏng	P	

LỜI-CHUA

1) Ở nhiều miền Bắc, R bị lẫn với D. Từ Thái-bình trở vào ít bị lẫn. Ở vài miền Nam, trái lại, như ở vùng Bắc-liêu, Trà-vinh, người ta lẫn R với G và người ta nói : *xong gời, cát gỗ* vào chỗ *xong rời, cát rờ*.

2) Sự lẫn l với n là một điều thông thường, nhất là ở các vùng quê Bắc, vì chính ra l chỉ là một n rung.

3) *Âm-sát*. — Cơ quan do đó khí trời thoát ra không đóng hẳn lại, mà chỉ thu hẹp lại thôi. Khí trời ở phổi ra, qua một lối nhỏ nên cơ-sát mà thành tiếng. Có 6 âm-sát miệng :

	Độ chạm	Đường-rèn	
		Miệng	Mũi
— Phần ép khí-trời là răng : khí-trời lách qua lối hẹp giữa, môi dưới khít vào răng trên mà ra (âm-phì).	Lỏng	v	
	Chặt	ph	
— Phần ép khí-trời là đầu lưỡi và nướu ; khí-trời lách qua lối hẹp giữa đầu lưỡi sát vào nướu trên mà ra (âm-xì).	Lỏng	d	
	Chặt	x	
— Phần ép khí-trời là lưỡi và cửa : lưỡi trũng lõng xuống, hai mép dính lên cửa, khí-trời như đi qua một cái máng mà ra (âm-uốn).	Lỏng	gi	
	Chặt	s	
— Phần ép khí-trời là cuống lưỡi và màng cửa (âm-khì).	Chặt	kh	

Lời chua.— I.— Khi phát những âm-ép, miệng không thể nào há rộng được.

2.— V ở trong Nam nói như y, có khi như by, vy.

3.— d ở Bắc đọc rõ là âm z, ở Trung hay Nam có khi là y có khi là zy.

4.— Gi và s ở miền Bắc đọc thiếu uốn lưỡi nên gần như d và x, và tuy cùng là loại âm-cửa gi không giống hân âm của j của Pháp vì vẫn có một giọng y yếu xen vào.

5.— Ph ở ngoài Bắc rõ ra giọng phì môi-răng, nhưng ở Nam còn nhiều người giữ giọng hai môi thờ.

4) Âm-cản—, Cơ-quan do đó có khí trời thoát ra khép hân lại mà cản khí trời rồi bỗng mở ra : Khí trời ở phôi ra vương phải mà bật thành âm. Âm ấy sẽ là âm-miệng nếu màng-cửa hạ xuống. Trong ngữ Việt có 6 âm-cản-miệng và 6 âm-cản-mũi.

	Độ-chạm	Đường-rèn	
		Miệng	Mũi
— Phần cản khí-trời là môi : cặp môi mím lại rồi bỗng mở ra.	Lỏng	b	m
	Chặt	p.	M (m trong âm)
— Phần cản khí-trời là đầu-lưỡi và đầu lưỡi dính vào sau răng trên rồi rời ra.	Lỏng	đ	n
	Chặt	t	N (n trong âm)
— Phần cản khí-trời là cuống-lưỡi và màng-cửa : lưỡi rụt lại phía sau, cuống lưỡi cong lên vào ép và màng cửa	Lỏng	g	ng
	Chặt	(c) k	NG (nh cuối)

I — P tới nay chỉ là một âm-cuối trong ngữ Việt, sau các âm-chính ngắn. Nay cũng nên dùng làm âm-đầu nữa vì chính xưa kia ta đã có âm này, và ngày nay thì nó rất có ích cho sự phiên-âm các tiếng khoa-học hay thông-dụng : pin, pingpong. Người Nam phát-âm p khó hơn người Bắc vì ưa những âm lỏng để phát mà không chịu mím chặt môi khi nói.

II. — Đ, t hay n, N chặt ở cuối tiếng phát-âm ở trong Nam thành g, k hay ng, NG cuối : máđ (mát) mág (mác), máđ (mắt) (mát) mák (mắc)

III. — K (ch cuối) hay NG (nh cuối) là âm-chặt phát-âm ở trong Nam thành t và N chặt : kék (cách) kát (cắt), eNG (anh) aN (ăn)

b) Âm-tạp. Những âm này do sự kết-hợp của hai âm mà thành, nhưng vẫn giữ một tính-cách đồng-nhất khiến không thể coi được là những âm ghép. Có 4 âm tạp : 1 âm-cản-thờ và 3 âm-cản-ép.

(1) âm-cản-thờ. Loại này gồm có hai âm :

— ph phát ra với sự dung-hòa giữa một âm-cản môi chặt và âm-thờ. Âm này chỉ còn gặp ở miền Nam.

— th phát ra với sự dung-hòa giữa một âm-cản nướu và âm-thờ.

(2) âm-cản-ép. Loại này gồm có ba âm vừa có tính-cách cản vừa có tính-cách ép :

Độ-chậm	Đường-rèn	
	Miền g	Mũi
- Phần ép và cân khí-trời là lưỡi và đầu-cúa (cân-xì)	(Lỏng	nh
- Phần ép và cân khí-trời là lưỡi và của (cân-uốn)	(Chặt ch	
	(Chặt tr	

Lời-chua, — I — *Ch* ở trong Nam hay « *đá yơ* » (có thêm giọng *y*) nên phải lấy *ch* Bắc làm chuẩn-dịch.

II. — *Tr* ở nhiều miền ngoài Bắc hay lẫn với *ch* nếu không biến thành *gt* nên phải lấy *tr* Nam làm tiêu-chuẩn. Nhưng về âm *tr* ta còn phải phân-biệt một giọng cân-uốn như đã tả, và một giọng cân-rung, nghe rõ có *t* và *r*.

c) *Âm-ghép*, — Âm-ghép duy-nhất trong ngữ Việt là với giọng cân-rung rõ ra một *t* và một *r* chấp với nhau, khác giọng cân-uốn. Âm này tồn-tại nhiều ở miền Nam.

B) *GHÉP ÂM*: — Các âm có thể ghép với nhau thành vần, trong một vần âm-chính được coi là *điền tiếng*, nghĩa là điền gốc của tiếng nói. Một âm-chính có thể đứng một mình, đứng với một âm-chính khác, một âm-bán hay một âm-phụ.

1) Âm-chính đứng một mình tự nó lập thành vần : *e, a, o, v.. v..*, và có thể dài, thường hay ngắn tùy theo ý-định của người nói hay ảnh-hưởng của âm theo sau.

2) Một âm-chính ghép với một âm chính khác gọi là *âm-hai*. Ngữ Việt có 3 âm-hai và hai luật quan-trọng về âm-hai là :

a) Trong một âm hai, âm-chính đầu bao giờ cũng nhẹ và mạnh hơn và thanh của âm mạnh thế đó cũng trội hơn của âm yếu :

iê (iê) ươ (ươ) uô (uô)

mê (mê) mươ (mươ) múô (múô)

b) Nếu sau âm-hai có một âm-bán hay âm-phụ thì đầu các âm-chính yếu ê, ơ, ô mạnh thêm lên một chút nhờ dựa vào âm cuối, âm-chính đầu i, ươ, u vẫn mạnh hơn và có thanh trội hơn :

miêu mươp mướn

3) Một âm-chính có thể ghép với một âm-bán hay một âm-phụ. Âm nào đứng trước âm-chính gọi là *trước chính*, sau âm-chính gọi là *sau chính*. Bốn luật cấu-bổn trong sự ghép âm-chính với các âm-bán và âm-phụ là :

a) Một âm-bán hay âm-phụ trước-chính có thể lỏng hay chặt mà không ảnh-hưởng đến lượng của âm-chính :

Lỏng : đa , gaw (gaw)

Chặt : ta , kaw (kaw)

b) Các âm-bán chặt (của *y* và *w*) và âm-mũi chặt (của *m, n, ng*) không bao giờ đứng trước-chính được vì những âm này phát-mở một cách khó-khăn.

c) Một âm-bán hay một âm-phụ sau-chính về nguyên lượng âm-chính đứng trước khi nó lỏng, nhưng làm ngăn âm-chính đứng trước khi nó chặt :

Lỏng (âm-chính thường) : ab (ap), ad (at), ag, (ac)

Chặt (âm-chính ngắn) : ap (áp), at (át), ak (ác)

d) Vì âm-hai bao giờ cũng dài, nó không dung được một âm-chặt sau nó :

Lỏng (âm-hai dài) iêđ (yết), nướđ (nuốt), đượđ (được).

Những nhận-xét về ghép-âm này rất quan-trọng vì chính nó mới là nền-tảng cho sự ghi-âm tiếng Việt mà tới nay không ai biết đến.

IV. — Đề-nghị và thảo luận

Toàn ban đồng-thanh công-nhận những nhận-xét của thuyết-trình-viên là đúng. Sau đó, có những đề-nghị lần-lượt được đưa ra sau đây :

1. *Định lại daah-từ «nguyên-âm» và «phụ-âm»*. Ông Nguyễn Bạt Tuy nhấn mạnh vào cách đặt tiếng theo tinh-thần dân-tộc, vừa đúng vừa dễ-hiểu, như tất-cả các danh-từ học-ngữ vừa nêu ra đã cho thấy. Một thí-dụ là hai tiếng «nguyên-âm» và «phụ-âm» nay đổi thành «âm-chính» và «âm-phụ» thì sẽ hợp-lý hơn nhiều. Nhất là tiếng «nguyên», theo nghĩa Nho là «đầu», là «căn-bổn», mà theo nghĩa nôm là «vẹn-toàn», không thể áp-dụng cho tích-cách một âm « tự nó có thể phát thành tiếng và có một hay nhiều âm khác phụ vào ».

Ông Lê đình Huyền và ông Đàm duy Tạo nhận rằng danh-từ «âm-chính» dùng để chỉ những âm a, o, u, i, e thì đúng, nhưng danh-từ «âm-phụ» dùng để chỉ b, c, d, vv.. có lẽ không sát nghĩa vì đó chỉ là những dấu-hiệu để ghép vào những âm a, o, u, i... mà làm thành âm.

Ông Nguyễn Bạt-Tuy giải-thích rằng *âm* là «bất-cứ tiếng-động nào có tính-cách của nhạc». Bởi thế bên cạnh *âm-nhạc* có *âm-lời* gồm có các âm-chính, âm-bán, âm-phụ kêu, nhất là các âm-mũi và âm-rung. Như vậy tiếng *âm-phụ* cũng như tiếng *âm-chính* chỉ rõ hai loại âm do các tiếng *chính* và *phụ* phân-biệt là đủ rồi.

Toàn ban đồng ý kết-luận nên dùng danh-từ *âm-chính* để chỉ a, o, u. v. v., và danh-từ *âm-phụ* để chỉ b, c, d, vv. là phải.

2. *Thay ph bằng f.* Ông Vũ xuân Thuật yêu-cầu ban Âm-thanh nêu ra vấn-đề thay *ph* bằng *f*, vì chữ *f* tiện hơn. Ông Nguyễn Bạt-Tụy, ông Nguyễn-hoàng-Chùng, ông Nguyễn-văn-Thơ và vài vị nữa đồng-ý.

Ông Vương-hồng-Sên chứng-tỏ cho mọi người bằng sự phát-âm của chính ông rằng *ph* là âm hai môi phải ra không thể chỉ bằng *f* được. Ông Lê-ngọc-Trụ cũng đồng-ý và hai ông đề-nghị để nguyên *ph* nhưng dùng thêm *f* trong sự phiên-âm ngoại-quốc.

Ông Nguyễn Bạt-Tụy nhận-xét rằng trong Nam còn giữ phát-âm ha môi của *ph* — nhưng ngoài Bắc thường phát-âm bằng môi-răng, và nếu nghĩ đến cái tiện thì cứ thay *ph* bằng *f* rồi miền nào vẫn giữ phát-âm của miền ấy, nhất là hiện nay âm tiêu-chuẩn đã được thừa-nhận là « môi-răng » rồi. Ông Nguyễn-văn-Thơ cũng tiếp lời rằng ngay bây giờ ở miền Nam cũng thiên về giọng môi-răng, và giọng hai-môi một ngày kia thế này cũng mai-một thì khai-tử cho nó sớm hơn một chút cũng không hại gì.

Ông Nguyễn Xuân-Đào thì cho rằng nếu giá-trị về âm của *f* và *ph* như nhau thì hà-tất phải dùng thêm chữ mới, dầu là để phiên âm ngoại-quốc.

Kết-cuộc toàn-ban quyết-định để nguyên *ph* như cũ.

V.— Chương-trình phiên nhóm ngày 16-9-1956

Phiên-nhóm sau đã định là sẽ thảo-luận về chính-tả, và ông Trường-ban ủy cho ông Lê-ngọc-Trụ làm thuyết-trình viên về vấn-đề này đồng-thời với ông.

Đến 11 giờ 30 toàn ban không ai có điều gì cần mang ra thảo-luận nữa, ông Trường-ban tuyên-bố phiên nhóm bế-mạc.

Đã xem :

Trường ban

Nguyễn-bạt-Tụy

Thư-ký :

Nguyễn-xuân-Đào

Hội-viên đồng ký

C. — Phiên nhóm ngày 16-9-1956

I.— Đúng 9 giờ ông Trường-ban tuyên-bố khai-mạc phiên nhóm.

II.— Ông Nguyễn-xuân-Đào, thư-ký của ban, đọc lại biên bản phiên nhóm ngày 9-9-56, để toàn ban duyệt lại, và được toàn ban chuẩn-y.

III.— Thuyết-trình. Ông Lê-ngọc-Trụ đứng lên thuyết-trình về vấn-đề chánh-tả.

Thuyết trình về việc thống nhất chánh-tả trong phiên họp ngày 16-9-1956 của ông Lê-ngọc-Trụ.

Thưa Quý ông,

Sở dĩ có cuộc Hội-nghị thống-nhất ngôn-ngữ và thành lập Ban Chánh-tả này, theo tôi hiểu, là bởi các tự-điền không nhất-trí lối viết của một số tiếng, do sự phát-âm sai-biệt của mỗi vùng mà ra. Sự không nhất trí lối viết ấy làm trở ngại cho sự tiến-triển văn-hóa nước nhà. Vậy chúng ta có phận sự khảo-sát các nguyên-tắc phát-âm và chánh-tả vịn theo sự thông-dụng xưa nay, để do đó quyết định lối viết của mấy tiếng mà các tự-điền không nhất trí.

Tôi xin nói lời ông Nguyễn Bạt-Tụy, đề thuyết trình đại cương về nguyên-tắc chánh-tả mà không đi sâu vào chi-tiết. Ông Bạt-Tụy đã giải thích cách phát âm, tôi áp-dụng các luật biến âm vào việc chánh-tả-

Có phát âm đúng mới viết đúng, nhưng một khi phát âm sai thì « chánh-tả » lại quyết-định sự phát âm.

Ngoài sự chánh-tả tôi còn thấy muốn thống-nhất cách viết, phải đánh dấu giọng cho nhằm chỗ, dùng gạch nối và chữ hoa cho đúng phép. Vậy tôi xin chia đề này ra ba phần :

1) Sự chánh-tả.

2) Phép đánh dấu giọng và dùng gạch nối.

3) Nguyên-tắc viết chữ hoa.

I. *Vấn đề chánh-tả.*— Có ba cách :

— theo giọng đọc, đọc sao thì viết vậy :

— theo phương-pháp « phân-biệt » để tránh sự lẫn-lẫn và theo sự « quen dùng » viết theo phần đông.

— theo từ-nguyên, vì tiếng đó đã chuyển gốc nơi một tiếng khác.

A. — Theo giọng đọc, bởi chánh-tả phải đúng với phát-âm. Nhưng trong thực-tế, sự phát-âm thay đổi từng vùng, hoặc có vùng không phát âm được đúng với giọng nhất định. Thường người Việt miền Nam đọc « thành một » hai giọng hỏi và ngã, nhưng lại phân biệt rành mạch được hai âm *s* với *x* hoặc *ch* với *tr*. Trái lại, người Việt miền Bắc thường lẫn-lộn hai âm *s* và *x*, *ch* với *tr*, *tr* với *gi*, nhưng phân biệt rành mạch những tiếng giọng hỏi với những tiếng giọng ngã và những vận cuối. Trừ có vùng Nghệ-Tĩnh, hầu hết toàn quốc không phân biệt trong khi phát âm, hai âm *d* và *gi*. Vậy ta phải theo cách phát âm nào để quyết định chánh tả? Tự nhiên là ta phải theo cách phát âm của những miền phân biệt được rành rẽ, mặc dầu là những người miền ấy là thiểu số.

Nguyên-tắc ấn-định chánh-tả.

- a) phân biệt *d* với *gi* : theo đồng-bào Nghệ-Tĩnh,
- b) phân biệt *r* với *tr*, *gi* theo đồng-bào Trung và Nam.
- c) phân biệt *v* với *d*, *gi* : theo đồng-bào Trung và Bắc.
- d) phân biệt *ch* với *tr*, *gi* với *tr* ; *s* với *x* theo đồng-bào Trung và Nam.
- e) phân biệt *oa*, *oe*, *uê*, *uy* với *hoa*, *hoe*, *huê*, *huý*, theo đồng-bào Bắc
- f) phân biệt *hỏi* với *ngã* và các vần cuối (*c* với *t* cuối), *ng* với *n* cuối, *at* với *ay*, *ao* với *au*, *âm ắp* với *âm ếp* *iêm ếp* với *im ếp*, *têu* với *uôi*, *uôi* với *ui*, *ươt* với *ưt*, *ươu* với *ưu*, theo đồng-bào Bắc.

Đề ý. — Những tiếng địa phương thì theo phát âm của vùng đó mà định chánh-tả.

B. — Theo sự phân-biệt để tránh sự lẫn-lộn, nhưng khi quá số hai tiếng thì khó mà « phân-biệt ».

— theo sự quen dùng thì nên theo lối thông-dụng, nhưng khi biết rõ tự-nhiên của tiếng ấy ắt phải viết theo tự-nhiên như tiếng « làm *tàn* » thông dụng trong giới bình-dân, nếu ghi đúng theo giọng đọc phải viết « *làng* », song nó là tiếng « làm *song toàn* » nói trại ra, vậy phải viết « *tàn* » không « *g* ».

C. — Theo tự-nhiên : Áp-dụng nguyên-tắc chung với phát âm là « luật đối xứng tương đồng của các âm thể : các âm thể đồng tánh cách phát-âm, và đồng chỗ phát-âm, thường đi chung và đối lẫn nhau ».

Chia ra hai loại :

1) Tiếng Hán-Việt theo luật thanh trắc với phương-pháp « phiến-thiết » của tự-diễn Trung-Hoa.

2) Tiếng nôm, theo luật bằng trầm với luật thuận-thinh-âm.

10) Tiếng Hán-Việt.

— Vận. — Điều nên đề ý là vận tiếng Hán-Việt ít hơn vận tiếng nôm, nhờ đó ta có thể lập lệ cho dễ nhớ như sau, về những vận khó viết :

— chỉ có vận *ai*, *ao* mà không có vận *ay au*.

— chỉ có vận *ăng (oăng)* ắc (*oắc*) ; trừ : *căn trần*, *văn* và *đất* (kỳ).

— chỉ có vận *âm ập*

— — — vận *ân (uân)*, *ât (uât)*

— — — *iêm iếp* ; trừ : *kim* là « vàng », và « ngày nay »

— — — *iên (uyên)* *iết (uyêl)* trừ : *diệp* cũng đọc *dịch*

— — — *iêu*.

— — — *inh, ich* ; trừ *thìn* và *tin*.

— — — *ung (uông)* *uc (uộc)* trừ : *bút*, *phán*, *muộn*

— — — *ung (ương)*, *ưc (ưoc)*, trừ *nhút*, *nhựt* cũng đọc

nhất, nhựt.

— — — *ưu*

— *Thtnh*. — Thịnh tiếng Hán-Việt chia làm bốn loại (bình, thượng, khứ, nhập) thuộc hai bậc bằng (không hỏi, sắc) và trầm (huyền, ngã, nặng). Trong tiếng Hán-Việt, các thịnh lại liên-quan mật thiết với các âm khởi đầu : âm khởi đầu thuộc loại âm « thanh » thì thịnh của nó thuộc bậc « bằng », thuộc loại âm « trắc » thì thịnh thuộc bậc « trầm ». Nhờ đó ta có thể biên lệ để nhớ như sau :

1) Các tiếng khởi đầu bằng âm *chính* (a, â, ê, i, y, o, ô, u, ư) đều viết với dấu hỏi. (1)

2) các tiếng khởi đầu bằng mấy âm phụ : *d, l, m, n, ng*; nh, v đều viết dấu *ngã* (1) trừ chữ *điều* (phiếu điều) và *ngai* cũng đọc là *ngai*.

3) các tiếng khởi đầu bằng mấy âm phụ *ch, gi, kh*, đều viết dấu hỏi. (2)

4) mấy âm phụ *b, c, (k, qu) đ, h, ph, s, t, th, tr, x*, có đủ hai bậc « thanh » và « trắc » ; vậy phải nhờ sự « phiến-thiết » của tự-diễn Trung-Hoa mà quyết-định chánh-tả.

(1) Ý muốn nói viết với dấu hỏi hay dấu khác, chứ không phải với dấu ngã. như có địa-phương hay lẫn-lộn (giữa hai dấu hỏi và ngã) L.t.s.

(2) Với dấu ngã hay dấu khác, chứ không phải với dấu hỏi.

— Âm khởi đầu. — Cũng phải nhờ sự phiên-thiết để viết đúng các tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng *d, gi, ch, tr, s, x*. Ngoại lệ: Tuy nhiên, cũng có ngoại lệ vì sự thông dụng: như *hoãn-hóa, hoảnh-liệt, lưu-trữ* quen đọc là *ảo-hóa, oanh-liệt, lưu-trữ* v.v...

2°) Tiếng nôm chia làm hai loại:

— a) tiếng nôm gốc Hán-Việt, theo tự-nguyên mà viết chính-tả;

— b) tiếng nôm lời, theo cách phát-âm và thuận thanh-âm.

a) Tiếng nôm chuyên gốc Hán-Việt. — Vn theo tiếng gốc, theo luật biến-âm.

— âm khởi đầu. Chúng ta hay lẫn-lộn *d* với *gi*, *s* với *x*, theo nhận xét chung thì:

— âm *d* của tiếng nôm thường chuyển gốc Hán-việt khởi đầu bằng âm *d, đ, y, l*, như: *đậy (duy), dễ (dị), di (di) dòi (di) đao (đao) dai (đái) đồng (đống) ... dim (yêm) dặt (lặt); diềm (liềm)...*

— âm *g* của tiếng nôm thường chuyển bên gốc Hán-Việt khởi đầu bằng *gi, ch, k, s, tr, th*, như *già (già) gteo (glá); gióng (giang); giố (ky); giềng (cương); giấy (chỉ) giếng (chúng) giành (tranh) giều (trào), giết (sát) giường (sàng); giáo (sáo); gậy giờ diềm (thì);*

— âm *s* của tiếng nôm thường chuyển bên gốc Hán-Việt.

âm *S, h, l, t*, như *sỏi (sài) sống (sanh) sao (hà); sau (hậu) sấp (lạp) sen (liên); súc (lực); Sương (lương); say (táy); sửa (tu); sáo (têu) ..*

— Âm *x* của tiếng nôm, trừ mấy tiếng xét (*soát*); (*chà*) xét (*sát*) *xâu (aru) xối (sái); xua (cò) sọ*, thường chuyển bên gốc Hán-việt khởi đầu bằng *x, th*, hoặc *kh*: *xe (xa); xấu (xá) xòm (xám), xua (xu); xanh (thanh) xằm (thằm); xoàng (thường) xóm (thôn); xem (khán)...*

Các âm phụ khởi đầu khác thì thường chuyển bên những âm đồng chỗ phát âm, như vốn (*bổn*) ván (*bản*) buồng, (*phòng*) vuông (*phương*) muôn (*vạn*); *gấp (cấp); gắm (cắm); gởi (ký)...*

— Vận. — Trừ một số ít tiếng *bày (bài); thành-linh (bất-thần) đèn (đăng); lên (thăng)* các tiếng nôm chuyên gốc Hán-Việt đều suy-loại tiếng gốc mà viết.

Xét tiếng Hán-Việt chuyên ra tiếng nôm, lấy phần đa số, có mấy thông-lệ này giúp ta viết ít sai:

— vận *at* đổi ra *ay*, khi âm khởi đầu đã biến đổi: *đại (thay) hài (giầy) sái (rầy) trai (chay) trái (vay).*

— vận *ao* đổi ra *au* và cũng đọc là *đu*: *bảo (củ) bầu (bầu) tào (tàu) tạo (tậu).*

1820

— vận *ơ* đổi ra *ã*:

dam (đăm-đăm) (chăm); đơm (đằm thắm) hàm (cằm) tằm (tằm) thắm (thắm); đáp (đắp) giáp (cặp) cặp (gặp); sấp (lấp).

— vận *âm* đổi ra *im ip*:

cầm (chim) cấp (kíp) cập (k/p); chằm (kim): tâm (tìm) uằm (chằm)

— vận *ê*; *i*, đổi ra *ay* *ây*:

đề (đáy); lể (lạy) tề (tày); thế (thay) mi (mây); phi (bay) quy (quay) trỉ (chầy) chỉ (giấy)

— vận *iêm* *iệp* đổi ra *ăm*; *ăp*.

hiêm (hằm-hằm) tiêm (tằm, xằm); hiệp (chấp) tiếp (chấp)...

— Vận *at* *oi*, đổi ra *ui*.

đại (tái) đội (tụi) hội (hụi) khai (khui) phối (phui) thối (xui, xúi) thối (lui, lúi), si (túi) tị (múi) vị (mùi)

— vận *ich* đổi ra *iéc, ươc*:

bích (biếc) chích (chiếc) dịch (việc) tích (thiếc) tích (tiếc)

tịch (tiệc), nghịch (ngược) xích (thước)

— Vận *inh* đổi ra *iêng*:

chinh (chiêng) chính (chiếng) kính (kiếng) tinh (giếng) trình (triêng)

— về các âm phụ cuối có sự liên hệ đổi lẫn này của tiếng nôm chuyên gốc Hán-Việt.

— *ch* đổi ra *c*: *bích (biếc) nghịch (ngược)...*

— *nh* đổi ra *ng*: *đình (đùng) thịnh (dụng)...*

— *p* đổi ra *t*: *hấp (hút) lạp (dắt)*

— *m* đổi ra *n*: *niên (năm) thôn (xóm) tiền (giảm)...*

— *Thình*. — Trừ một số ít tiếng, thịnh của tiếng nôm chuyên gốc Hán-Việt thường theo bực thịnh của tiếng gốc: tiếng gốc thuộc dấu hỏi, dấu sắc hoặc không dấu thì tiếng nôm viết dấu hỏi; tiếng gốc thuộc một tiếng dấu huyền, dấu nặng, thì tiếng nôm, viết dấu ngã.

giã (kẻ) ký (gởi) hồ (thờ)

đã (dã) kỵ (cỡi) hàng (hàng buôn)

b) Tiếng nôm lồi. = Có hai loại: tiếng đơn và tiếng đôi.

1) Tiếng đơn:

— *đm*. — âm *d* thường đổi với *nh, l, r*: *dần-dần; (lần lần) như (đừ); nhơ (dơ) du (ru)*

— âm *gi* thường đổi với *ch, tt*:

1821

giò (chủ) : giặm (chêm) giòi (trời) ; giảng (trăng)...

— *oan*.— Mấy tiếng nôm có họ với nhau cũng theo mấy nguyên-tắc của tiếng

nôm mượn gốc Hán-Việt như :

cắt (chặt), gặt, ngắt, xắt.

cuối, duối, chuối.

cằm : cãm ; nạm : nãm ; ba mươi : bãm...

ấp : úp ; nấp : núp ; sấm : núm ; sập : sụp.

mách : méc ; mành : miêng ; đập : dục, mấp : mút..

Ngoài ra lấy phần đa số, có thể lập thông lệ đề nhớ như sau :

— vận *en eng* : trừ (rối) beng, leng-keng, phèng (la), xèng. tất cả đều viết *en* ;

— vận *ec ét* : trừ con kéc ; chọc léc, méc (trại giọng của mách) tất cả đều viết ;

— vận *éc, êt* : trừ chệp, ếc (cúng viết ếch). (quêng) quéc, tất cả đều viết *ét*.

— vận *ên êng* : trừ quêng quéc, tất cả đều viết *ên* ,

— vận *ênh* khi trại giọng của *tnh* ;

— vận *âng* khi trại giọng của *ung* đều viết *âng*.

— vận *ân âng* : trừ lảng lảng, quãng, tất cả đều viết *ân* ;

— vận *ui uoi* : trừ hùi (ngủ), củi, chùi, tất cả đều viết *uoi* ;

— vận *ưu, ươu* : trừ cưu (mang) trưu trứu, trừu, tất cả đều viết *ươu*.

Thinh.— Trừ một số ít tiếng đã biến giọng hoặc chúng ta không rõ câu nguyên, mấy tiếng nôm đơn chuyên bên một tiếng khác, thì tùy tiếng chánh, hoặc bổng hoặc trầm mà viết hỏi hay ngã.

Đề ý.— Những tiếng « riu » hợp với tiếng « ấy » đều viết dấu hỏi :
ảnh : anh ấy ; bà : bà ấy, câu : cậu ấy...

Tiếng đôi — Đặc biệt của Ngữ Việt là hợp tiếng đơn đề cho dụ giọng và bớt ngân-ngũn. Tiếng hợp ấy thường không có nghĩa và theo đúng luật thuận thính âm mới nghe thuận tai ; đồng bực thính và đồng chỗ phát âm của vận cuối :

m/p ; ng/c ; nh/ch ; n/t :

nưôm-nướp ; thính thịch : vãng-vặc , man-mát...

Vì không nghĩa riêng tiếng độn phải tùng tiếng chánh, theo âm vận thính mà viết :

dí-dòm , giầu-giếm, giới-giang ; sáng-sủa ; xót-xa...

áy-náy : ăn-năn ; bần-thần ; lao đao ; bầu-lầu ; bển-lển ; hê-hả, hờ-hàng...

Những tiếng đôi điệp vận, nghĩa là vận tiếng sau đồng một vận với tiếng trước, thì chánh-tả tiếng sau tùy tiếng trước : Lãng-cãng, tần-mân, bủn-rủn, bung-xung ; lui-cui.

Về những tiếng không điệp vận, có mấy vận sau đây lấy phần đa số, có thể thành-lệ :

— Vận *áp* : trừ mấy tiếng đập-dồi, lấp-bấp...

vì nó có nghĩa riêng. hai tiếng đôi không nghĩa mà vận *áp* đứng trước thì viết với *đ*, bấp-bềnh, chập-chững, gập-gheh, hấp-hối, xấp-xi...

— vận *ang ăng* : tất cả tiếng đôi không điệp vận mà tiếng sau không nghĩa xuống vận *ang*, ăng đều viết có *g* : đở-dang, hờ-hang ; bộn-bàng, dju-dàng, nhẹ-nhang... trừ : nong-nàn, việc-vàn.

— Vận *ân* : trừ lo-lãng, sốt-sắng ; dặng-hăng, tất cả tiếng đôi không điệp vận *ân* đều viết không *g* : giới-giảo : may-mẩn, xinh-xẩn.

— Vận *âng* : những tiếng không điệp vận xuống vận *âng* đều viết có *g* : dưng-dãng, đái-đẳng... trừ : cọc-cản, đứ-đản, nhọc-nhãn ;

— Vận *ân, ản* : những tiếng đôi mà tiếng sau không nghĩa xuống vận *ân, ản* đều viết không *g*, trừ khi vận *âng ăng* cũng đọc ra ứng ứng : dú-dần ; ngờ-ngàn ; thờ-thần ; vờ-vẩn.

— Vận *ương* ; trái lại, những tiếng đôi uân, ung đều viết có *g* : hí-hững ; pha-lùng ; bưng-tưng...

— Vận *ung* : những tiếng đôi không điệp vận xuống vận *ung* đều viết có *g* : ập-úng, bão-bùng, lạ-lùng ; ngại-ngùng.

Trừ : mây-mún, ngân-ngũn, vắn-chún, vì tiếng sau có nghĩa là « vắn » nát vận. I
— vận *iu, ui* thường đi chung với một tiếng thuộc vận *cân răng* : ần, ân ; ất ; ít ; ut ; :

bậu-bju ; chắt-chiu ; dất-dứ ; kiu-kjt ; cui-cút ; nghi-ngút, sùi-sụi, gằn-gũi ;

Trừ : lảng-lú ; phẫng-phiu ; tãng-tju ; (xãng-xju) tục-tju.

— vận *iệc* : tiếng đôi hợp theo thuận-thính âm, vận có *n, t ; p* hợp với vận *iệc* : học-hiệc ; giới-giéc....

Những tiếng đôi mà hai tiếng có riêng nghĩa thì mỗi tiếng giữ chánh-tả có của nó.

Trừ một số ít tiếng đôi (thư, hoài-hủy ; vòn-vện ; ...) Thính của tiếng đôi hợp với một tiếng không nghĩa giữ đúng luật bổng trầm : không ; hỏi ; sắc đi chung với nhau, huyền ; ngã nặng đi chung với nhau :

nghi-ngợi ; mót-mẻ ; nở-nang ;

nghi-ngợi ; mạnh-mẻ ; lở-làng....

Tóm lại trừ một số ít tiếng ngoại lệ, mỗi chánh-tả tiếng Việt có lý do nhất-định là vịn theo tự nguyên; và nguyên tắc ấn-định chánh-tả tóm trong hai cách:

1) Chánh-tả theo sự phát-âm phân-biệt rành rẽ của mỗi miền;

2) Khi các tự-điền không nhất trí lối viết và ta cũng không thể biết chánh-tả theo cách phát-âm phân-biệt rành rẽ (thí dụ: tiếng không biết là vần d hay gi mà đồng-bào Nghệ-Tĩnh không dùng; tiếng không biết là giọng hỏi hay ngã mà đồng bào Bắc không dùng;...) thì phải theo luật ngôn-ngữ mà quyết-định chánh-tả.

o°o

Phụ lục. Các tự điền còn không nhất trí về âm i hoặc y cuối, và lối viết vận qui, quy.

1) âm i.— Các tự điền không nhất-trí về âm i, khi thì viết i trong bi, chí, di, gi, khi, ni; nghi, nhị; phi; ri, si; thi; tri; vi; xi; khi thì viết i hoặc y trong hy, ky, my, ty, hoặc y hoặc i khi đứng một mình. Thật ra âm y trong mấy vận kể trên cũng đồng một tánh cách phát âm như âm i, song sự quen dùng đã tạo nên tình trạng ấy. Có điều nên đề ý, sống với tiếng Hán-Việt người ta viết với y (ý, hy; ký lý, mỹ, tỷ...) nhưng với tiếng nôm thì chỉ viết với i mà thôi: ăm-ĩ (l-ạch; kí-lò; tí-mi...)

2) vận qui, quy: Tôi thấy rằng với cách phát âm hợp khẩu của vần qui, ta nên theo lối viết của các loại hợp khẩu khác (chuy, huy, suy, tuy, thuy, xuy) với cho nhất trí. Và lại với chữ quỳnh, quỳn, quyết... ta viết y mà với qui lại viết i với lại quy (cũ) cho ra quay, quây; quy (khứ) cho ra quày (về).

II.— Phép đánh dấu giọng và dùng gạch nối

A/ *Đánh dấu giọng.*— Các tự-điền không nhất trí về cách đánh dấu giọng, nhất là về các vận hợp khẩu tron: oa, oe, uy, uơ, khi thì đánh trên âm nguyên (khoẻ, thuở...) khi thì đánh trên âm-bán (hòa, tùy, thủy...)

Theo nguyên tắc chỉ có âm nguyên, âm được gán, mới mang dấu giọng, các âm-bán không mang dấu giọng. Vậy phải đánh dấu trên a, e, o, y, hòa, thuở tùy, thủy... Vậy âm-chính nào là âm-nguyên và âm-bán?

a, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y (phát âm phải chẵn nhiều hai môi) tùy vị-trí của nó mà thành âm nguyên hoặc âm bán. Riêng e vẫn là âm-nguyên và hai âm o và u trong loại hợp khẩu luôn luôn là âm-bán.

Hai âm ngắn ă và â phải dựa vào một âm-phụ hoặc một âm-chính khác mới thành âm nguyên mà mang dấu giọng được, nhưng không trở thành âm-bán.

Trong nhóm nhị-trùng-âm và tam-trùng-âm của vận cần, phần âm chót hết bị âm-phụ cần chặn, dồn luồng âm trở lại mà thành âm-nguyên nên mang dấu giọng:

việt, tiền, thuốc, hường, toàn, thuyết...

—Về vận tron trong nhị-trùng-âm, phần âm nào mang dấu chữ thì mang dấu giọng: ây, âu, êu, ôi, ơi ơu, uê, uơ, ưi, ưu,

Trong nhị-trùng-âm không có phần âm mang dấu chữ, phần âm nào được gán thì mang dấu giọng.

a được gán trong vận: ai, ay, ao, au, oa (qua)

e được gán trong tất cả âm kép: eo, oe, ue

i được gán trong vận ia, iu,

y được gán trong vận: uy

o được gán trong vận: oi

u được gán trong vận ua, ui

—Trong tam-trùng-âm của vận tron, phần âm chính giữa, có mang dấu chữ hay không, đều mang dấu giọng:

oai, oay, uai, oeo, ueo, uya, uơi, uơu.

Đồng thời với sự thống nhất chánh-tả, để cho cách viết được nhất trí, ta nên chú-trọng đến pháp dùng gạch — nối và viết chữ hoa.

Trong công việc thống nhất này, chúng ta nên vịn theo sự « công nhận thông-dụng » mà định nguyên-tắc cho hợp với chỉ-thị của ông Bộ-trưởng đã nêu ra trong bài diễn văn khai mạc. Vì vậy, bản thuyết trình của tôi hôm nay nhằm vào thực-tế hơn, bởi ngôn-ngữ là sản-phẩm xã-hội và có lẽ nó không được « thật đúng theo khoa học » mong quý ông giúp cho ý-kiến.

Lời chua.— Vì tới giờ, nên đoạn « Phép đánh dấu giọng và nguyên-tắc dùng « chữ hoa » chưa thuyết trình.

IV.— Tháo-luận và đề-nghị :

Vì thì-giờ eo-hẹp, sau khi ông Lê Ngọc-Trụ nói được hai phần ba bài thuyết-trình, ông Trường-ban tỏ ý tiếc rằng một tài-liệu công-phu như thế không thể lĩnh-hội đủ được bằng vài chi-tiết nêu trên bảng, tuy toàn

ban đã đồng-ý về đại-cương với thuyết-trình-viên. Ông yêu-cầu được xem bài thuyết-trình đề gộp thêm ý-kiến ở kỳ nhóm sau. Sau đó ông đưa ra nhiều đề-nghị cải-tiến cách viết đề sửa-soạn cho bản đề-nghị sẽ được thảo-luận ở buổi nhóm chủ-nhật 23-9-56 đề đệ lên bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Ông Nguyễn Bạt-Tụy phác-họa một chương-trình bốn mục sau đây :

1) Xác-dịnh vài nhận-xét cần-yếu về âm-thanh cho học-sinh có một ý-niệm rõ-ràng về phát-âm ; ngữ-Việt có 9 âm-chính trong khi có đến 11 chữ đề chỉ, 4 bán-âm lỏng và chặt, 26 âm-phụ đơn còn thiếu chữ đề chỉ 3 âm-phụ ghép.

2) Sửa-đổi cách ghi-âm mà thay ở trong *anh, ach* bằng *e*, trong *ta, ua, ua* bằng *ê, ơ, ô* tùy trường-hợp thành *tê, uơ, uô* ; trong *au* bằng *ô* ; thay *á* trong *áy* bằng *ê* mà thành *êy* — trong *đu* bằng *ô* ; thay *o, u* trong *hoa, huê* bằng *w* mà thành *hwa, hwê, u* trong *au, âu* bằng *w* mà thành *ow, ôw y* trong *ky, ly, my* bằng *i* ; *huy, quy* bằng *hwt, kwt* ; thay *c* đầu bằng *k* trong mọi vần ; *ng* trong nghe bằng *ng* mà có *ngê, gh* trong *ghe* bằng *g* mà có *gê* ; thay *gi* bằng *j* ; và dùng thêm *p*.

Đa số tán thành các đề-nghị. Riêng ông Đặng-văn-Ký nói rằng *y* tức là *i* rồi và có *y* mới có *uy, uyên*, khác hẳn *ut, at, iên*, thì nên *y* như cũ. Ông Nguyễn-văn-Thơ đồng ý với ông Nguyễn Bạt-Tụy cũng như đa số, và vạch rõ rằng không nên lẫn âm-chính chỉ bằng *i* với âm-bán chỉ bằng *y*. Còn về vấn-đề thay *gi* bằng *j*, toàn ban phân-vân và yêu-cầu cho suy-nghĩ lại trước khi tỏ ý-kiến, ở kỳ sau.

3) Sửa-đổi cách gọi tên chữ mà thêm âm « *ơ* » không có giọng huyền vào sau âm-phụ : *b (bơ), đ (đơ), g (gơ), v...v...*

4) Sửa-đổi cách ghi - thanh ; Ông Nguyễn Bạt-Tụy đồng-ý với ông Lê Ngọc-Trụ về sự đặt dấu-thanh trên âm-chính *a, e* trong *at oe*. Nhưng trái với đề-nghị của ông Lê Ngọc-Trụ đặt dấu-thanh trên *ê, ô* trong *tiên, thuộc*, ông Bạt-Tụy, chứng-tỏ rằng âm-chính mạnh trong các nhóm *iên uộc* là *i, u*, phải *ê ô*, vì nếu *ê, ô* mạnh thì *i, u* phải thành âm-bán, và chỉ các âm-chính mạnh mới có dấu-thanh. Ông Nguyễn-văn-Thơ và vài vị khác tán-thành nhận-xét của ông Nguyễn Bạt-Tụy.

Đến 11 giờ 30 ông Trưởng - ban tuyên-bố phiên nhóm bế-mạc.

Trưởng-ban

NGUYỄN-BẠT-TUY

Thư-ký

NGUYỄN-XUÂN-ĐÀO

Hội-viên : đồng-ký

D.— Phiên nhóm ngày 23-9-1956

I — Đúng 9 giờ, ông Trưởng-ban tuyên-bố khai-mạc phiên nhóm.

II — Thảo-luận về bản thuyết-trình của ông Lê-Ngọc-Trụ. — Ông Nguyễn xuân Đào, thư-ký của ban, đọc lại biên-bản phiên nhóm ngày 16-9-56 đề toàn ban duyệt lại, và được toàn ban chuẩn-y, trừ bản thuyết-trình của Lê-Ngọc-Trụ mà ông Trưởng-ban can-thiệp vào nhiều lần.

1. Ở phần « Tiếng Hán-Việt — Vần », ông Nguyễn Bạt-Tụy yêu-cầu nói rõ thêm rằng những tiếng mà ông Lê Ngọc-Trụ coi là lệ-ngoại chính là những biến thể của các tiếng nho chính-thức : *căn* (căn), *trón* (trần), *ván* (văn) *câm* (kim), *thần* (thì) *tấn* (tín), *bất* (bút), *phân* (phún), *môn* (muôn). Riêng những tiếng *đát* (kỷ), *dịch*, *nhất*, không phải là lệ-ngoại vì phát-âm được thừa-nhận vẫn là *đát* (kỷ), *dịch*, *nhất*, *nhật*. Toàn ban đồng ý, nhưng ông Lê Ngọc-Trụ muốn để nguyên-văn và lãnh trách-nhiệm về phần mình.

2. Ở phần « Tiếng nôm », đoạn « âm của tiếng nôm », ông Nguyễn Bạt-Tụy nghi-ngờ nguồn-gốc của những tiếng *sao* (hà), *lên* (thăng), *vay* (thài) và nhấn mạnh rằng mỗi biến-âm đều có hệ-thống riêng, không thể dựa theo nghĩa mà tìm nguồn-gốc được. Trái với ông Lê Ngọc-Trụ, ông Nguyễn Bạt-Tụy định cho một số tiếng trong bản thuyết-trình những nguồn-gốc khác : *dìm*, *chìm*, *trám* (không phải *yêm*), *điêm* là tiếng nho xưa của *điêm* (không phải gốc ở *liêm* là tiếng mà hình-thức xưa là *liêm* đã cho *rêm*), *say*, *si* (không phải *tuý*), *xem* *chiêm* (không phải *khan*), *thay*, *thế* (không phải *đại*), vv.

Ông Lê Ngọc-Trụ nhận rằng *thế* cho *thay* thì đúng hơn, nhưng về các tiếng khác xin để nguyên-văn và lãnh trách-nhiệm về phần mình.

3. Cũng ở phần này, Ông Nguyễn Bạt-Tụy xin ông Lê Ngọc-Trụ rút hẳn tiếng *giá* (*già*) đi vì không ai tìm nguồn-tiếng theo lối ấy, và nếu tiếng nho *giá* có thêm một nghĩa nôm thì nó vẫn là tiếng nho. Ông Lê ngọc-Trụ chủ-trương rằng một tiếng « Hán-Việt dùng theo nghĩa nôm thì thành tiếng nôm ». Toàn ban không tán-thành chủ-trương của ông, và ý-kiến chung là nếu như vậy thì biết bao-nhiều tiếng nho đã thành nôm cả rồi !

4. Ở phần « Tiếng nôm lời », ông Nguyễn Bạt-Tụy chứng-tỏ rằng về tiếng đời không có tiếng *tan-tát* và nên thay thí-dụ ấy bằng *man-mát*, và những thí-dụ *chàng-chít*, *kháng-khít* không phải là lệ-ngoại của loại tiếng lặp lại vì nó thuộc vào loại tiếng khác, trong khi tiếng *lấp-bấp* ở dưới lại phải đề vào loại tiếng lặp lại âm-phụ đầu. Ông Lê Ngọc-Trụ chấp-thuận các sửa đổi này.

5. Ông Nguyễn Bạt-Tụy lại nói rằng trong ngữ Việt không có tiếng *việc-vần* và không có vần *iết* để chỉ một ý mập-mờ, vì chỉ có *iếc*, và những tiếng *nên-niết*, *lết-liết* là do ông Trụ vịn theo luật biến-âm mà « tạo » ra thôi, chứ chính ông Trụ cũng không phát-âm *iết*. Ông Lê Ngọc-Trụ xác-nhận rằng *việc-vần* là tiếng trong Nam, và đồng-ý bỏ các thí-dụ về vần *iết*.

6. Ông Nguyễn Bạt-Tụy yêu-cầu thêm ông Trụ đổi tên « vần cân răng » để chỉ các vần *ân, ần, ắt* thành « cân nôi » vì theo thực-tế ngữ Việt không có âm-cân răng. Ông Trụ nhận rằng thế thì đúng hơn nhưng ông nói « cân răng » cho tiện.

7. Mấy đoạn thêm đề trong ngoặc của ông Trụ, ông Bạt-Tụy tỏ ý rằng đó là phần ghi của vị thư-ký trong ban, xin bỏ đi : ông Lê Ngọc-Trụ đồng-ý.

III—Thảo luận về bản kiến-nghị của ông Nguyễn Bạt-Tụy.

Kể đó, ông Trưởng-ban vừa đọc vừa giải-thích bản kiến-nghị cải-tiến cách ghi-âm tiếng Việt, sẽ đệ-trình lên bộ Quốc-gia Giáo-dục, mà ông xin toàn ban biểu-quyết. Nhiều vấn-đề đã được thảo-luận ở mấy kỳ nhóm trước nên vấn-đề được thông-qua dễ-dàng, trừ việc thêm *f* bên cạnh *ph* mà ông Nguyễn Bạt-Tụy trở lại tán-thành ý-kiến của hai ông Lê Ngọc-Trụ và Vương Hồng-Sên ở kỳ trước.

Ông Lê Ngọc-Trụ can-thiệp rằng hội-nghị này gọi là « thống-nhất » thì không nên đưa ra một cải-cách nào, và ông xin miễn biểu-quyết về phần ông. Ông Nguyễn Bạt-Tụy nhắc lại mấy lời đầu bản kiến-nghị và nhấn mạnh vào điểm rằng không có một cuộc thống-nhất nào mà không có cải-cách, Ông cực-lực phản đối óc bảo-thủ và thiếu tự-tín đã làm cho văn-hóa Việt-nam tiến những bước rùa. Ông cũng nói thêm rằng bổn-phận của Ban Âm-thanh là làm hết sức mình và phải đề-nghị những gì xét

và đáng làm; còn những đề-nghị ấy sẽ bị bác bỏ, hay được chấp-thuận một phần nào thì đó là thuộc thẩm-quyền của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Kết-cục bản kiến-nghị được 5, thăm thuận của các ông Nguyễn Bạt-Tụy, Lê đình Huyền, Đào văn Trường, Đàm duy Tạo và Vũ xuân Thuật, và 3 thăm chống của các ông Vũ xuân Đào, Lê-Ngọc-Trụ và Trần văn Quới.

Đến 12 giờ 15 ông Trưởng-ban tuyên bố phiên nhóm bế-mạc.

Làm tại Sài-gòn, ngày 25 tháng 9, 1956

Trưởng-ban

Thư-ký

NGUYỄN BẠT-TUY NGUYỄN XUÂN ĐÀO

Hội Ủy-viên đồng ký

ĐỀ-NGHỊ

của BAN ÂM-THANH

XÉT rằng công-cuộc thống-nhất ngôn-ngữ cốt ở sự làm cho nhất-trí cách nói cũng như cách viết trong toàn dân bằng cách phổ-biến những gì có sẵn mà được đa-số coi là hợp-lẽ, lợi dụng những gì tuy chưa phổ-thông nhưng xét ra hữu-ích, và cải-thiện những gì mà hiện-trạng có-thể cản-trở sự thống-nhất ngôn-ngữ ;

— Xét rằng trong trách-vụ thống-nhất phát-âm và chính-tả, ban âm-thanh chúng tôi đã vấp phải nhiều nỗi khó-khăn gây ra bởi, một đàng, những thành-kiến sai-lầm về cách quan-niệm hệ-thống âm-thanh Việt-Nam do các nhà khảo-cứu Âu-Tây chủ-trương, một đàng khác, bởi chính những khuyết-diểm của chữ « quốc-ngữ » do các linh mục Âu-Tây để lại,

— Xét rằng Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ Việt-Nam lần này có một tính cách lịch-sử trọng-đại vì là một dịp duy-nhất để biểu-dương tinh-thần độc-lập và quật-khởi của văn-hóa Việt-Nam, cũng như để cải-thiện phương-pháp giáo-dục trong các trường ;

Ban âm-thanh trân trọng đề-nghị những điều cải-tiến sau đây :

CHƯƠNG-TRÌNH CẢI-TIẾN

A.— Trong sự phát-âm và phát-thanh

(1) Xác-dịnh trong các sách giáo-khoa rằng ngữ Việt chỉ có 9 âm-chính : e, ê, i, a, ơ, u, o, ô, u, tuy có đến 11 chữ âm-chính chỉ, vì :
y, trừ vài trường-hợp là âm-bán, chỉ cùng một âm với i,
ă, ă chỉ là hai giọng ngắn của a và ơ, trong khi giọng ngắn của nhiều âm-chính khác không có dấu riêng để chỉ.

(2) Xác-dịnh trong các sách giáo-khoa rằng ngữ Việt có 4 âm-bán : hai âm lỏng và chặt của i (chỉ bằng i trong ai và y trong trong ay) ; hai âm-lỏng và chặt của u (chỉ bằng o, u trong eo, êu, và bằng u trong au, âu)

(3) Xác-dịnh trong các sách giáo-khoa rằng ngữ Việt có 26 âm-phụ đơn : h, l, r, v, ph, ð, d, x, gi, s, kh, b, p, đ, t, g, k, m lỏng (trong am) ; m chặt (trong ăm), n lỏng (trong an), n chặt (trong ăn), ng lỏng (trong ang), ng chặt (trong ăng), nh cân-ép (ở đầu tiếng nhà), ch cân-ép (ở đầu tiếng cha), tr cân-uốn, và ba âm-phụ ghép : ph cân-thở, th cân-thở, tr cân-rung.

(4) Xác-dịnh trong các sách giáo-khoa rằng ngữ Việt có 6 thanh : 3 thanh cao : ngang, hỏi, sắc và 3 thanh thấp : huyền, ngã, nặng

B.— Trong sự ghi-âm

a) Dùng chữ. — Một số chữ khi thì chỉ loại âm này, khi thì chỉ loại âm khác, nay định lại cho phân-minh :

(5) Chữ âm-chính a trong anh, ach phải thay bằng e, vì ta có một âm-trước rộng đi đôi với các âm trung và hẹp đồng loại ê, i. trong ênh, êch, tnh, tch. So-sánh :

Rộng	Trung	Hẹp
êh	êh	ih
ech	ech	ich

(6) Chữ âm-chính a trong các âm-hai ta, ua, ua cuối tiếng phải tùy loại âm đứng trước mà thay bằng ê, ơ, ô ;

kia phải là kiê, cũng như kiêm, kiếp, kiết
đưa phải là đươc, cũng như đượm, đượm
mua phải là muô, cũng như muôn, muốt, muốt

(7) Chữ âm-chính a trong ay phải thay bằng e vì ta có một âm-trước rộng, và trong âu phải thay bằng o, vì ta có một âm-sau rộng.

(8) Chữ âm-chính á trong áy phải thay bằng ê vì ta có một âm-trước trung và trong âu phải thay bằng ô vì ta có một âm-sau trung. So-sánh với số 7) ta có.

	Rộng	Trung	Hẹp
Âm-trước	ey	êy	iy
Âm-sau	ou	ôu	uu

(9) Các âm-bán sau-chính trong ao, êu có giọng lỏng phải chỉ đều bằng u, còn trong au, âu có giọng chặt và phải chỉ bằng một dấu riêng là w. So-sánh :

Lỏng :	au	êu	ou	iu	ru
Chặt :		ow		ôw	uw

Các âm-bán trước-chính trong oa, uê cũng phải chỉ bằng w.

Do đó hoc, hoa, huê, hươ phải viết là : hwe, hwa, hwê, huơ, và huy, quy cũng sẽ thành hwot, kwot (x. 10, 11)

(10) Y chỉ dùng khi đứng một mình cho dễ coi, dầu nó vẫn là âm-chính, hay ở cuối tiếng sau một âm-chính khác, lúc đó nó mới thật là âm-bán, có giọng chặt đối với giọng lỏng chỉ bằng i. So-sánh :

Lỏng :	ai	oi	oi	ôi	ri	ui
Chặt :	ey		êy		iy	

Trái lại chỗ nào có âm-chính phải chỉ bằng i, không bằng y :

yết phải viết bằng iết, do đó huyết, tuyết sẽ thành hwiết, twiết
yêu phải viết là tuê, cũng như tiêu, liêu

ky, ly, my phải viết là ki, li, mi
huy, quy phải viết là hwot, kwot (x. 9, 11)

(11) Chữ âm-phụ k ở đến các vần kê, kê, ki hiện có đủ để chỉ âm-cân-màng-cửa chặt, nên không cần đến c, q nữa cho nhất-trí :

ke ka ko kê kor kô ki kur ku
kwe kwa kwê kwơ kwi

(12) C sẽ thay hẳn ch ở đầu tiếng mà gọi là « chơ » để chỉ âm-cân-ép
ce, ca co cê cơ cô ci cur cu

(13) Q sẽ lấy ra để thay kh vì kh khiến người ta hiểu lầm là một âm-cân-thở trong khi ta có một âm-ép khi :

qe qa qo qê qơ qô qi qư qu

(14) P sẽ dùng thêm đề diễn-tả âm-cần hai-môi chặc gập trong các tiếng phiên-âm ngoại-quốc, và bộ-văn Việt sẽ có thêm :

pe pa po pê pơ pô pi pư pu

(15) Ph sẽ dùng đề chỉ riêng âm-hai-môi thờ trong những tiếng nho gốc ở một tiếng Hán bắt đầu bằng một âm tương-tự, hay một số tiếng nôm gốc ở các tiếng nho bắt-đầu bằng âm hai-môi ấy, hay nửa một tiếng trọng-âm có giọng thờ mạnh ra. Thí-dụ :

Tiếng Hán	Tiếng nho	Tiếng nôm	Tiếng trọng-âm
判 票 破	phán phiêu phá	pha	phạch, phịch, phập, phụp

(16) Nhưng sẽ dùng f để viết các tiếng nho gốc ở các tiếng Hán bắt-đầu bằng một âm môi-răng phi, các tiếng nôm gốc ở những tiếng nho ấy, hay các tiếng thường hiện nay đa-số phát-âm bằng f, nhất là tiếng phiên-âm ngoại-quốc : pha (phare) fim (film) ;

Tiếng Hán	Tiếng nho	Tiếng nôm	Tiếng thường
凡 分	fàm fàn	fản	

(17) Ngh nên bỏ đề thay đều bằng ng mà chỉ âm-màng-cửa mũi :

nge nga ngo ngê ngơ ngô ngi ngư ngu

(18) Gh ở đầu các vần ghe, ghê, ghi cũng thay đều bằng g :

ge gâ gô gê gơ gô gi gur gu

(19) Những vận gi cũ sẽ chỉ bằng j để diễn-tả một âm-sát-cửa, không mạnh như j Pháp trong jote, cũng không có giọng cần-ép của j Anh trong joy. Ta sẽ có :

je ja jo jê jơ jô ji jur ju

b) Gợi lên chữ.

(20) Các chữ âm-chính phát ra sao thì gọi làm vậy : ê, a, o, ê, ơ, ô, i, u.

Chữ nào có dấu-thanh nào thì phát-âm-chính với thanh ấy luôn. Thí-dụ : á sẽ không gọi là « a sắc á », mà chỉ gọi là « á ».

(21) Chữ âm-bán y không theo Pháp mà gọi là « i gờ-rét » hay theo lối quen dùng tới nay là « i dài » để phân-biệt với i là « i ngắn » nhưng sẽ gọi là « yơ ». Như thế khi nói « i » thì biết ngay là âm-chính, i, mà nói « yơ » thì biết ngay là âm-bán y.

Chữ âm-bán w đặt ra thêm cũng sẽ gọi là « wơ ».

(22) Các chữ âm-phụ sẽ gọi tên bằng cách chấp « ơ » vào mà không đề giọng huyền như trước : b (bơ), c (chơ), d (dơ), đ, (dơ), f (fơ), g (gơ), h (hơ), j (jơ), k (kơ), l (lơ), m (mơ), n (nơ) ng (ngơ), nh (nhơ), p (pơ), q (khơ), r (rơ), s (sơ), t (tơ); v (vơ), x (xơ), y

Ba chữ ghép ph (phơ), th (thơ), tr (trơ).

Như vậy tránh được những tên ngớ-ngẩn « đề trên » đối với « đề dưới » hay « đề đề ».

C — Trong sự ghi thanh

Nguyên-tắc căn-bản trong sự ghi thanh là : trong một tiếng chỉ âm-chính mạnh nhất mới có dấu-thanh. Do đó :

(23) Trong những nhóm hoá húy (sẽ biết là huá, hui) chỉ âm-chính a và i mới có dấu sắc

(24) Trong những nhóm yết, tuyết (sẽ viết là iết tuiết) chỉ âm-hình mạnh t mới có dấu-thanh.

II — PHƯƠNG-PHÁP CẢI-TIẾN

Chương-trình cải-tiến trên đây chỉ là một chương-trình tối-thiểu, vì muốn cho đầy-đủ còn cả một hệ-thống âm phụ cuối phải cải-tô lại như đã trình-bày trong quyển Chữ và văn Việt khoa học, nhất là bài nói chuyên về « Ngôn-ngữ-học Việt-Nam ». Tuy vậy muốn thực hiện nó cũng phải chia nó thành từng thời-kỳ, từng « đợt ». Có thể phân biệt được ba đợt :

Đợt nhất : chương-trình « sơ-khởi » gồm có những sửa-đổi ở các diêm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, về phát-âm, phát-thanh và ghi âm-chính, thực-hiện trong vòng bốn tháng đầu để gây nên những thói-quen mới trong một phần cách viết mới không làm xáo-trộn cách trình-bày trong giấy má, sách-vở,

Đợt nhì : chương-trình tăng-tiến gồm có những sửa-đổi ở các diêm 9, 10, 11, 12, 13, về ghi âm-bán và một phần âm-phụ đầu, thực-hiện trong vòng bốn tháng kế-tiếp, để đưa dần đến kết-quả cuối-cùng mà vẫn không ảnh-hưởng nhiều đến hệ-thống ghi-âm.

Đợt ba : Chương-trình «hoàn-bị» gồm có những sửa đổi ở các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, cũng thực-hiện trong vòng bốn tháng, và sau đó ngữ Việt sẽ có một hình-thức mới tạm gọi là khả-quan.

Ở mỗi đợt, những sửa-dổi sẽ được áp-dụng trong học-đường, trong các sở công và tư về những giấy tờ viết hay đánh máy. Còn sách vở in ra vẫn được theo lối viết cũ cho đến hết, đợt hoàn-bị. Trái lại, báo-chí và các ấn-loát-phẩm nhất thời phải áp-dụng triệt-đề các sửa-dổi ở mỗi đợt cho đến khi hết một năm thì sự nhất-trí trong mọi ngành hoạt-dộng sẽ được thực-hiện dễ-dàng.

Bản đề-nghị này đã được bảy uỷ viên hiện-diện biểu-quyết như sau đây:

- Ô. Vũ xuân Đào xin đề nguyên tình-trạng cũ của chữ quốc-ngữ
- Ô. Lê đình Huyền tỏ ý chưa lý-hội được hết, nhưng tán-thành một chương-trình cải-cách có lợi cho tiếng Việt-nam.
- Hai Ô. Lê ngọc Trụ và Trần văn Quới nghĩ rằng đây là một Hội-nghị « Thống nhất », không phải một hội-nghị « Cải-cách », xin miễn biểu-quyết.
- Ba Ô. Đào văn Trường, Đàm duy Tạo và Vũ xuân Thuật đồng-ý với ông Nguyễn Bạt-Tụy về hầu hết các điểm trừ :
- điểm 12 về chữ C và điểm 16 về chữ F mà ông muốn là đừng có thêm (Ô. Đào văn Trường)
 - điểm 16 về chữ F mà ông đề-nghị đề phiên-âm thôi (Ô. Vũ xuân Thuật).
 - những điểm nào có tính-cách phức-tạp (không chỉ rõ điểm nào), vì ông ước-mong giản-dị-hóa cách viết.

Làm tại Sài-gòn, ngày 23 tháng 9, 1956

Trưởng-ban

NGUYỄN BẠT TỤY

Thư-ký

NGUYỄN XUÂN ĐÀO

Hội-viên đồng ký

BAN TỪ-NGỮ CHUYÊN-MÔN

BIÊN - BẢN

A — Phiên nhóm thứ nhất ngày 5-9-1956

SAU khi tuyên bố khai-mạc Hội-nghị, Ông Trưởng-Ban yêu cầu các Hội-viên cử một Phó Trưởng-Ban và một hay hai Thư-ký. Các Hội-viên đồng thanh cử :

Ô. NGUYỄN-ĐĂNG-HOÀNG : Phó Trưởng-Ban

Ô. PHÙNG-NGỌC-PHỤNG : Thư-Ký

Ông Trưởng-Ban đưa ra ý-kiến : cần phải xác nhận những từ-ngữ chuyên môn đã được dùng trong các trường học.

Ông Thư-Ký góp ý-kiến : Vì Tiêu-Ban chỉ làm việc trong 15 ngày, nên chỉ đủ thì giờ để lập những bản từ-ngữ chuyên-môn, đề đệ trình Hội-Nghị Toàn Quốc sẽ được triệu-tập.

Ông NGÔ-ĐỨC-KÍNH : Theo ý-kiến của Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ nhóm họp sáng ngày 5-9-1956, thì nhiệm-vụ của Hội-Nghị là : ấn-định các nguyên-tắc thiết-lập từ-ngữ chuyên môn.

Đại-Ủy HÙYNH-CÔNG-THÀNH đề-nghị : Nên dựa vào các nguyên-tắc sẵn có trong quyển « Danh-Từ Khoa-Học » của Ông Hoàng-Xuân-Hán. Ý-kiến này được toàn Ban chấp-thuận.

Ông Trưởng-Ban đề-nghị : Nên dựa theo các ngành chuyên môn, để chia Ban chuyên môn ra thành nhiều Tiêu Ban. Mỗi Tiêu Ban sẽ có một Ủy viên phụ trách việc thu thập các tài liệu.

Các Hội viên đồng ý, và toàn Ban được chia ra thành tiêu ban.

Ông trưởng-ban đề -nghị : Định những giai-đoạn làm việc của Hội-Đồng như sau :

1. Suu-tầm các danh-từ chuyên-môn đã có sẵn ;
2. Tạo những danh-từ chuyên-môn đề bổ-khuyết ;

3. Thảo-luận đề lựa chọn những danh-từ chuyên-môn.

Ông Tăng-xuân-An đề nghị ; Hội-Đồng hãy làm cho xong các việc 1 và 2 đã. Tiêu-ban chấp-thuận.

Ông Phạm-chí-Thành xin lưu-ý toàn Ban về điểm sau đây : Việc phiên-dịch hoặc phiên-âm các danh-từ chuyên-môn ngoại-quốc sang tiếng Việt, và việc thống-nhất các danh-từ này cần phải hướng về tương lai để làm thế nào cho những người theo học từ các bậc Tiểu-học, Trung học lên đến Đại-học, khỏi bị bỡ ngỡ, và có thể tiếp-tục sự học một cách dễ-dàng, nhất là trong lúc giao-thời này, nhiều lớp Đại-học còn dùng nguyên-văn sách ngoại-quốc. Tiêu-ban tán-đồng ý-kiến.

Ông Trưởng-Ban nêu vấn-đề : Ban Chuyên môn sẽ làm gì trong cuộc hội-hợp lần sau ?

Ông Nguyễn-Thụy trả lời : Từ khi có quyền « Danh-Từ Khoa-học » của Ông Hoàng-xuân-Hân, chuyên-gia các Ngành đã nghiên-cứu sách ấy, đã tìm thêm được vài nguyên-tắc, và đã được ít nhiều kinh-nghiệm về việc đặt từ-ngữ. Vậy lần sau, Ban chuyên môn sẽ họp đề các Hội viên trao đổi kinh-nghiệm và gom góp ý kiến về các nguyên-tắc cấu-tạo từ-ngữ mới.

Sau đó, ông Trưởng-Ban ghi tên các cộng-sự viên trong từng tiêu-ban.

Ông Trưởng-Ban quyết định họp lần sau, vào sáng thứ Bảy 8-9-1956, đúng 8 giờ, tại Phòng Hội-đồng trong Trường Cao-đẳng sư-phạm.

Thư-ký,

Trưởng-Ban,

PHÙNG-NGỌC-PHỤNG

TRẦN-VĂN HIẾN-MINH

o o

B — Phiên nhóm thứ nhì ngày 8-9-1966

Ông Trưởng-Ban tuyên-bố khai-mạc, ông Thư-Ký đọc chương-trình nghị-sự ; rồi thảo-luận về từng mục một.

MỤC THỨ NHẤT

Ông Thư-Ký đọc Biên-Bản phiên nhóm kỳ trước. Hội đồng thông qua.

MỤC THỨ HAI

Ông Trưởng Ban báo cáo về những cuộc tiếp xúc của Ông với các nhà chuyên-môn thuộc các ngành, mà phiên họp trước chưa có người phụ trách.

Trước hết, Ông đã tới thăm Luật sư Đào văn Tập, một tác giả Tự Điển. Luật Sư Đào văn Tập đã vui lòng cộng tác.

1836

Tiếp đó, Ông Trưởng Ban đã liên lạc với Ông Nguyễn hữu Mưu về ngành canh nông. Ông Mưu cũng nhận lời hiệp tác, và sẽ tiếp xúc với nhóm chuyên môn trong Bộ Canh nông.

Sau hết, Ông Trưởng Ban tiếp xúc với Bác Sĩ Phạm biểu Tâm, Khoa trường Y Dược Khoa Đại Học. Ông Khoa trưởng rất tâu thành việc lập Hội Nghị Thống nhất Ngôn Ngữ. Nhưng vì bận nhiều công việc, Ông Khoa trưởng không thể dự việc cấu tạo từ ngữ được. Ông Khoa trưởng cho biết, ban Giáo sư Y dược còn có tính cách hỗn hợp gồm giáo sư Việt và Pháp, chuyên ngữ phần lớn còn là tiếng Pháp. Nên Ông giới thiệu Ông Trưởng Ban với Bác-sĩ Lê văn Khải Tổng Giám-đốc Nha Y tế. Bác-sĩ sẵn lòng hiệp tác, và cho biết có nghị đĩnh của ông Bộ trưởng Y-tế, thiết lập Ủy ban danh từ chuyên môn về Y-tế.

Nhưng đề đi đến kết quả cụ thể hơn, Bác sĩ giới thiệu ông Trưởng ban với Bác Sĩ Trần đình Đệ, Giám đốc trường Cán Sự Y Tế. Bác-sĩ Đệ vui lòng cộng-tác, và cho biết trong trường Cán-sự Y-tế, nhân viên hữu trách đã dịch lần lần các danh từ chuyên môn, và đã lập sẵn một bản danh từ đề các Giáo sư dùng.

Ông chủ tịch hỏi Hội đồng nên mời thêm những chuyên gia nào khác nữa.

Ông Phạm chí Thành đề-nghị tiếp xúc với Ông Cao văn Ba, nhân viên Sở Khoáng chất.

Một Hội viên khác đề nghị mời một chuyên viên về ngành Thú-y thuộc Bộ Canh-nông.

Ông Nguyễn ngọc Cư đề nghị ; về danh từ Hành-chánh nên liên lạc với Học-viện Quốc-gia Hành-chánh. Ông Thư-Ký đề-nghị tiếp-xúc với Ông Lý-bình Huệ, Phó Giám-đốc Học-Viện Hành-chánh, Chi-vụ Trưởng sưu tầm Tài-liệu tại Học-viện.

MỤC THỨ BA

Ông Trưởng Ban yêu cầu chuyên sang mục thứ ba trong chương trình nghị-sự, theo đó, các Ủy-viên Phụ-trách các Tiêu-Ban đề-nghị nguyên tắc cấu-tạo từ ngữ :

I — Ông Tăng-xuân-An trình h-bày nguyên tắc phiên dịch danh từ Địa-lý.

A — Danh-từ riêng

1. Về các quốc gia thuộc phạm-vi ảnh-hưởng văn-minh Anh, thì phiên-âm theo lối Anh. Thí dụ : Birmingham : Béc Minh Hăm, New-Zeland : Niu-zê-lan.

2. Về các Quốc gia thuộc phạm vi ảnh-hưởng văn minh Pháp, thì phiên âm theo lối Pháp. Thí dụ : Bordeaux : Booc Đô, Bruxelles : Bơ-ruých xen.

3. Về Trung-hoa, Cao-lý, nên phiên-âm theo lối đọc chữ Hán như

1837

vấn quen, bên cạnh chưa thêm âm Trung-hoa hay Cao-ly. Thí dụ : Bắc Kinh (Pékin), Bình Nhượng (Ping Yang).

4. Những tên riêng Nhật bản, phiên âm lối đọc của Nhật. Thí dụ : Yokohama : I-ô-kô-ha-ma, Nagasaki : Na-ga-da-Ki.

5. Những danh từ đã Việt hóa và đã quen dùng, nên để nguyên, bên cạnh chưa danh-từ Việt bằng thứ tiếng nước đó : Đông-Kinh (Tokio) ; Ba-lê (Paris) ; Luân-đôn (London).

6. Trong khi phiên-âm, nên dùng chữ X để phiên-âm chữ S của Pháp, chữ S để phiên-âm chữ CH, chữ D để phiên-âm chữ Z, GI để phiên-âm chữ G. Thí-dụ : Saintonge : Xanh-tông-giơ. Abruzzes : A-bơ-ruy-đơ.

7. Về danh-từ riêng Địa-lý Việt-Nam, phải dùng đúng danh-từ Địa-phương. Thí-dụ : mũi Batangan : mũi Ba-làng-an, Rivière claire : Lô-giang, Rivière noire : Đà-giang v.v.

B — Từ-ngữ nói chung.

1. Nên dùng:

a. Những tự-điền sau đây : Pháp-Việt Tự-điền của Đào-duy-Anh, Đào-văn-Tập, Đào-dăng-Vý.

b. Danh-từ khoa-học Hoàng-xuân-Hãn

c. Danh-từ Văn-vật-học Đào-duy-Tiến.

2. Nếu có nhiều tiếng để chỉ một từ-ngữ phải dịch, thì nên chọn tiếng nôm thông-dụng nhất.

Sau hết, Ông An trình Hội-đồng một bản từ-ngữ Địa-lý đã được các giáo-sư chuyên-môn điều-chỉnh và bổ-khuyết.

II — Đại-Úy Huỳnh-công-Thành (Tiểu-ban Quân-Sự) đề-nghị :

1. Sưu-tầm các từ-ngữ đã có, và bổ-khuyết những từ-ngữ đó.

2. Đặt ra các từ-ngữ chuyên-môn mới như Radar theo phương pháp sau đây :

a. Trước hết dùng chữ Nôm.

b. Nếu không có mới dùng chữ Hán.

c. Nếu cũng không có, thì phiên-âm.

d. Tạo ra những chữ mới theo qui-ước riêng và định nguyên-tắc rút ngắn từ-ngữ trong những trường hợp có thể.

III — Về ngành Công-chánh, Ông Nguyễn-duy-Ân đề-nghị những nguyên-tắc của Ông Hoàng-xuân-Hãn sau đây :

1. Mỗi ý-niệm phải được diễn đại bằng một từ-ngữ.

2. Mỗi từ-ngữ một ý.

3. Từ-ngữ phải có gốc dễ để nhớ.

4. Từ-ngữ trong các môn phải thành một toàn thể duy-nhất và liên-lạc.

5. Từ-ngữ phải gọn gàng, đủ nghĩa.

6. Từ ngữ phải có âm-thanh Việt-Nam và tính cách quốc-gia.

7. Từ-ngữ cần phải có hy-vọng tồn-tại trong dân chúng.

8. Thay thế những từ-ngữ, tuy thông dụng, nhưng không đúng nghĩa.

IV — Linh-Mục Trần-văn-Hiến-Minh thuyết-trình về từ-ngữ ngành Triết-lý. Linh-mục cùng với một số cộng-sự viên đã soạn một cuốn từ-ngữ, và cuốn đó một phần lớn đã được phổ-thông trong lớp Triết-học Tư và Công từ năm 1952.

Việc định nguyên-tắc chia làm hai phần : Nội-dung và Ngoại-dung.

A — Nội-dung

Đồng ý với Ông Hoàng-xuân-Hãn về :

a. Mỗi ý có một tiếng thôi.

b. Lấy các bộ trong chữ nho để lập hệ thống danh-từ. Ví dụ : bộ *tin*h : dân-tộc-tính, luân-lý-tính, vật-lý-tính v.... Bộ *th*ê : Tùy-thê, hiện-thê, tiêm-thê v.

c. Nếu cần, phiên-âm.

B — Ngoại-dung.

1. Từ ngữ phải gọn, nghĩa là cố gắng dùng hai chữ thôi, cùng lắm mới dùng ba chữ. Những từ-ngữ kép tùy trường hợp rút ngắn hay phải dùng nhiều chữ để tránh tối nghĩa.

2. Từ-ngữ phải có âm hưởng Việt-Nam « Phải tránh khổ-âm », lưu ý đến luật bình, trắc tự-nhiên của tiếng Việt.

3. Từ-ngữ kép được đặt theo văn-phạm Việt-Nam.

V — Ông Đỗ-văn-Dương đề-nghị nguyên-tắc về từ-ngữ ngành Toán.

1. Dùng tiếng Nôm, nếu không có thì dùng chữ Hán. Nếu dùng chữ Nôm, Hán không được, thì phiên-âm. Trong việc phiên-âm, sẽ dựa vào các tài-liệu trong cuốn « Danh từ khoa-học » của Ông Hoàng-xuân-Hãn, và « Danh-từ Toán-học » của ông Phạm-văn-Bạch.

2.— Mỗi ý một tiếng.

A — Bàn về danh từ Địa-dư, Ông Nguyễn-xuân-Khương đề nghị :

1— Tiếng nào đã quen dùng thì không thay đổi.

2— Nên có sự cộng-tác của cơ-quan Hành-chánh, Địa-dư, Giáo-Dục, và nhất là của các Ông Thanh-Tra Học-vụ kể cả các vị đã về hưu. Về ngành Địa-dư, nên mời Ông Bùi-hy-Phăng Phó Giám-Đốc Sở Địa-dư cộng-tác.

Ông Nguyễn-Phụng đề-nghị lập một Hội Địa-dư Toàn-Quốc—Ông Khương tán-thành ý kiến.

B— Bàn về ngành Địa-chánh, Ông Khương trình :

Nhà Địa-chánh cũng áp-dụng các nguyên-tắc như các cơ-quan đã trình bày trên đây nên không cần nhắc lại, chỉ thêm mấy ý-kiến :

1— Những chữ gì đã dùng rồi, cứ để nguyên, thí-dụ : mia (mire)

2— Cần phải tế-nhị-hóa việc dịch các chữ có nghĩa tương-tự.

3— Rút gọn danh-từ. Gộp 4 chữ làm 2 thành một danh-từ mới, hoặc 2 chữ làm một thành một danh-từ mới nếu danh-từ đó chưa dùng và dễ nghe.

VII— Ông Nguyễn-Phụng thuyết-trình : ông chưa có dịp định các từ-ngữ về ngành âm-nhạc một cách tổng-quát. Mỗi khi cần dịch, ông dựa theo các nguyên-tắc ghi trong cuốn danh từ khoa-học của ông Hoàng-xuân-Hãn.

MỤC THƯ TƯ VÀ THƯ NĂM

Nguyên-tắc cấu-tạo từ-ngữ

Sau phiên họp thảo luận đây thiện-chí, Hội Đồng chấp-thuận mấy nguyên-tắc chung cho cả Ban Chuyên-môn về việc đặt từ-ngữ.

A—Về từ-ngữ nói chung

1. Muốn làm việc một cách khoa-học và khách-quan, mỗi từ-ngữ đã được nhà chuyên-môn dịch khác nhau như thế nào, nên để y-nguyên như thế, chỉ thu thập lại, để đem trình trước một Đại hội-đồng. Đại Hội-đồng sẽ biểu-quyết để chọn.

2. Mỗi ý một từ-ngữ.

3. Khi dịch từ-ngữ, nên dùng chữ Nôm nếu có thể. Nếu không, thời hoặc dùng chữ Hán, hoặc phiên-âm, hoặc dịch theo cách hỗn-hợp.

4. Từ-ngữ phải gọn, tương đối đủ và sát nghĩa với gốc, dễ dễ nhớ.

5. Từ-ngữ trong các môn phải thành một toàn-thể duy-nhất và liên-lạc.

6. Từ-ngữ phải có âm-hưởng Việt-Nam và tính cách Quốc-gia, trong những trường-hợp có thể.

7. Rút ngắn từ-ngữ trong những trường hợp có thể được, hoặc là vì đã quen dùng, hoặc mới dùng nhưng đúng nghĩa, dễ nghe và không sợ trùng âm với những từ-ngữ khác.

B — Nguyên-tắc về danh-từ riêng.

1. Bỏ phương-pháp lấy tiếng Trung-hoa làm trung-gian (thí dụ Asia : A-tê-Á).

2. Để nguyên những danh-từ đã quen dùng.

3. Phiên-âm na ná tiếng Việt, bên cạnh chua thêm ngoại-ngữ gốc.

4. Đề nghị lập một Hội Địa-lý Toàn-Quốc, để định các tên riêng trong nước Việt-Nam.

MỤC THƯ SÁU

Đề-nghị của Ban chuyên môn

Mục sáu trong chương-trình : Thảo-luận đề-nghị của Ban Chuyên-môn, để trình bày hóm bẻ-mạc. Sau khi đã thảo luận một đề nghị của Ông Trương Ban nêu ra, Hội Đồng chấp thuận như sau :

1. Mở rộng phạm-vi thành-phần của Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ, bằng mời thêm : chuyên-viên các Bộ của Chánh-phủ, các nhà chuyên-môn tư-nhân có thiện-chí.

a. Nha văn-hóa đứng mời.

b. Các Vị Trưởng Ban đề-cử (sau khi đã tiếp-xúc với những vị sẵn lòng cộng-tác trong mỗi ngành của Ban).

c. Con số ; từ 150 đến 200 Vị.

2. Lập một Ủy-ban thường-trực của Hội-nghị

a. Thành-phần :

— Chủ-tịch Ủy-ban : Nha Văn-hóa.

— Nhân-viên, gồm : Các Trưởng-ban, và hai đại-diện của mỗi ngành chuyên-môn mỗi ban (nếu có) (hoặc công chức hoặc tư nhân thiện chí)

- b. Công-tác :
- Thu tập các tài-liệu của tất cả các Ban,
 - In phổ-bản và gửi cho mỗi thành phần Hội-nghị một bản (gửi dần dần càng hay).
 - Triệu-tập Đại-hội-nghị (gồm đủ các thành phần) vào mấy tuần cuối niên-học 56-57.

3. Mở khóa Hội-Nghị cuối cùng.

- a. Thành phần : Tất cả các vị đã được mời hôm 5-9 và được mời sau.
b. Công-tác :

— Phê-chuẩn (thông qua) những tài-liệu hay từ-ngữ không gặp sự phê-bình, chỉ-trích. Biều quyết (đa số tương đối) về những tài liệu hay từ-ngữ chưa được sự đồng ý của tất cả những nhà chuyên-môn.

— Chuyển tài-liệu hay từ-ngữ đã được biều-quyết lên Bộ Quốc-Gia Giáo-dục.

— Yêu cầu Bộ :

— Tuyên bố việc xử dụng tài liệu hay từ-ngữ trong các cơ-quan Chánh quyền hay Quân-sự các cấp.

— Phổ biến nơi các Học đường các Cấp (Đại, Trung, Tiểu).

— Chính thức ấn-hành một Bộ Bách-Khoa Tự Điền, căn cứ vào các tài-liệu và danh từ đã được Hội-nghị chấp thuận

— Lợi dụng đà của Hội-Nghị, tổ chức một Viện-Hàn-Lâm, để bảo tồn và nếu cần thay đổi từ-ngữ.

Phiên họp bế-mạc hồi 11 giờ 30.

Trưởng-Ban

TRẦN-VĂN HIỂN-MINH

Tin tức năm châu...

TAP-CHÍ Y-KHOA BĂNG THẾ-GIỚI-NGŨ (Espéranto)

Thế-giới-ngữ * ESPÉRANTO đã trở nên một lợi-khí thông-cảm giữa các học-giả và bác-học Nhật-Bản, với các bạn đồng-nghiệp ngoại-quốc.

Các giáo-sư Y-khoa Đại-Học-Đường tại Tiba, gần Tokio, vừa mới cho xuất-bản một tạp-chí y-khoa băng thế-giới-ngữ. Mười bảy nhà chuyên-môn đã cộng-tác với tạp-chí này, và chú trọng vào việc đăng các tin tức thuộc phạm-vi tìm tòi y-học tại Nhật-Bản.

NGHI-BA

(Rút ở tài-liệu Unesco)

DANH-SÁCH MẪU

A — TỪ-NGŨ KỸ-THUẬT

Chữ A

PHÁP	ANH	VIỆT
Acier (Mg)	Steel	Thép
Acier acide	Acid-Steel	Thép a-cit
Acier trempé à l'air	Air hardened or air-hardening steel	Thép trui gió
Acier spécial (allié ou alliage d'acier)	Alloy or special Alloy	Thép pha hay thép hỗn hợp
Acier recuit ou adouci	Annealed steel	Thép nung lại hay thép làm dẻo lại
Acier renforcé	Armored steel	Thép cứng
Acier pour automobiles ou pour la construction d'automobiles	— Automotive or automobile steel	Thép chế xe hơi
Acier pour alènes	Awl steel	Thép chế dùi (cho thợ giày)
Acier Thomas	Basic Thomas steel	Thép Tô Ma
Acier Bessemer	Bessemer steel	Thép Bê-xê-me
Acier en billettes	Billet steel	Thép thanh
Acier boursoufflé ou Acier sans soufflure	Beister steel-Cement steel Steel without blow-holes	Thép phồng Thép không phồng
Acier pour chaudière	Boiler steel	Thép làm nồi nước
Acier au carbone	Carbon steel or Carbon-tool steel	Thép có chất than (Các-bon)
Acier carburé	Carburized steel	Thép nhiều chất các-bua
Acier de cémentation	Case-hardening steel	Thép luyện da
Acier fondu	Cast Steel	Thép đồ khuôn

Chữ A (tiếp theo)

PHÁP	ANH	VIỆT
Acier cimenté, Acier durci à la surface, Acier trempé au paquet	Cement steel	Thép luyện da
Acier centrifugé	Centrifugal steel	Thép quay rây
Acier pour chaînes	Chain steel	Thép làm dây chuyền
Acier de forge	Charcoal Steel	Thép lò rèn
Acier à ciseaux	Chisel steel	Thép làm kéo
Acier chromé	Chrom steel	Thép chrô-mơ
Acier chromé au creuset	Chrome-crucible steel	Thép chrô-mơ đồ vót
Acier molybdène	Chrome-molybdenum steel	Thép Mô-li-dên
Acier nickel chrome	Chrome nickel steel	Thép kên chrô-mơ
Acier chrome-tungstène	Chromie-tungsten steel	Thép chrô-mơ Tung-Tên
Acier chrome vanadium	Chrome vanadium steel	Thép chrô-mơ Va-na-da
Acier plat pour ressort de pendules	Steel klok spring	Thép dẹp làm lò so
Acier au Cobalt	Cobalt steel	Thép Cô-ban
Acier au chrome cobalt	Cobalt chrome steel	Thép chrô-mơ cô-ban
Acier étiré à froid	Cold-drawn steel	Thép kéo nguội
Acier laminé à froid	Steel cold rolled	Thép cán nguội
Acier cupriféré	Copper steel	Thép có dốt đồng
Acier à mèche	Drill rod steel	Thép làm lưỡi khoan
Acier extra-doux	Extra soft steel	Thép thật mềm
Acier extra-fort	Extra-strong steel	Thép thật cứng
Acier forgé	Forged-steel	Thép rèn
Acier malléable	Forging steel	Thép dẻo dễ rèn
Acier de fonte	Furnace steel	Thép đúc lò

v.v...

(Nha Kỹ-thuật và Mỹ-thuật thảo-soạn và giữ bản-quyền)



B.— TỪ - NGỮ TRIẾT - HỌC

(tài-liệu của Ô. Trần-văn-Hiến-Minh,

Giáo-sư Triết-học, Saigon)

CHỮ VIẾT TẮT

abr. : *abréviation*
adj. : *adjectif*
adv. : *adverbe*
l. : *latin, latine*
loc. : *locution adverbiale*
s. : *Substantif*

spl. - : *substantif pluriel*
Xch. : *Xem chữ*
Nch. : *Như chữ*
Ntr. : *Như trên*
ph. : *Phiên âm*

A

A (affirmation) <i>abr. l.</i>	: quyết thì	Ab alio, <i>loc. l.</i>	: Tha khỏi
A contrario, <i>loc. l.</i>	: Nghịch luận	Ab extrinseco, <i>loc. l.</i>	: Ngoại khởi
A fortiori, <i>loc. l.</i>	: Hướng là	Ab intrinseco, <i>loc. l.</i>	: Nội khởi
A pari, <i>loc. l.</i>	: Đồng luận	Abaque <i>s.</i>	: Đồ tính luận
A parte ante, <i>loc. l.</i>	: Khởi tiền	Abduction <i>s.</i>	: Ngoại triển
A parte post, <i>loc. l.</i>	: Hướng hậu	Aberration <i>s.</i>	: Thác loạn
A parte rei, <i>loc. l.</i>	: Khởi vật	Abiogenèse <i>s.</i>	: Ngẫu sinh
A posteriori, <i>loc. l.</i>	: Hậu-thiên	Aboutie <i>s.</i>	: Thất chí
A priori, <i>loc. l.</i>	: Tiên-nhiên	Abreaction <i>s.</i>	: Ngự phản
A se, <i>loc. l.</i>	: Tự hữu	Absolu <i>s.</i>	: Tuyệt đối
Ab absurdo, <i>loc. l.</i>	: Phản phúc	Absoluité <i>s.</i>	: Tuyệt đối tính

Absolutisme s.	: Tuyệt đối luận	Accident physique	: Tùy thể thể lý
Absorption s.	: Hấp thụ	— prédicable	: " khả thích dụng
Abstraction s.	: Trừ tượng	— prédicamen	: " thuộc phạm trù
— sensible	: Trừ tượng cảm-giác	— relatif	: " tương đối
— perceptive	: Trừ tượng tri-giác	Accidentel adj. Xch	: Accident
— intellectuelle	: Trừ tượng tri-thức	Accommodation s.	: Thích ứng
Abstractionisme s.	: Trừ tượng thuyết	Achille	: Ác xiên luận (ph)
Abstrait s.	: Trừ tượng	Achromatopsie s.	: Sắc mạnh
Abstrus adj.	: Khó hiểu	Acmé s.	: Tối thượng điểm
Absurde adj. absurdité s.	: Vô lý	Acosmisme s.	: Phi vũ trụ thuyết
Académie s.	: Hàn lâm viện	Acosmique adj. Xch	: Acosmisme
Acatalepsie s	: Hoài nghi trạng	Acquis adj.	: Đặc thù
Accident s.	: Tùy thể	Acquis s.	: Đặc kiện
— absolu	: " tuyệt đối		: v.v...
— logique	: " lý luận		

C. — TỪ-NGỮ ĐỊA-LÝ

(Tài-liệu do Ban Từ-ngữ chuyên-môn chuyên tới)

Phần : Địa-hình (relief du sol)

Stade d'évolution	: Giai đoạn tiến hóa	Actions subaériennes	: Tác dụng của hạ tầng không khí
Relief du sol	: địa - hình, địa diện.	Cône de déjection	: Cửa tòa khâu
Plaine d'alluvions	: Đồng bằng phù sa	Glacier	: Băng hà
Plaine d'érosion	: Đồng bằng soi mòn	Moraine	: Đồi thạch
Les dislocations	: Sự đảo lộn, sự nứt nẻ	Falaise	: Bờ bề dựng đứng, bờ thẳng vách
Erosion	: Xâm thực, xoi mòn	Erection des cônes volcaniques	: Sự tạo thành những núi lửa
Agents d'érosion	: Tác nhân xâm thực	Dyke	: Trụ thạch
Travail de creusement	: Công việc đào sâu	Roches cristallines	: Tinh thể thạch
		Roches sédimentaires	: Thủy tra thạch, trầm tích thạch

1846

Roches métamorphiques	: Biến tính thạch	Marne	: Đất sét vôi
Roches éruptives	: Phún xuất thạch	Roches stratifiées	: Tầng điệp thạch
Basalte	: Huyền vũ thạch, đá badan	Etage	: Điệp tầng
Quartz	: Thạch anh	Strate	: Địa tầng
Phonolite	: Thanh chung, đá khánh	Stratification	: Tầng điệp
Pierre ponce	: Đá bọt	Micaschiste	: Mông phiến thạch
Feldspath	: Tráng thạch	Roches microlithiques	: Vi tinh thạch
Kaolin	: Bạch thổ, cao linh	Bassin d'effondrement	: Bồn sụt
Mica	: Mi ca, vân mẫu	Bassin d'alimentation	: Bồn tiếp
Amphibole	: Hàm thạch	Stralactite	: Chung nhũ thạch v.v. v...
		Stalagmite	: Duân nhũ thạch

v.v...

Cá dao mới

TA HỌC TIẾNG TA

— Xin đừng ra dạ Bắc Nam,

Đừng chê lươn ngắn mà tham chạch dài.

Xin đừng quá chuộng tiếng ngoài,

Coi thường tiếng mẹ, chê bai tháng ngày.

Vườn nhà sẵn cỏ sẵn cây,

Không vun không bón, biết ngày nào tươi ?

Của ngon vật lạ nước người,

Sao bằng hoa quả trời ban cho.

Hết ai sớm liệu chiều lo,

Tiếng ta ta học, sao cho hơn người,

Tiếng Nam còn mãi ở đời,

Nước Nam còn mãi những người đồng-thanh.

TRỌNG-ĐỨC

1847

DIỄN-VĂN

của Bà Chủ-tịch ĐOÀN-QUAN-TẤN
và kết quả của Hội-nghị

Thư ông Bộ-Trưởng,

Thư Quý Vị,

Dại-diện Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ, tôi trân-trọng cảm ơn ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã có sáng kiến thiết lập ra Hội Nghị, và chỉ dẫn cho Nha Văn-Hóa tổ chức chu đáo, để bỏ cứu ít nhiều khuyết điểm còn lại trong ngôn-ngữ, và văn-tự nước nhà.

Sau khi trao đổi ý kiến, chúng tôi nhận thấy rằng : quốc ngữ của ta đã thống nhất, nhưng sự thống nhất ấy còn mấy chỗ tiêu dị rõ ràng. Đồng bào Trung, Nam, Bắc chưa nhất trí về cách phát âm và lối chính tả của một số từ ngữ, về ý nghĩa của ít nhiều tiếng địa phương, và về các từ ngữ chuyên môn. Để điều trị ba căn bệnh kia, Hội Nghị chúng tôi đã huy động tới ba vị lương y ba y-sĩ tận tâm và lành nghề. Đó là ban nghiên cứu về phát âm và chính tả, ban nghiên cứu từ ngữ địa phương và ban nghiên cứu từ ngữ chuyên môn văn học và khoa học.

Hai ông Tổng Thư Ký và Thư-ký của Hội Nghị đã làm danh sách ghi rõ thành phần của mỗi ban, cùng biên bản trần thuật các công việc đã làm, để đệ trình lên ông Bộ-Trưởng.

Hôm nay, dù công việc bề bộn, ông Bộ-Trưởng cùng quý vị quan khách cũng cắt công tới dự lễ bế mạc, thì đủ biết các ông tha thiết đến nền văn hóa tới chừng nào, chúng tôi rất lấy làm cảm kích.

Chúng tôi đều một niềm tận tụy với quốc ngữ, và quốc văn ; nhưng chúng tôi chỉ là những cá nhân thường đứng lẻ loi, riêng biệt, không sao có đủ phương tiện để theo đuổi các nguyện vọng chung về văn hóa. Cho nên, chúng tôi trông cậy và đặt hết tin tưởng vào Chính-Phủ do Ngô Tổng Thống lãnh đạo.

1848

Riêng hôm nay, chúng tôi kính xin ông Bộ-Trưởng cho khảo sát lại các tài liệu do Hội Nghị đã trình bày, để đi tới ít nhiều kết quả cụ thể và thiết thực, hữu ích cho nền giáo dục và văn-học quốc-gia.

Đồng thời, chúng tôi ước mong quý Bộ sẽ sớm có những phòng nghiên cứu và chuyên môn văn hóa, đề xuất bản những bộ từng thư, thảo soạn văn phạm, và từ điển, cùng thiết lập một Hội Văn-Hóa Quốc-Gia, khiến các kẻ thiên chí trong nước có một trung tâm điềm để hoạt động.

Với các nguyện vọng chung ấy, tôi xin ông Bộ-Trưởng nhận ở đây, lòng kính trọng và tận tâm của chúng tôi.

Và trước khi rút lời, tôi trân trọng xin ông Bộ-Trưởng đệ lên **NGÔ TỔNG-THỐNG** bản kiến nghị sau đây, mà toàn thể Hội-Nghị chúng tôi đã thảo soạn.

o°o

KIỆN-NGHỊ

đệ trình Tổng-Thống

Chúng tôi, những học-giả, sĩ-quan, giáo-chức công và tư, chuyên-viên, nhóm tại Sài-gòn từ 5-9-1956 tới 2-10-1956, đề hợp thành Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ,

— Xét rằng công-việc văn-hóa, văn-học và văn-tự có tính cách khắt thiết và phù hợp với chương-trình cứu-quốc và kiến-quốc của Tổng-Thống,

— Xét rằng trong bản Tuyên-Cáo ngày 26-10-1955, Tổng-Thống đã nói : « Chế-độ dân-chủ đòi-hỏi mỗi người chúng ta trau-giồi trí-đức hơn bất-cứ chế-độ nào khác »,

— Xét rằng tuy công việc thống-nhất ngôn-ngữ rất khó-khăn, tế-nhi, nhưng là nhiệm-vụ chung của tất cả con dân đất-nước,

CHÚNG TÔI ĐỒNG-THANH KIỆN-NGHỊ

I.— Hoàn-toàn tin-trưởng vào sự điều-khiển sáng-suốt của Tổng-Thống và vững tâm chờ-đợi kết-quả của những nỗ-lực của cá-nhân và của Chính-quyền về phương-diện văn-học và văn-hóa.

II.— Nguyện đem hết tâm lực để phụng-sự nền văn-học và văn-hóa nước nhà.

Làm tại Sài-gòn ngày 2 tháng 10 năm 1956

Toàn-thể Hội-nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ

đã biểu-quyết.

Thay mặt Hội-nghị,

Chủ-Tịch

Bà ĐOÀN-QUAN-TẤN

1849

ĐỀ-NGHỊ

Kính gửi ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục

Chúng tôi, những học-giả, sĩ-quan, giáo-chức công và tư, và chuyên-viên, được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục triệu-tập thành Hội-nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ, sau khi đã sưu-tầm tài-liệu và nghiên-cứu, đề-nghị, sửa-soạn Đại-Hội Ngôn-Ngữ Toàn-Quốc sẽ được triệu-tập sau này, và trước khi chia tay,

— Xét thấy rằng việc nghiên-cứu ngôn-ngữ là một vấn-đề rộng rãi, và quan-trọng, đòi hỏi những cố gắng không ngừng,

— Xét thấy rằng cần phải có một viện quốc-gia riêng-biệt, để phụ-tránh công-việc lâu-dài ấy.

BÔNG-THANH ĐỀ-NGHỊ :

I. — Xin ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục kính đệ lên Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa lời thỉnh-cầu của toàn thể Hội-nghị Thống-nhất Ngôn-Ngữ thiết-lập một viện tự-trị lấy tên là « Viện Ngôn-Ngữ Quốc-Gia »

II. — Viện ấy sẽ có nhiệm-vụ khảo-cứu, thống-nhất và phát-triển ngôn-ngữ Việt-Nam.

Làm tại Saigon ngày 2 tháng 10 năm 1956

Toàn thể Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-Ngữ đã

biểu-quyết,

Thay mặt Hội-Nghị,

Chủ-Tịch,

Bà Đoàn-Quan-Tấn

o°o

DIỄN-VĂN KẾT-THÚC

Hội-nghị của ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa

Thưa Ông Bộ-Trưởng,

Thưa Quý Liệt-Vị,

Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ, sau hơn ba tuần lễ làm việc, nay bế mạc.

Nhờ lòng hăng-hái của toàn-thể hội-nghị, nhờ những nỗ-lực cá-nhân, hoàn-toàn vj-nghĩa, chúng ta hiện đã nắm trong tay những kết-quả cụ-thể đầu tiên về một vấn-đề, mà mỗi người chúng ta đã từ lâu canh cánh bên lòng.

Tất nhiên, những vj khắt-khe sẽ chưa được hải lòng lắm, vì Hội-Nghị chỉ mới làm xong cái nhiệm-vụ tương đối thu hẹp, đã được đề ra ngay

từ phiên khai-mạc, là thu-thập tài-liệu và đề-nghị nguyên-tắc, để làm căn-bản cho một Đại-Hội-Nghị Ngôn-Ngữ toàn Quốc sau này. Sự nóng lòng hoàn bị việc thống-nhất ngôn-ngữ nước nhà đã chứng tỏ lòng nhiệt-thành của các vj nói trên; nhưng, nếu người xưa không thể trong một ngày xây xong được thành La-Mã, thì chúng ta có đâu dám mong nhất đán hoàn thành ngay được việc thống nhất ngôn ngữ, nó là một sự kiến-tạo không kém phần phức-tạp và lớn-lao.

Chúng ta chỉ nên hân-hoan khi thấy trong một thời gian ngắn-ngủi mà Hội-Nghị đã xếp được, không phải chỉ một viên đá, mà nhiều tảng đá, tuy còn có phần hỗn-độn, để xây-dựng lâu-dài Thống-nhất cho Ngôn-Ngữ Việt-Nam.

Trong bước đầu, những đề-nghị của Quý Liệt-Vị sẽ không khỏi có chỗ thiếu sót, nhưng đó là công lệ, xưa nay ai là kẻ tránh nổi ?

Những tài-liệu và đề-nghị của Quý-Liệt-Vị là những tảng đá văn-hóa, mà mỗi vj, vì lo cho vận-mệnh dân-tộc, và tiền-đồ quốc-ngữ, đã âm-thầm tìm kiếm, sưu, gọt, đã bao năm, để nay có dịp đem ra dâng tặng Tổ-Quốc.

Muốn thực hiện những công trình xây-dựng đẹp-đẽ, nhíp-nhàng và cân-đối, các kiến-trúc-sư không thể tiếc các tảng đá quý, có những hình thù đẹp-đẽ, mà không đeo gọt cho chúng ăn khớp với nhau. Những công-trình khảo cứu và sáng tạo của Quý Liệt-Vị cũng vậy, nếu để đứng lẻ-lỏi, dĩ-nhiên có những vẻ đẹp riêng, có những lý-lẽ khả-thủ của nó, nhưng khi nhập làm một tất sẽ phải nhân-nhượng, sén-gọt, để cho đề-nghị được nhất-trí, các luật-lệ được duy nhất, hầu biến thành một cơ-sở vững-vàng, mở đường cho những sự tạo-tác sau này.

Theo thói thường, ai chẳng muốn giữ toàn vẹn hình dáng của sản-phẩm mình ? Các hội-nghị thường nhiều khi bế tắc hoặc kéo dài, phần lớn chỉ vì không ai chịu nghĩ đến hình-thức chung của công-việc, nên không chịu nhân-nhượng, ai cũng chỉ muốn thấy tác-phẩm của mình được nhập vào công-trình chung mà không phải sút mẻ, đừng nói chi đến biến-dạng.

Nay, trong một thời-gian ngắn-ngủi hơn hai mươi ngày, Quý Liệt-Vị đã đem lại được kết-quả cụ-thể, đủ tỏ rằng vj nào cũng chỉ một lòng hướng vào việc chung, mà không hề vướng phải những tật thông-thường trên đây vậy.

Nhờ sự cố gắng và công-tâm của Quý-Liệt-Vị, Đại-Hội Ngôn-Ngữ Toàn-Quốc rồi ta sẽ có cơ-sở thuận-tiện để làm tròn sứ-mạng của nó, đề

nước nhà có thể dễ-dàng cùng các nước anh em rong ruổi trên con đường tự-do, tiến-bộ...

Công-cuộc chúng ta theo đuổi thật là mạn-mác, khó-khăn, phức-tạp, và lại sẽ không bao giờ ngừng. Một ngày kia, khi thống nhất xong các tiếng đã có, chúng ta sẽ còn nhiệm-vụ tìm thêm những tiếng mới, làm giàu cho ngôn-ngữ nước nhà, còn phải duy-nhất-hóa những tiếng có được do sự thúc-bách của thực tế, do trào-lưu tư-tưởng, khoa-học, văn-học thế-giới, do óc sáng-tạo của cá-nhân. Như vậy, công việc của Quý-Liệt-Vị đã mở đầu cho công việc Đại-Hội Ngôn-Ngữ Toàn-Quốc, và chính Đại-Hội này cũng sẽ đặt nền móng cho một Hội Văn-Hóa Việt-Nam, nó sẽ có nhiều nhiệm vụ, trong đó kể cả nhiệm-vụ canh giữ cho kho ngôn-ngữ khỏi bị pha-trộn sai nghĩa, khỏi bị dùng câu-thả, khỏi có những vị « Sứ Quân » trong Văn-Hóa, tự ý lập ra những từ-ngữ tự-do dùng riêng trong một khu-vực địa-lý, văn-hóa hay giáo-dục, khỏi có những sự xuyên-tạc có thể làm sai lạc ý nghĩa chân chính của các từ ngữ hiện hữu. Hơn nữa, hội ấy sẽ riêng có quyền định đoạt một cách hữu lý về những tiếng mới, dùng để bồi-bổ cho ngôn-ngữ nước nhà, theo kịp đà tiến-triển của nhân-loại.

Tính cách vô cùng nặng nề và tế nhị ấy, từ trước đến nay, vẫn làm cho nhiều người nản chí và nghi-ngờ kết-quả của mọi sáng-kiến và cố gắng cá nhân cũng như tập đoàn, nhằm mục đích thực-hiện công việc trên đây.

Riêng phần chúng tôi, đứng trước tinh-thần phục-vụ, vô-tự, vị-nghĩa, nghiêm-chính và sáng-suốt mà Quý-Liệt-Vị đã chứng tỏ hùng-hồn trong công việc vừa qua, chúng tôi thấy sự e-ngại, nghi-ngờ trên kia không có lý-do tồn-tại, và chúng tôi dám hân-hoan kết-luận rằng : mục-đích chúng ta theo đuổi sẽ đạt được một ngày không xa, nhờ sự nhiệt-thành, cương-quyết và bền -bì của quý Liệt-Vị.

Trước khi ngừng lời, tôi xin thay mặt toàn ban Tờ Chúc cảm ơn thịnh-tình của Ông Bộ Trưởng, nhờ sự có mặt của Ông mà mọi người đã nhận thấy rõ rệt tính-cách quan trọng của Hội-Nghị, và xin cảm ơn Quý-liệt-Vị đã nhiệt-liệt hưởng-ứng đề cho Hội-Nghị có được kết quả ngày nay.



DIỄN-VĂN BẾ-MẠC

của Ông Bộ-Trưởng NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÓN

Thưa quý Vị,

Từ buổi khai-mạc, ngày mồng 5 tháng 9, cách đây hơn ba tuần lễ, tôi theo dõi công việc của Hội-nghị. Hôm nay lúc đến dự lễ bế-mạc, tôi vui mừng được biết Hội-nghị đã thu hoạch được nhiều kết-quả.

Đọc qua các biên-bản và xem các công việc quý Vị đã làm trong suốt mấy tuần, ai nấy đều nhận thấy rằng : các Vị đã có tinh-thần xây-dựng, và hết lòng tha-thiết với nền văn-hóa quốc-gia.

Quốc-ngữ của ta đã được dùng trên toàn cõi Việt-Nam ; song, như Bà Chủ-tịch Hội-nghị vừa nói, sự thống-nhất ấy còn có những tiêu-dị và khuyết-diểm, mà Hội-nghị đã xếp-đặt thành ba loại :

— Từ Bắc chí Nam, sách phát-âm và lỗi chính-tả của một số từ-ngữ chưa được duy-nhất.

— Ít nhiều thô-ám cần phải giải-thích.

— Các từ-ngữ chuyên-môn cần được ấn-định rõ-ràng.

Sự nhận xét và cách phân tích như vậy, vừa xác-dáng, vừa có phần thiết-thực. Các đề-nghị của ba Ban nghiên-cứu, — mà thành phần đã được ghi chép cẩn-thận trong các danh sách gửi tới Bộ, — đều là những tài-liệu quý-giá. Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ xem-xét kỹ càng, trước khi đem ra Đại Hội-nghị Ngôn-ngữ Toàn-quốc, mà sau này Bộ sẽ triệu tập. Các ý-kiến của quý Vị về việc thành-lập một Viện ngôn-ngữ Quốc-gia và việc thác-soạn từ-diễn và văn-phạm, cũng đều phù-hợp với chương-trình hoạt-dộng văn-hóa mà tôi đã nêu ra trong bài diễn-văn khai-mạc.

Vậy, tôi thành-thực cảm-ơn về sự nhiệt-thành của quý Vị, cũng như về các kết-quả cụ-thể đã thu hoạch được, nhờ sự cố-gắng của mọi người trong một thời-gian ngắn-nguội.

Thực ra, số-di Hội-ngệ đã tập trung được nhiều tài-liệu, là vì xưa nay, quý Vị vẫn hằng lưu-tâm chú-ý đến nền quốc-học; các điều thảo-luận và ghi-chép trong các ngày vừa qua, là kết-tinh của bao nhiêu kinh-nghiệm và nỗ-lực cá-nhân. Cho nên tôi mong và chắc rằng: dù Hội nghị bề mặt hôm nay, nhưng hàng ngày, quý Vị vẫn sẽ tiếp tục công việc trau giồi và canh tân ngôn-ngữ. Bộ Quốc gia Giáo dục bao giờ cũng sẵn-sàng tiếp đón các tài-liệu về Văn-hóa, Văn-học và Văn-tự, mà quý Vị vui lòng gửi tới. Tạp chí Nguyệt san, do Bộ xuất bản, là một cơ-quan chung, đề quý Vị trao đổi ý-kiến, và đề phổ-biến khắp nơi, các khảo-cứu và tinh-hóa đã chọn lọc trong kho tàng kiến-thức cổ-truyền, cũng như giữa các trào-lưu tư-tưởng từ bốn phương đira lại.

Bồi-bổ ngôn ngữ và trau-giồi văn-hóa là một công việc lâu dài của toàn thê quốc dân, và nhất là của các nhà trí-thức, không phải một lúc đã làm xong ngay được. Nhưng, nếu ai nấy đều nhiệt-thành, hăng-hái, như quý Vị đã cố gắng trong Hội-ngệ, thì lo gì quốc ngữ của ta chẳng bồi-cứu được các khuyết-diểm đã nêu ra, mà thành một dụng-cụ hoàn hảo, tinh vi, sắc bén, đề phụng-sự nền văn-hóa, và thống-nhất tinh-thần, trong việc canh-tân đất nước?

Trước khi chấm dứt, tôi cảm ơn quý Vị một lần nữa, về sự tận-tâm hoạt-dộng trong các ban Hội-ngệ vừa qua.

Tin tức năm châu...

TIẾNG HINDI, QUỐC-NGŨ ẤN-ĐỘ

Tại Ấn-Độ, « Hội dạy tiếng Hindi » hiện đang sửa-soạn lập một danh sách hai nghìn chữ căn bản đề dùng vào việc viết các sách học và sách đọc bằng tiếng Hindi, thứ tiếng chính-thức của Ấn-Độ.

Đồng-thời, Hội cũng đang chọn chừng 500 chữ tổ tiên, đề coi là danh sách tối-thiểu dùng dạy kẻ mù chữ. Ngoài ra, một cuốn văn-phạm căn-bản, những cuốn tư-diễn, và cả một tập ngôn-ngữ khoa-học cũng đang được thảo-soạn.

NGHI-BÀ

(Rút ở tài-liệu Unesco)

II — TIẾNG VANG VỀ HỘI NGHỊ

CÉRÉMONIE D'INAUGURATION DU CONGRÈS DE L'UNIFICATION
DE LA LANGUE NATIONALE

« Rien n'est plus regrettable que les enfants d'un même pays n'arrivent pas souvent à se comprendre, sous prétexte qu'ils sont natifs de régions différentes »

a déclaré le Secrétaire d'Etat à l'Education Nationale.

Saigon (V.P.), 19-6-55

Plus les inconvénients dus à la dissemblance de langage des habitants d'un pays sont nombreux, plus l'unification de la langue s'avère nécessaire et opportune.

C'est en effet, en voulant faire disparaître les petites différences de langage — cause de tant de quiproquos — qu'un congrès de l'unification de la langue vietnamienne a été convoqué à Saigon sur l'initiative du Département de l'Education Nationale.

La cérémonie d'ouverture de ce Congrès a eu lieu ce matin à 8h 30 au siège de l'Ecole Supérieure de Pédagogie, Bd. Thành Thái, sous la présidence de M. Nguyễn-Dương-Đôn, Secrétaire d'Etat à l'Education Nationale.

Dans son discours inaugural, M. Võ-văn-Lúa, Directeur du service culturel du département de l'Education Nationale, déclara en substance :

« Nous tous, nous savons parfaitement que pour pouvoir vivre digne-ment et accéder à un brillant avenir, il faut que l'unité règne dans tous les domaines : force, volonté, action, etc... »

« Or, pour y arriver, un peuple doit posséder une langue unifiée. Il en est de même pour le Vietnam ».

L'orateur rappela ensuite l'action néfaste des colonialistes qui avaient cherché, par tous les moyens, à mettre en pratique le principe favori aux impérialistes : « Diviser pour régner ».

Puis il annonça que, pour faciliter le travail du Congrès, plusieurs sous-comités seront créés pour étudier les questions suivantes : prononciation, orthographe, classification des synonymes et des homonymes, choix et vulgarisation

des termes caractéristiques de chaque région, sélection d'une terminologie pour les disciplines littéraires, scientifiques, techniques et artistiques.

M. Võ Văn Lúa termina en faisant appel à la bonne volonté des congressistes pour mener à bien la tâche qui leur a été dévolue.

M. Nguyễn-Dương-Đôn souligna, à son tour, l'opportunité de l'amélioration de la langue nationale, à l'instar de ce qui se passe au Japon où les caractères romains sont en passe de remplacer l'écriture traditionnelle en usage jusqu'à ce jour.

Et le Secrétaire d'Etat d'ajouter en substance :

« Rien n'est plus regrettable que les enfants d'un même pays n'arrivent pas souvent à se comprendre, sous prétexte qu'ils sont natifs de régions différentes. En réalité, cette dissemblance linguistique au Vietnam s'avère moins marquante que dans certains autres pays, où les habitants, faute de posséder le même langage parlé, doivent recourir au langage écrit dans leurs conversations courantes ».

« En unifiant la langue et réalisant l'union des esprits et des cœurs, on ne peut que favoriser le rapprochement des enfants du même pays ».

« Cette mesure est d'autant plus opportune qu'à la suite de l'exode des réfugiés du Nord de l'année dernière, nos compatriotes du Nord et du Sud ont maintes occasions de se rencontrer tous les jours ».

Selon l'orateur, cette œuvre d'unification de la langue rentre dans le cadre d'un programme d'activités culturelles de grande envergure préconisé par le Département de l'Education Nationale.

Voici les trois principaux objectifs que vise ce programme :

- sauvegarde de notre culture traditionnelle,
- documentation sur la culture des autres pays,
- développement de la culture nationale.

Après avoir souhaité une bonne réussite aux congressistes, le Secrétaire d'Etat se retira à 9h30, tandis que les débats commençaient.

— *Việt-Nam Presse*, ngày 5-9-1956.



THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ, KHỞI THẢO BỘ TỪ-ĐIỀN BÁCH KHOA V.N.

HỘI-NHỊ thống-nhất ngôn-ngữ vừa khai-mạc tại trường Cao-đẳng Sư-phạm. Một số các vị hữu danh trong các ngành văn-học, khoa-học, luật-học, binh-bị đã hội-hợp ở nơi đây do sự triệu tập của bộ Q.G.C.D. đề thảo luận nguyên-tắc, phân công hoạt-động ngõ hầu trong một thời gian gần đây, dựng nên cái sườn đầu tiên của bộ từ-điền bách-khoa Việt-Nam. Đó là một công việc rất thích thời, đánh dấu một bước tiến khả quan của nền quốc-học.

Từ đầu thế-kỷ này, theo với cái đà tiến triển của chữ quốc-ngữ, đã có một số từ-điền được soạn thảo ra nhằm mục-đích quy-định cách nói và viết tiếng Việt. Các cuốn ấy hoặc là từ-điền gồm đủ các ngành, hoặc là từ-điền về riêng một ngành, hầu hết đều là công-trình của một cá-nhân hay một nhóm người ít ỏi, trừ cuốn Việt-Nam từ-điền do hội Khai trí tiến-đức biên-soạn ; cuốn này hoàn-thành nhờ công-lao của một số người tương-đối đông hơn, nhưng vẫn chỉ là công-trình của một số tư nhân nhiều thiện chí, chứ không phải là ở chính phủ đề-xướng ra. Do đó chúng ta thấy rằng các cuốn từ-điền này biên soạn đã công phu nhưng chưa cuốn nào có thể gọi là đại-toàn. Cũng vì thế, từ trước đến nay, người theo cuốn này, kẻ theo cuốn khác, người ta nói và viết theo tập quán riêng, chứ không căn cứ vào một quy-định thống nhất nào cả. Đây là lần đầu tiên một hội-nghị thống-nhất ngôn-ngữ được chính-phủ triệu-tập với mục-đích chấm dứt tình trạng bừa-bãi nói trên.

Trong tuần lễ vừa qua sau những buổi thảo-luận sôi nôi, hội-nghị đã đi tới chỗ thành lập 3 tiểu ban :

- a) Tiểu ban quy-định cách phát âm và chính tả.
- b) Tiểu ban sưu-tầm và nghiên-cứu các thổ ngữ.
- c) Tiểu-ban thống-nhất các tiếng chuyên môn.

Ba ban này bắt tay vào việc ngay sau khi hội-nghị bế mạc.

Công việc thống-nhất ngôn-ngữ, biên soạn bộ Bách-khoa từ-điền là một việc

hết sức nặng nề và có tính cách trường kỳ. Ở Ý, bộ B.K.T.Đ của TRECCANI bắt đầu từ 1929 đến 1939 mới xong; bộ B.K.T.Đ của Nga gồm 42 tập (1890-1907); bộ B.K. Đại T.Đ của Pháp (1885-1902); bộ B.K.T.Đ của ESPAST CALPE ở Tây ban Nha gồm 71 tập (1905-1932), bộ B.K.T.Đ của ERCH và GRUBERT ở Đức bắt đầu năm 1813 và ngừng năm 1880 sau tập thứ 167 mới chỉ đến đầu chữ P... Ở các nước mà nền quốc-học đã vững vàng, việc biên soạn bộ B.K.T.Đ còn đòi hỏi nhiều công lao và nhiều thời-gian như thế, huống chi ở nước ta trong lúc này, là lúc quốc-học còn dang dở trong thời kỳ phôi thai. Tuy nhiên « vạn sự khởi đầu nan », chúng tôi tin tưởng rằng hội-nghị T.N.N.N. đã vượt được cái bước đầu khó khăn, sẽ tiến xa dễ dàng hơn trong các bước sau này. Tiền đồ quốc-học V.N trông đợi kết-quả của hội-nghị này lắm lắm!

Trần-trọng-San

Tạp-chí Văn-ngệ Tiền-Phong số 15

o°o

THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

MỘT Hội-Nghị vừa nhóm họp với trách nhiệm Thống-Nhất ngôn-ngữ Việt-Nam. Thật là một việc làm rất hữu ích cho nền văn hóa nước nhà.

Tuy nhiên, lúc này hãy còn hơi sớm để chúng ta có thể nhận-dịnh về giá trị của những thành tích mà hội-nghị đạt tới. Chúng ta cũng nên kiên tâm chờ đợi. Điều chúng ta có thể làm ngay tức thì là việc lưu ý Hội-Nghị Thống-Nhất Ngôn-ngữ về mấy điểm:

Trước hết, việc diên-chế Việt-ngữ mà Hội-nghị đang làm là một việc trọng đại vì nó thiết lập một kỷ luật chặt chẽ cho một tiếng nói phong phú và phức tạp như tiếng Việt. Nó đòi hỏi những công trình nghiên cứu rất sâu sắc liên-hệ đến nhiều địa-hạt như xã-hội-học, sử-học, văn-học, ngôn-ngữ-học. Thiếu những nền tảng này chắc chắn kết quả sẽ không thể mỹ mãn. Sau nữa, Hội-Nghị cần phải được thẩm nhuần bởi một tinh thần cách-mạng táo-bạo, thuận tiện cho việc thấu nhận những phát minh mới và hủy bỏ những khuôn sáo cũ, xây dựng bằng những quan-niệm vọng ngoại lệch lạc.

Một tiếng Việt mới với những khả năng mới với một sứ mệnh mới của một dân-tộc độc lập và trưởng thành không thể diên-chế bằng những điều kiện nào khác được.

DÂN-CHỦ

số 729 ngày 13-9-1956

Toute la presse...

POUR L'UNIFICATION DE LA LANGUE

« DUONG-SONG »

POUR obtenir des résultats positifs, il faudra poursuivre les travaux amorcés par le Congrès. Le Département de l'Education Nationale s'est intéressé aux propositions faites par le Congrès, notamment, en ce qui concerne la création d'un institut autonome qui prendrait le nom de « Institut linguistique national » et qui s'ajouterait aux instituts existants, tels que l'Université, l'Institut Pasteur, l'Institut National d'Administration, etc... L'œuvre de réunification de la langue ne pourra être menée à bonne fin que grâce à la création d'un tel organisme. Nous pensons que le Président de la République et le Département de l'Education Nationale ne refuseraient pas de prendre en considération une proposition de caractère constructif de ce genre.

La Gazette de Saigon, số 788 ngày 9-10-56.

o°o

LỄ BẾ-MẠC HỘI-NHỊ THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

SAIGON (VTX) 2-10-56

SAU một cuộc hội họp lâu ba tuần lễ, Hội nghị Thống nhất Ngôn ngữ mà cũng là cuộc hội họp sơ bộ đề tiến tới Hội nghị Văn hóa Quốc gia sắp tới, đã bế mạc sáng nay tại trường Cao Đẳng Sư phạm sau một buổi lễ do ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, chủ-tọa.

Đến dự buổi lễ này, có đông đủ các nhân viên thuộc các tiểu ban của Hội nghị phụ trách những vấn đề sau đây: phát âm, chính tả, xếp hạng những danh từ đồng nghĩa và đồng âm, chọn lựa và phổ biến những danh từ riêng của từng vùng, chọn lọc mọi danh từ chuyên môn về văn-học, khoa-học, kỹ-thuật và nghệ-thuật.

Chung quanh ông Nguyễn-dương-Đôn, người ta nhận thấy bà Đoàn-quan-Tấn, Chủ-tịch Hội-nghị; các ông Huỳnh-Hòa, Đông-lý Văn-phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục; Nguyễn-dăng-Thục, Phó Chủ-tịch Hội-nghị; Nguyễn-thế-Tương nhân viên; Võ-văn-Lúa, Giám-đốc Nha Văn-hóa; Phạm-xuân-Độ, phụ-tá; Trần-văn-Bạch, Giám-đốc Nha Kỹ-thuật và Mỹ-thuật; Nguyễn-văn-Kính, Hiệu-trưởng trường Trung-học Pétrus-Ký; Nguyễn-Phụng, Giám-đốc trường Âm-nhạc Quốc-gia.

Sau phần nghi lễ và cuộc giới thiệu các Ủy-ban, bà Đoàn-quan-Tấn đọc diễn từ đại ý nói rằng mặc dầu ngôn-ngữ nước ta đã thống nhất, song le vẫn còn những sự khác biệt nhỏ. Chính tả cũng như sự phát âm của một số từ-ngữ từ vùng này, sang vùng khác, đó là những điều đáng tiếc mà ta cần phải hủy bỏ đi. Do đó, mới có sự triệu tập hội nghị này và việc thành lập các Ủy-ban.

Đoạn, bà Chủ tịch kêu gọi Chính phủ thực hiện công cuộc trường kỳ này và kết luận, bà ngỏ ý hy vọng rằng Bộ Quốc gia Giáo-dục, trong một ngày rất gần đây, sẽ có thể lưu tâm xuất bản những sách giáo khoa, tự vị, văn phạm để giúp cho sự phát triển văn hóa đất nước.

Và ông Nguyễn-Dương-Đôn tiếp :

« Tôi mong và chắc chắn rằng : dù Hội nghị bế mạc hôm nay, nhưng hằng ngày, quý vị vẫn sẽ tiếp tục công việc trau dồi và canh tân ngôn ngữ. Bộ Quốc-gia Giáo-dục bao giờ cũng sẵn sàng tiếp đón các tài liệu về văn hóa, văn học và văn tự mà quý Vị vui lòng gửi tới. »

Và ông kết luận :

« Bởi lẽ ngôn ngữ và trau dồi văn hóa là một công việc lâu-dài của toàn thể quốc dân, và nhất là của các nhà trí thức, không phải một lúc đã làm xong ngay được. Nhưng, nếu ai nấy đều nhiệt thành, hăng hái, như quý vị đã cố gắng trong Hội nghị, thì lo gì quốc ngữ của ta chẳng bõ cứu được các khuyết điểm đã nêu ra, sẽ thành một dụng-cụ hoàn hảo, tinh vi, sắc bén, để phụng sự nền văn hóa, và thống nhất tinh thần, trong việc canh tân Đất Nước ».

Buổi lễ bế mạc vào hồi 12 giờ trưa.

Việt-Nam Thông-Tấn Xá, ngày 2-10-56

LỜI TÒA SOẠN

Vì đực-san này đã có nhiều bài ngôn-ngữ, và một số tài-liệu lại gửi đến trong khi báo đã lên khuôn, nên không thể đăng ngay các trang luận-thuyết hay khảo-cứu về từ-ngữ, mà nhiều bạn có lòng yêu gửi tới.



IV- KHẢO-CỨU VỀ NGÔN-NGỮ

Đề rộng đường dư-luận, Bản-báo đăng, trong mục này, vài bài về ngôn-ngữ, mà tác-giả thảo-soạn với những cảm-trưởng hay quan-niệm riêng.

L. T. S.

NHỮNG GIẢ-THUYẾT VỀ TIẾNG VIỆT CỔ-HỮU

NGUYỄN-KHẮC-KHAM

TIẾNG Việt ở thời kỳ chưa tiếp xúc với nền văn-hóa Trung-Quốc, bản tướng nó ra sao, và gồm có những đặc điểm gì ?

Vấn đề này thật khó giải quyết được, vì ngày nay chúng ta không có một tài-liệu nào về thời kỳ đó cả, vậy chỉ có thể phỏng đoán đại khái mà thôi. Duy có một điều khá chắc chắn là tiếng Việt ở thời kỳ này, gồm có những tiếng ngoài những tiếng sau này sẽ mượn ở tiếng Tàu và Hán-tự. Một chứng cứ là ở thời kỳ đến sau, Sĩ Nhiếp đã cho phiên dịch và chú giải kinh sách, do đó tất nhiên trước thời này dân Việt đã có một thứ ngôn ngữ khác với tiếng Tàu.

Về đặc điểm của thứ ngôn ngữ đó có hai loại giả thuyết :

Một loại giả thuyết chủ trương thời đó không có văn liệu và theo phép diễn dịch mà suy ra rằng tiếng Việt là một thứ tiếng liên vận. Đó, là giả-thuyết của ông Bùi-đức-Tĩnh.

Một loại giả-thuyết chủ trương thời đó đã có văn liệu dưới hình thức ca-dao và gián tiếp thừa nhận cho tiếng Việt ở thời kỳ này một tính cách đơn vận. Đó là chủ trương của Ô. Nguyễn-Đông-Chi và Trương-Từ.

I. - GIẢ-THUYẾT CỦA ÔNG BUI-ĐỨC-TÌNH

Ông Bùi-đức-Tĩnh căn cứ vào câu trong Tư trị thông giám, do ông Hoàng-xuân-Hân dịch ra tiếng Việt trong bài tựa cuốn Đại-nam quốc sử diễn ca, và một câu của ông Đào-duy-Anh bản về ngôn ngữ của Việt-tộc. Câu đó như sau :

« Việt thường dĩ tam tượng trùng dịch nhi hiển bạch trí ». Theo ông Hán nghĩa là : « Xứ Việt Thường nhờ ba giống Man miền Nam dịch chuyển tiếng đề hiển chim trí trắng ». Câu của ông Đào-Duy-Anh dịch như sau : « Hồi thời nước Việt (Cầu Tiên), ngôn ngữ nước Việt khác nhiều với ngôn ngữ của Hán tộc mà thường một tiếng của người Việt, người Hán phải dùng đến hai ba âm mà phiên ra ».

Ông Bùi-đức-Tĩnh do câu đó suy luận ra rằng những rợ miền Nam Trung-hoa, trong số đó có giống Việt-Thường tức là giống Việt-Nam là những rợ thuộc chủng tộc Anh-đô-nê, có ngôn ngữ liên vận, khác với ngôn ngữ Hán tộc là đơn vận.

Vấn theo ông, những rợ đó có ngôn ngữ gần tương tự nhau, rợ ở gần Hán tộc nhất thì có thể nói cho người Trung-Hoa hiểu được vì đã chịu ảnh hưởng Hoa ngữ nhiều.

Càng đi về phương nam, tiếng nói càng khác tiếng Trung-Hoa, nhưng các thị tộc có tiếp xúc với nhau thì có thể hiểu nhau được.

Người Lạc-Việt khi họ đến, có lẽ cũng còn nhiều tiếng Anh-đô-nê nghĩa là có những ngữ tố đa vận, nhưng họ đã có những thanh bằng thanh trầm du nhập từ các thị tộc có tiếp xúc với người Trung-hoa.

Về phương-diện ngữ pháp, thì người Lạc-Việt cũng như người Anh-đô-nê đều dùng ngữ pháp đặt xuôi chung cho các loại tiếng Ấn-độ Mã-lai và dần dần lối phát âm có thanh bằng thanh trầm giúp vào sự thức vận có lẽ đã làm cho những ngữ tố đã biến thành độc vận.

Đến đây, tác giả kết luận như sau : « Khi bắt đầu tiếp xúc với văn-hóa Trung-Hoa, tổ tiên ta đã có một ngôn ngữ đặt xuôi, và gồm những ngữ tố đơn vận có ít nhiều các thanh trầm bằng. Vào thời cổ lỗ ấy, có lẽ mỗi ngữ tố đơn vận đều có thể có giá trị như một tự ngữ. Hồi ấy, Việt ngữ đúng là một thứ tiếng đơn vận vậy. »

Nói tóm lại, theo tác giả, tiếng Việt là do một tiếng có ngữ tố đa vận, vì chịu ảnh hưởng tiếng Tàu đã biến thành một thứ tiếng có ngữ tố đơn vận.

Theo thiên ý của chúng tôi, ngay tự lúc đầu, tiếng Việt đã là tiếng đơn vận có âm thanh cao thấp vì những lý do sau đây :

1.) Phạm một thứ tiếng nào thoát hóa ở một thứ tiếng khác ra mượn những chữ của tiếng ấy, bao giờ cũng biến hóa những chữ mượn theo định

luật cơ bản của mình. Ti dụ mắt (Mã Lai), mò, lưng, bụng, cầm, cò, (thái), xem đó thời những tiếng mượn của Mã-lai hay Thái đều trị theo âm vận và cung bậc của tiếng Việt.

2.) Trong nguyên văn câu trích ở Tư Trị thông giám, không có chữ gì nói về ba giống man miền nam Trung-Hoa cả. Tam tượng chỉ có nghĩa là ba người thông ngôn, ba người thông ngôn đó có thể cùng là người Hán-tộc. Còn câu của ô. Đào-duy-Anh chứng tỏ rằng ông Đào đã hiểu chữ tượng là hình tượng, là âm thanh, và lại ông nói về người Việt đây là nói về người Bách Việt chứ không phải là người Việt tổ tiên dân Việt ngày nay.

3.) Tên Việt Thường trong Tư Trị thông giám cũng là một điều nghi vấn. Phải chăng là một trong những thị tộc Bách-Việt hay là giống người chiếm cứ địa bàn của giống Chiêm Thành.— Ở hai trường hợp, giả thuyết của ông Bùi-đức-Tĩnh đều không được thỏa đáng cho lắm vì Việt Thường theo nghĩa trên hay nghĩa dưới đều không phải là giống Lạc-Việt mà địa bàn lần lượt là Tượng-quận và Giao-chi.

II. — GIẢ-THUYẾT CỦA ÔNG NGUYỄN-ĐỒNG-CHI

Theo ông Nguyễn-dồng Chi, thời « từ thừa khai quốc đến lúc nội thuộc Tàu, xã hội Việt-Nam còn ở một trạng thái man dã. Cũng như các dân tộc chưa khai hóa khác, sức suy lý đều kém mà sức tưởng tượng đã mạnh nhiều. Nhận đó, lối văn vần theo tính tình dân tộc phát lộ ra sớm hơn cả.

Các câu ca dao, ngôn ngữ do những lúc vui buồn mừng giận tự nhiên bày ra đề tả các cảm tình, những cảm tình đó cùng những điều tưởng tượng ra hoặc kinh nghiệm, rồi mỗi nơi mỗi có, mỗi đời mỗi thêm nhiều, truyền miệng mà lan rộng ra.

Lại nữa, có lối hát, lối đáp về ái tình vào những ngày hội hoặc ngày tế thần thường thường là mùa xuân, trai gái các bộ lạc thôn ấp tụ tập lại một nơi, đặt ra lời ví hát, trêu ghẹo nhau trong khi gầy đờn thổi sáo đánh trống, múa nhảy hay là bày ra các trò vui của thời đại ấy. »

PHÊ BÌNH.— Giả thuyết của ông Nguyễn-dồng-Chi tỏ ra ông có rất nhiều tưởng tượng, nhưng tiếc rằng ông đã không dẫn chứng những điều ông xác nhận. Căn cứ vào những tài-liệu gì mà cả quyết rằng vào thời ấy trí tưởng tượng mạnh mẽ hơn sức suy lý, và thời ấy có những phong tục hội hè như đã dẫn ra. Sau hết căn cứ vào đâu mà chủ trương rằng lối hát dặm Nghệ-Tĩnh là vết tích của thời ấy.

III.— THUYẾT CỦA ÔNG TRƯƠNG-TỬU

Ông Trương-Tửu áp-dụng phương-pháp duy vật biện chứng pháp để chứng minh thuyết của ông chủ trương rằng về giai đoạn tối cổ này đã có ca dao, và thi phẩm Lạc Việt. Thuyết của ông thoạt tiên có vẻ rất khoa học, ông căn cứ vào ba điểm : ngôn ngữ, xu hướng tâm lý và sự chuyển biến về văn diệu các câu ca dao. Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày luận chứng của ông về ba điểm đó.

A.— CHỨNG CỐ TÂM LÝ VÀ NGÔN NGỮ.

Theo ông Trương-Tửu tự đời Hồng Bàng dân Việt đã có tiếng nói, đã có tổ chức chính-trị, đã có kỹ-thuật canh nông. Cuộc đời Xã-hội ở một dân nông nghiệp theo sự xét nghiệm của các nhà xã-hội học, bao giờ cũng có hội-hề vừa có tính cách tôn giáo vừa có tính cách kinh tế.

Trong các buổi hội-hợp đó thường thường dân chúng ca hát, nhảy múa, đàn địch. Bất kỳ ở dân tộc nào, ba phát hiện nghệ-thuật đầu tiên cũng là thi ca, âm nhạc và khiêu vũ.

Ông chủ trương tin rằng dân tộc Lạc Việt cũng đã có những thơ tôn giáo, những bài ca cầu nguyện, những anh hùng ca mà hiện giờ không còn di tích gì nữa.

Sau những cái văn chương tối cổ đó là những câu tục ngữ phong dao, những câu này đầu tiên chỉ là những kinh nghiệm về nông nghiệp hoặc những câu tả cảnh sinh hoạt giản dị của dân gian.

Ông kể ra vài tí dụ.

(« Kinh thi Việt-Nam » trang 199 — 200 — 201)

Kể đến, ông kết luận về thời kỳ này như sau :

« Đọc qua mấy lời đồng dao (danh từ của tác giả I), ta nhận ngay thấy cái ngữ thơ của dân gian. Tình cảm của họ mới phối thai. Trí tuệ mới khai phát trong phạm vi kinh nghiệm chưa biết đến những phép lý luận phức tạp. Đời sống cũng còn giản dị lắm. Có lẽ đó là loại ca-dao xưa nhất của nước ta, xưa nhất do các lẽ tâm lý lại do lẽ ngôn ngữ nữa, » vì theo ông « phần nhiều các bài ca ấy đều không có những danh từ Hán Việt xen vào, mà theo sự chép thì tới đời nhà Triệu về sau nhất là bắt đầu từ thế kỷ II dân ta mới học chữ Hán, mới biết dùng danh từ Hán Việt.

B.— CHỨNG CỐ LẤY Ở VĂN-ĐIỆU CỦA CA-ĐAO.

Theo ông, thơ lục bát là thể thơ đặc biệt cho dân Việt. Những lối thơ đó không phải tự nhiên mà dân tộc ta có được, hay một sớm một chiều mà nó thành hình như bây giờ. Tò tiền chúng ta đã phải thí nghiệm hoài hoài rồi mới lần mò đến được thể thơ lục bát.

Kể đến, ông dẫn chứng như sau : Thời kỳ phối thai của thi ca Việt-Nam có rất nhiều bài phong dao, văn diệu cực kỳ buồn lòng, không theo kỹ luật lục bát. Tuy vậy, trong cái buồn lòng ấy đã tiềm tàng một xu-hướng tiến đến trật tự lục bát rồi (« Kinh thi Việt-Nam » trang 214,215,226).

PHÊ BÌNH.

1.) Trước hết ta nhận thấy một mâu thuẫn trong lý luận của ông :

Ông chủ trương về thời Hồng-Bàng đã có kỹ thuật canh nông, và do đó nông nghiệp phát triển rất thuận tiện cho ba nghệ-thuật thi ca, âm nhạc và khiêu vũ. Ông lại cũng nhận xét rằng, về đời Triệu Đà trở đi, do sự nhập-cương sấm ở Trung-hoa vào xứ ta, nông nghiệp lại càng phát đạt thêm nữa.

Nếu vậy tất nhiên những bài thơ tôn giáo, kinh cầu nguyện và những câu ca-dao về thời-kỳ thứ nhất của lịch trình tiến hóa tiếng Việt tất nhiên phải được truyền lại tới ngày nay, sao lại bảo không còn di tích gì nữa.

2.) Trong tí dụ dẫn ra vẫn có những tiếng Hán Việt và có những ý niệm chưa có thể có được về thời đó, tí dụ Hàng Phố, ông Tiên, ông tơ bà nguyệt v.v... (Kinh thi Việt-nam, trang 199-200).

3^o) Thể ca dao buồn lòng có thể là biến thức của các loại thơ song thất hay lục bát. (Nguyễn-khắc-Hiếu trong An-Nam tạp-chí lại cho là lục bát song thất phỏng theo điệu vãn vãn của Tàu.)

4^o) Ông muốn chứng minh rằng ca-dao Việt-Nam cũng như những câu trong Kinh Thi của Tàu. Nhưng Kinh Thi Tàu vốn là những bài ca ở thôn quê và nhạc chương ở nơi triều miếu bên Tàu về thời Thượng cổ. Trái lại ca-dao của ta thời nào cũng có, lại thiết tới rất nhiều thời đại, chứ không phải chỉ phản chiếu thực tế xã hội của thời thượng cổ như Kinh Thi Tàu.

Đề kết luận, căn cứ vào những điều khả thủ ở những giả thuyết bên trên, ta có thể nghĩ rằng tiếng Việt về thời kỳ phối thai đã là một thứ tiếng độc vận, ngữ pháp đặt xuôi, nhưng về sau mượn rất nhiều tự ngữ của các tiếng khác như Tàu, Thái, Mã-lai, Môn-mên v.v..., những tiếng mượn đó đều được trệ theo âm vận và cú pháp của tiếng Việt.

(Tài-liệu rút ở cuốn « Lịch-trình tiến-hóa của tiếng Việt » sẽ xuất-bản).

KẾ THỪ CHÍNH CỦA TRẦN-HƯNG-ĐẠO

(tiếp theo V.H.N.S. số 15)

của CHÀNG HAI

TỜ CHỨC CHIẾN TRANH

a) Sửa soạn chiến tranh

« **C**Ó sẵn thế thắng rồi mới cầu chiến. Không được sự tiện lợi, không nên dụng binh ».

(Tôn Tử binh pháp — thiên thứ IV)

Tchinguiz Khan cũng vậy, không bao giờ chịu lao mình vào chiến tranh mà không nắm chắc ưu thế trong tay. Muốn được thế, Tchinguiz Khan rất chịu mất thời giờ, sửa soạn kỹ lưỡng, ngay từ thời bình.

Trước hết, Tchinguiz Khan tụ tập chư tướng, nghị chiến hay hòa. Sự quyết định thường thường rất sát thực tế, vì trước đó hàng bao năm trời, Tchinguiz Khan đã tung sẵn gián điệp vào trong hàng ngũ địch. Những gián điệp này thường đội lối khách thương, thâm nhập cả vào quân đội địch để gây mối bất hòa, và thu thập tài liệu, tin tức. Họ ghi chép tất cả về địa thế, quân lực, dân tình, những đồng cỏ, những đầm nước v.v... Đồng thời, họ tuyên truyền cho quan lại, quân sĩ, dân chúng, hoặc có thêm thiện cảm, hoặc thêm sợ hãi quân đội Mông-Cò. Với trí nhớ rất dai, họ đưa tất cả những tin tức đã thu lượm được về cho một ban chỉ huy gián điệp, tên gọi là « Iourt Dji », xét và sắp lại cho có hệ-thống. Nhờ sự tổ chức chu đáo ấy, Tchinguiz Khan trước khi cất binh đã biết rõ địa thế và tình hình địch, như xem gan bàn tay. Vậy ta cũng chẳng nên lấy làm lạ khi họ xâm nhập nước Kim, đã đánh phá đúng chỗ xung yếu nhất của Vạn-Lý-Trường-Thành, và hồi đánh Hwarizm, toán quân không là 200.000 người và hơn 1 triệu ngựa đã vượt trên 2.000 cây số đường đất khó khăn, từng nổi tiếng là « Cánh đồng đói khát » (steppe de la faim)!

Đạo quân gián điệp lại tận khai thác những mâu thuẫn về quyền lợi, chính trị, tôn giáo, kinh tế, chủng tộc, v.v... để chia rẽ hàng ngũ địch,

và lập sẵn cả một đạo quân nội ứng nữa, chẳng khác « Đạo quân thứ năm » ngày nay chút nào. Họ dùng đủ mọi thủ đoạn : hoặc tung tiền của ra mua chuộc, hoặc dùng võ lực khủng bố..!

Nhiệm vụ của ban quân lương cũng nặng nề. Trong khi hành quân thường có cả một số gia đình và mục súc mang theo. Họ phải làm sao lo liệu cho các đồng cỏ được nguyên vẹn trên đường tiến quân, để đủ cho ngựa ăn. Khi làm trận, Tchinguiz Khan bỏ hẳn lối vận lương nặng nhọc kèn cang mà người đồng thời vẫn dùng, nên ban quân lương thường phải tổ chức những cuộc săn bắn rộng lớn để kiếm lương thực tại chỗ. Nhiều khi có những bộ lạc bị họ đè bẹp chẳng qua chỉ cốt lấy mục súc cung cấp cho quân đội mà thôi.

Ngoài ban quân lương, một ban liên lạc cũng được tổ chức. Họ dùng cả đường thủy lẫn đường bộ, và làm nổi công việc cực khó là giữ vững liên lạc giữa các cánh quân thường xa nhau tới 4,5 ngàn cây số, qua những núi non, sa mạc, đồng lầy, hiểm trở.

Nhờ có hai ban quân lương và liên-lạc làm việc rất chu đáo, nên đường xa không còn là một trở ngại đối với quân Mông-Cò. Trái lại, một tướng tài như Napoléon đã thất trận trên đất Nga, một phần vì thiếu lương thực và đứt dây liên lạc !

Tchinguiz Khan không quên lợi-dụng cả tôn-giáo nữa : Trong cuộc chinh phạt Hwarizm, Tchinguiz Khan đem theo tới 10.000 quân Hồi Giáo để tiện bề dụ người Hồi Giáo xứ Hwarizm theo mình. Tới khi Jébé tiến đánh Kuclug, thấy Kuclug hành hạ người theo đạo Hồi Hồi, liền ban bố tự-do tín ngưỡng, và biến cuộc chinh phạt thành một cuộc chiến, tranh tôn-giáo !..

Đối nội, Tchinguiz Khan lại khéo dựa vào thần-quyền và dân-tộc tính. Tchinguiz Khan đề ra khẩu hiệu « Tập hợp tất cả mọi người Mông-Cò » và lần đầu tiên tinh-thần dân-tộc được nêu cao khi Tchinguiz Khan kéo quân hồi tội nhà Kim đã phá hoại cuộc thống nhất xưa kia của Mông-Cò, và rửa thù về việc quân Kim đã bắt những vị Hán đầu tiên của Mông-Cò, đóng cọc xuốt từ bên dưới lên tới ruột, và cắm trên những con lừa bằng gỗ để bêu ! Trước khi lên đường đánh Kim, Tchinguiz Khan đã tụ họp chư tướng, quân lính, tuyên-bố : « Trời xanh (Tangri) sẽ giúp ta rửa nhục cho ông cha », và sau đó, ở lại một mình trong trường để cầu-nguyện Thượng-đế. Quân lính vây đóng đặc xung quanh và

hò reo âm ỹ: Tangri! Tangri! để cùng cầu nguyện. Bốn ngày sau, Tchinguiz Khan ra, tuyên bố là Thượng đế quyết sẽ phù hộ cho thành-công.

b) Chiến-lược, chiến thuật:

Tchinguiz Khan đã thực-hiện được chính sách « Tổng động-viên » như thời nay. Nước chia ra thành từng khu-vực quân-sự, do các tướng cai-quản và huấn luyện. Khi có lệnh động binh, các tướng phải đích thân kiểm-soát số quân nhập ngũ, và xét xem họ có mang đủ đồ quân-trang đã ấn-dịnh không, khi kéo quân đi họ chỉ người ở lại cai-trị thay mình. Lối tổ chức này thực là mới mẻ, khác hẳn với hầu hết các nước cùng thời, chỉ biết dùng lính mộ để ra trận, và chính những lính mộ này thường cũng lại không đủ số, để đỡ chi phí cho công quỹ.

Lúc tiến, quân Mông-Cò thường đi gấp để vượt khỏi những vùng nghèo đói khô khan, và thường ngừng bước khi qua những khu-vực giàu lương-thực để người vật nghỉ ngơi, tắm-bồ. Các chương ngại vật đối với họ không còn ý nghĩa nữa; vì đạo sĩ Kicou Tch'ang Tch'ouen khi sang tìm Tchinguiz Khan tại Tổng Hành Doanh đặt ở trung bộ châu Á, hồi 1221, đã theo con đường do quân của Cagatai thiết lập, không hề núi non hiểm trở, nguyên kẻ cầu đã có tới 48 chiếc, phần lớn là cầu nổi làm bằng bè lau hoặc những bì da bơm hơi kết lại!

Ưu thế của quân Mông-Cò là chuyển vận nhanh và có thể đi cực xa, nên họ sợ trường về vận động chiến. Khi gặp địch quân quá mạnh, họ liền rút lui ngay, để tìm cách đánh phá chứ không hề chịu án binh cố thủ. Chiến thuật của họ rất cơ dãn, không có một luật lệ nhất định nào, biến chuyển không chừng, chẳng khác một người chơi cờ, không có lối đánh nhất định, chỉ tùy nước đi của địch thủ mà nghĩ nước phá thôi.

Thần tốc, đó là bí quyết của mọi thắng lợi Mông-Cò. Sau này Napoléon, và quân đội cơ giới của Đức Quốc Xã cũng dùng chiến thuật này. Năm 1241 Subotai từng kéo đại quân vượt tới 455 cây số trong ba ngày, trên đất Hung Gia-Lợi, và lúc tróc nã vua Muhammed, quân của Jébé và Subotai đã đi hơn 10 ngày liên tiếp, mỗi ngày không dưới 130 cây số.

Vì họ có đủ khả năng tận dụng yếu-tố « bất ngờ », nên ba trận-pháp sở trường nhất của họ là: « Dương đông kích tây », như khi cho Jébé tiến quân vào Hwarizm tại phương đông, để đại quân đột nhập bằng phương bắc, — hoặc « Công kỳ vô bị », như khi Tchinguiz Khan cùng ba quân trốn tránh và xóa hết dấu vết để tránh đại quân của On

Khan, rồi thừa khi quân địch tưởng mình đi xa, đồ ra đánh úp; hoặc « Phục binh », như trận đánh Boukkhara, quân Tchinguiz Khan mai phục, đồ ra đánh giết kỳ hết những quân sĩ trong thành lên bờ thành để rút lui

Địch quân không sao biết trước được ý định của quân Mông-Cò mà phòng bị, vì các tướng chỉ nhận được lệnh một cách khái quát, còn thời tùy nghi hành động, miễn sao cho có kết-quả.

Vết hoen ố lớn nhất của thế hệ Tchinguiz Khan là những vụ tàn sát kinh khủng. Tuy vậy, các sử gia đều đồng ý công nhận là không phải Tchinguiz Khan độc ác, hiếu sát, lấy sự đau khổ của kẻ khác làm vui, chẳng qua đó là một phương-pháp để cho một nhóm người có thể chế ngự được những đám đông gấp bội. Nhưng, dù viện cớ nào, hành-động kia cũng không sao tha thứ được. Trong thực-tế, những cuộc tàn-sát hung dữ dùng để trị tội các dân chúng căm ghét cự quân Mông-Cò, đã gieo-rắc sự kinh-hoàng cả ở những nơi quân Mông-Cò chưa tới, làm cho địch quân nao núng, và rất dễ bị tan vỡ. Sự tàn bạo của quân Mông-Cò thực không sao kể xiết. Tỉnh Hérat xứ Hwarizm vì kháng cự Tului, con Tchinguiz Khan, nên khi dân chúng lên mở cửa thành ra hàng, Tului tha cho dân, nhưng giết hết quân lính thủ thành. Khi bắt được gia đình hoàng tử Jala al Din, quân Mông-Cò giết hết các con trai, đàn ông. Thành phố Bamiyan vì tội giết chết Mutugen là cháu của Tchinguiz Khan nên toàn thể người và vật trong thành đó cũng đều bị tàn sát, thành trì thời bị đập thành bình địa. Tỉnh Merv vì giết chết viên tướng người Ba Tư do Tului để lại cai trị, đã bị tàn-sát thẳng tay. Sau khi giết sạch người và vật, tướng Mông-Cò là Chigi-Qoutoukou kéo quân ra đi, để rồi đột nhiên quay trở lại. Những kẻ trước đây trốn thoát ra vùng lân cận, hoặc ẩn nấp ở hầm hố trở về, đều bị bắt giết cho kỳ hết! Quân Mông-Cò thường cho tù binh và dân chúng bị bắt đi trước phá thành, có tiến lên được hay không, cái đó không hề chi, miễn sao họ lấp đầy hào, và quân trong thành bị tràn ngập là đủ, vì sau khi chiếm xong thành, quân Mông-Cò cũng lại đem hết những quân và dân đó ra xử tử!

Sự kinh khủng tái diễn không ngừng, làm cho dân chúng hoảng sợ đến một mực độ điên cuồng. Khi thành Nessâ bị hạ quân Mông Cò đồn dân ra khỏi thành, rồi hạ lệnh cho họ trốn lẫn nhau lại. Giá thử lúc đó họ trốn chạy, thời số quân Mông Cò ít ỏi chẳng sao giết được xuê, và chắc chắn một phần lớn sẽ thoát chết. Thế mà, vì quá sợ, họ không hề nghĩ đến trốn chạy, ngoan ngoãn trốn lẫn nhau, để cho quân Mông Cò vây quanh dùng tên bắn chết, cả người lớn

lần trẻ con... Trước quân Mông Cổ, dân chúng chỉ còn biết chịu chết, không có đủ ý chí kháng cự. Lính Mông Cổ thường một mình vào những làng đồng đúc, chém giết chân tay rồi yên ổn ra về. Thậm chí, có lần một tên lính Mông Cổ không mang khí giới ra lệnh cho một tên tù binh nằm xuống để hắn đi lấy gươm, mà tên này bị sự sợ hãi làm tê liệt, không trốn chạy, cứ nằm yên chờ chết...

Những thành nào chúng không có đủ dân dè tống đi trước, hoặc phòng thủ quá chu đáo, thời quân Mông Cổ dùng mẹo giả rút lui như cho quân trong thành dờ ra cướp lương, rồi dờ quân mai phục ra đánh; hoặc bỏ một phía vây hãm lỏng lẻo, cho quân trong thành thừa cơ trốn chạy rồi đuổi theo chém giết...

Dân chúng phần sợ hãi, phần không có ai cầm đầu, vì kẻ nào có tài năng can đảm đều bị chúng lùng giết kỳ hết, nên một khi quân Mông Cổ qua đâu, thời ở đó khó mà nổi được ngay một cuộc khởi nghĩa có kết quả.

Nhưng sự tàn bạo này là một nhược điểm lớn lao của quân Mông Cổ, dễ gây ra phản uất căm hờn. Có lẽ hiểu biết như vậy, nên Tchinguiz Khan không dám tàn bạo một cách vô ích, và vì thế đã đỡ ác-nghiệt một phần nào. Thành nào tự ý xin hàng đều được an toàn, dân chúng chỉ phải đóng một số thuế rất ít, không đáng kể. Riêng có nhà giàu là phải chịu thuế nặng, còn các tu sĩ thời miễn hẳn. Những tình kháng cự bị giết hại như trên đã nói, thì chỉ là số ít. Còn thời thường, đàn bà, con trẻ đều được tha; các thợ khéo, kẻ sĩ hay bất cứ ai có sở trường hữu ích cho quân đội cũng được thu dụng.

Lúc cử binh đánh tỉnh Cam Túc, tướng lĩnh Mông Cổ, với tính chất du mục sẵn có, không hiểu nổi khả năng của một dân sống cố định sở như người Tàu, nên đề nghị giết hơn 10 triệu dân không thạo chiến tranh, để lấy đất làm đồng cỏ nuôi mục súc lợi hơn. Tchinguiz Khan không nghe, trái lại chấp thuận đề nghị của Ye Liu Tch'ou Ts'ai đề cho họ sống, và đánh thuế thối.

Tchinguiz Khan lại hay dùng người bản xứ trị người bản xứ, để làm dịu bớt lòng căm phẫn của dân bị trị. Vì thế nước Kim đã được chia làm 10 quận huyện trao cho quan lại người Tàu cai trị, nước Đại Lý cũng được giữ vua của mình, tuy quyền-hành đều ở tay những phó vương giòng-giới Tchinguiz Khan.

Đến như quân lính các thuộc quốc, thời Tchinguiz Khan cũng biết chia ra để mỗi đạo quân gồm nhiều toán nhỏ khác giống, làm cho khó

bảo nhau, tránh sự mưu phản. Đồng thời, các chiến lợi phẩm lại được chia ra đều, bất phân chủng tộc. Vì vậy, lắm bộ lạc bị Mông Cổ hóa đến nỗi quên mất cả giòng-giới mình, mà chỉ coi mình là người Mông Cổ thôi.

o°o

Trên địa hạt bình-bị, chúng ta thấy Tchinguiz Khan quả đã đủ tài làm tướng, theo quan niệm của Tôn-Vô (như : yêu kẻ dưới, giàu sáng kiến, biết quyết định, hiểu trách nhiệm, biết phòng xa) cũng như theo quan niệm của Tư Mã (biết lập trận, biết dùng quân, biết đánh phải lúc, biết luyện quân sĩ, biết cai quản đúng mực, biết thưởng, biết phạt, biết đề phòng và biết tính trước). Đến việc tránh không dùng Esougé Baiou làm tướng, thời quả không kém tài của Ngô Tử, vì trong thiên thứ IV Ngô Tử binh-pháp cũng đã từng ghi « Đúng không phải là đức tính chủ yếu của một vị tướng » !

Tchinguiz Khan đã áp dụng một cách rất hiệu nghiệm những sáng kiến, mà nhiều người làm tướng chỉ riêng có trong chiến tranh hiện đại như : vận động chiến, thần tốc chiến, toàn dân tham chiến, chiến tranh dân tộc, chiến tranh tuyên truyền, đạo quân thứ năm, chiến tranh nuôi chiến tranh v...v... kể cả những trận đánh không những để chiếm đất mà để chiếm cả nhân tài nữa, thật chẳng khác chi quân Đồng Minh trong trận thế giới đại chiến vừa qua, tiến vào nước Đức, đã lo cướp lấy các kỹ-thuật-gia nghiên cứu khí-giới bí mật của Đức, như : hỏa tiễn, bom bay, phi cơ phản lực v...v..

Tchinguiz Khan bỏ xa các tổ chức binh bị đồng thời; vậy tướng cũng chẳng có chi là lạ, khi quân của Tchinguiz Khan tiến vào đâu cũng như tới cõi không người

SỨC MẠNH CỦA TA

Nếu Tchinguiz Khan có thể tự hào về cách tổ-chức đế quốc Mông-Cổ, thời nước ta cũng không phải là không có một tổ-chức hùng mạnh. Riêng một thành tích của Lý Thường Kiệt sang đất Tống, vây đánh Khâm Châu và Liêm Châu, hạ thủ Trương Thủ Tiết, bức tử Tôn Đản và làm cỏ tới 10 vạn người, lại chuyển nhà Tống phải cho Sai Diên Khánh phỏng theo « An Nam Hành Quân Pháp » nhà Lý mà lập ra binh chế nhà Tống, đủ tỏ rõ binh lực của ta thời nhà Lý đã hùng hậu đến bực nào. Thế

mà, đến thời Trần, tinh thần thượng võ lại tăng tiến tới cực độ, thời lực lượng của ta không thể ví với lực lượng các nước mà Tchinguiz Khan đã từng chinh-phục vậy.

1 — CUỘC ĐỘ SỨC VỚI QUÂN NGUYÊN

Cuộc độ sức này thực là gay go, bất trắc. Quân Nguyên đã thiện chiến, kỹ thuật chiến đấu công phá rất cao, quân số lại đông đảo, bận thời 50 vạn, bận thời 30 vạn, mà quân ta khi nhiều nhất cũng không quá 20 vạn.

Cuộc chiến đấu đã được nói rõ từng chi tiết, trong bài « Chống Ngoại Xâm dưới thời Trần » đăng trong một số Văn Hóa Nguyệt San trước (số 14 năm 1956) nên xin miễn kể lại. Thiết-tướng chỉ nên trình bày thêm tại sao ta đã lấy yếu chống được mạnh, lấy ít chống được nhiều.

Trước hết, so sánh tổ chức thời bình của hai nước, ta thấy cũng tương tự: chế độ trung ương tập quyền đều được thi hành chặt chẽ, mực sống của dân chúng tương đối sung túc như nhau, luật pháp đều nghiêm nhặt, tuy vua Nguyên theo đạo Chaman và vua nhà Trần theo đạo Phật, nhưng trong thực tế dân chúng nước nào cũng đều được hưởng chế độ tự-do tín ngưỡng. Nhờ việc thi cử có quy củ, nước ta chọn được những kẻ chân tài ra giúp nước. Đức Trần Hưng Đạo lại giỏi xét người và tiến cử đích đáng, không thua Tchinguiz Khan trong sự chọn người, vua nhà Trần lại là những bậc anh quân không kém vua nhà Nguyên.

Về binh bị, nói về cá nhân, tướng cũng như quân, hai bên tài giỏi cầm đồng. Danh tướng đều sẵn, quân lính thiện chiến, võ nghệ được luyện tập chu đáo.

Về kỹ thuật tác chiến, nếu quân Nguyên có binh pháp Tô truyền, thì quân ta có bộ Binh Thư Yếu Lược rèn đúc.

Quân Nguyên hơn ta ở hai điểm :

1 — đông hơn gấp bội

2 — khí giới mạnh hơn nhiều (họ có súng, máy bắn đá, máy bắn tên lớn v.v..) và thêm tay kỹ sư danh tiếng là A Lý Hải Nha, đã từng giúp quân Nguyên thôn tính cả nước Tống, nay lại giúp họ đánh ta.

Nhưng cái lực lượng kinh khủng ấy đã không có chỗ để xử dụng: quân ta đã khôn khéo tránh tất cả mọi cuộc giao phong lớn, không cho chúng có cơ hội đánh quy quân chủ lực của ta.

Trần Hưng Đạo đã dùng chiến lược duy nhất thích nghi là làm cho « ... Địch quân không biết chỗ nào mà tấn công. Bé đến nỗi không

có hình thù, tài đến nỗi không có tiếng tăm.. Quân địch an nhàn ta có thể khiến họ vất vả, quân địch no ta có thể khiến họ phải đói, quân địch yên tĩnh ta có thể khiến họ phải hoang mang » — (Tôn-Tử binh pháp, thiên thứ 6). Nói theo lối bây giờ, thời Hưng Đạo đã biết áp dụng chiến thuật « du kích » mà sau này Y Pha Nho đã dùng để chống Napoléon, Trung Hoa chống Nhật Bản.

Một mặt, Hưng Đạo đưa nhà vua trốn tránh, để bảo toàn bộ phận chỉ huy kháng chiến, một mặt tung quân ra tiêu hao địch tại khắp nơi. Đồng thời, lại tổ chức toàn dân tham chiến: Hưng Đạo hiểu rõ thế giặc rất mạnh, nên không bắt các quận huyện phải tử chiến, trái lại cho phép bỏ trốn và yết thị rằng: « Phàm các quận huyện trong nước, hễ có giặc ngoài đến thì phải liều chết cố đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lần tránh vào rừng, núi, chứ không đón hàng ». Chính sách « không thành thanh dã » cũng được triệt để áp dụng: khi quân địch vào thành Thăng Long, chỉ còn thấy cung điện vắng ngắt, sót lại ít giấy tờ không quan trọng, còn đều được dọn đi hoặc thiêu hủy hết. Lương thực trong dân gian đều được giấu kín, hoặc tiêu hủy. Từ phía, dân chúng tự động tập kích giặc: Hà Bồng với các người Mãn tự lực đánh giặc ở Quy Hòa, Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền đem dân binh giúp quân chính quy bại giặc ở Thăng Long và Chương Dương, viên Phụ Đạo Tử huyện Phù Ninh là Hà Đặc dùng dân quân, trước còn giữ vững Trí Sơn, sau đánh được giặc, bắc cả cầu phao vượt sông đánh đuổi. Sau khi Hà Đặc chết, em là Hà Chương trộm được binh phục và cờ sí của giặc đem về dâng mặc cho quân ta trà trộn lọt vào trại giặc đánh phá, v.v.. thật không kể xiết những chiến công lẻ loi của dân chúng.

Quân dân một lòng, cả nước đều đánh, nên ba lần sang, ba lần quân Nguyên đại bại trốn về. Tướng tài như Toa Đô, Ô Mã Nhi đều bị giết, bị bắt.

2 — DUYÊN CỐ THẮNG LỢI CỦA TA

Xét kỹ, ta thấy đây là mấy duyên cớ chính đã làm cho quân ta thắng:

- a) — Khi hậu nước ta nóng, không hợp với quân đất Bắc chỉ quen chịu rét, nên miễn là cầm cự giai đông, lòng dân không nóng, là họ tất suy nhược.
- b) — Trần thủ Độ tuy đắc tội với nhà Lý, nhưng đã có công đối với nhà Trần, và nhất là đối với quốc dân. Nếu nhà Lý còn, thời một người

đàn bà nhu nhược như Lý Chiêu Hoàng hay một vị Thượng Hoàng bệnh hoạn như Huệ Tôn, không phải là kẻ có thể động viên nổi toàn lực quốc dân phòng giữ bờ cõi.

Vua nhà Trần tuy theo chế độ phong kiến, mà không xo dán, không chuyên chế độc ác. Chúng có là gái quê bị tuyên vào cung nếu muốn trở về nhà lấy chồng khác, cũng không bó buộc, và nhất là Hội Nghị Diên Hồng đã tỏ rõ ý dân được trọng tới mực nào. Thực ra, nhà Trần đã nhận thức nổi cái vai trò của mình, là cơ quan điều khiển chứ không phải là chủ nhân ông của một nước.

c) — Nước ta lại may mắn có một vị *tướng đủ tài đủ đức* như Trần Hưng Đạo. So ngay với Tchinguis Khan, Trần Hưng Đạo cũng không thua sút : Hưng Đạo cũng biết : kính người hiền, trọng kẻ giỏi, bỏ hiểm riêng lo việc lớn, thương quân như con. Tchinguis Khan dùng tài ăn nói để lôi cuốn binh sĩ và làm họ phẫn khởi thời bài « Hịch khuyến tướng sĩ » của Trần Hưng Đạo còn hiệu nghiệm gấp bội những lời cổ võ. Hưng Đạo Vương lại biết dựa vào thần quyền để gây lòng tin tưởng của ba quân : khi dặn con cháu phải học lấy bí thuật của cuốn Vạn Kiếp Tông Bí Truyền Thư, ngài đã từng dùng lời lẽ có vẻ huyền hoặc như sau : «... không nên kháo nhau cho là một áng di văn gần đở mờ tối. Nếu không nghe lời ta dặn bảo thì chính thân mình sẽ chuốc lỗi, mắc hại mà cả đến con cháu cũng phải vạ nữa. Đó vì làm lộ thiên cơ ». Vua nhà Trần nghe Trần Hưng Đạo, cũng thạo việc dụng binh. Khi đã chọn bắt được tất cả lương thảo, khí giới của giặc, thượng hoàng Thánh Tôn bèn ra lệnh tha cho phu tù bắt được để chúng chạy trốn đến dinh trại quân Nguyên báo tin, làm cho lòng quân rối loạn. Đó cũng là một phương pháp cổ động gián tiếp rất hiệu nghiệm vậy.

d) — Lòng dân *tinh táo cương quyết*. Đây mới thực là yếu tố căn bản để bại quân Nguyên, vì chiến thuật của Trần Hưng Đạo quả có lợi hại, nhưng thiếu yếu tố này ngài cũng đến đành khoanh tay. Thực vậy, chính nhờ lòng dân cương quyết tinh táo mà bao nhiêu thủ đoạn của quân Nguyên thường đem thi thử tại nơi khác đều trở nên vô hiệu ở nước ta.

Quân Nguyên *khủng bố* ghê gớm đến nỗi dân chúng các nước đều khiếp sợ, như con chim non đứng trước miệng rắn. Dân ta cũng từng được nếm, khi chúng làm cỏ cả thành Thăng-Long. Thế mà, tuy chúng đã viết thư dọa : «... Theo phép tổ tông ta đã đặt... hễ nước nào chống cự không phục, thì tất phải diệt hết » và « Dân của nước người bị giết chóc thật nhiều đấy... », quân ta từ trên xuống dưới, đều người người thích chữ « *Thất Đát* » trên cánh

tay, bắt chắp những cực hình mà hai chữ đó có thể đem lại cho họ, một khi bị quân Nguyên bắt...! Sự khủng bố tuy khuất phục được hầu hết dân các nước đồng thời, nhưng vì vấp phải lòng quả cảm của ta, nó đã có một kết quả ngược lại là chỉ làm làm sôi nổi sự công phẫn, căm thù của người nước ta mà thôi.

— Quân Nguyên sở trường về chính sách *chia mà trị*, đem bọn phản quốc Trần Ích Tắc về lập làm Quốc Vương bù nhìn, hòng chia rẽ hàng ngũ ta. Nhưng thủ đoạn ấy đã không lừa dối, thấm hút được ai. Tất nhiên chúng cũng không bỏ qua việc gây mâu thuẫn về quyền lợi, chiêu nạp những kẻ bất mãn. Chế độ nhà Trần kẻ ra có phần khoan hòa, dễ dãi, nhưng cũng không phải là thiếu người tức giận. Chúng có là kẻ dùng dính vẫn bị thiệt thòi, áp bức, người chủ nợ có quyền tự ý giam kẻ trốn nợ tới kỳ trả hết gốc lãi mới thôi, kẻ giàu cũng bực tức vì không có quan tước mà phải đời đời làm lính, kẻ được chiêu mộ khản hoang, thời sau khi khô công làm lụng tuy được ở trên đất mình đã khai phá, nhưng ruộng lại vẫn thuộc những người giòng-giới họ Trần, là kẻ đã chiêu mộ khản hoang... v.v.. Thật không thiếu chi mâu thuẫn để giặc lợi dụng. Ấy thế mà dân chúng đã biết tinh táo, để quyền lợi Tô-quốc lên trên mọi sự hiểm thù, tranh dành cá nhân, nên trước sau, chỉ thấy có hai làng Bàng Hà và Ba Điem (Chí Linh-Hải-dương) là theo giặc.

— Quân Nguyên đánh được dai, là nhờ lối dùng *chiến tranh nuôi chiến tranh*. Lối này cũng vô hiệu đối với ta, vì toàn dân một lòng đê kháng, không chịu tiếp tế cho giặc, chôn dấu lương thực, hoặc tiêu hủy đi, nên chúng bắt buộc đi lại phải trở lại lối vận lương cò diều, để đến nỗi khi lương bị cướp là quân tan.

— Trái lại, dân chúng vui lòng *lạc quyền* giúp lương binh-sĩ nước nhà. Đê cảm ơn, Hưng Đạo đã cho họ được hàm lang-tướng giả.

— Sở dĩ Quân Nguyên xưa nay, làm chủ tình-thế là một phần lớn nhờ có *gián điệp* và *sự liên lạc* tài tình trên những quảng đường rất dài và rất hiểm hóc. Thế mà, trên đất nước nhỏ bé của ta, chỉ vì dân chúng ngăn cản, mà hệ thống này của chúng đã bị vỡ hoặc tê liệt : Thoát-Hoan trốn về nước rồi, mà Toa Đô với Ô Mã Nhi vẫn mơ hồ chẳng hay biết chi, lại tự biên đánh vào mạn sông Thiên Mạc, hòng hội binh ở Thăng Long, để đến nỗi, sau đó, Toa Đô đã tử-trận tại Tây-Kết.

Tóm lại, quân Nguyên bao giờ cũng chủ đánh mạnh và thắng mau, nhưng gặp phải quân dân ta triệt để áp dụng chiến thuật của Trần Hưng Đạo, kéo dài, nên chúng « muốn đánh cũng không được đánh » (« ... dục chiến bất đắc » — An Nam Chí Lược), thành thử, dù muốn, dù không, chúng vẫn bị sa lầy và tiêu hao, mệt nhọc.

Không phải riêng ta bây giờ mới thấy lòng dân đã quyết định, cứ xét lời tâu của Trần Hưng Đạo với vua Anh Tông : « ... Nếu nó dùng chước như tầm ăn dâu, ung dung, thủng thủng, không vụ của dân, không cần mau thắng thì ta phải lựa dùng lương tướng, xem tình hình mà liệu quyền biến như đánh cờ vậy... Và phải nói lòng sức dân để làm cái chước rễ sâu gốc vững. Đó là phương sách giữ nước hay hơn cả », dù thấy chính ngài cũng từng chú trọng đến yếu tố sinh tử là « lòng dân », coi nó là « gốc, rễ », nên đã căn dặn vua Anh Tông phải « khoan dân lực » cho dân khỏi quá khổ đốn mà sinh thay lòng đổi dạ.

KẾT LUẬN

Xét ra quân Mông Cổ không ở vững được tại đất Chiêm Thành, là vì ta ngăn cản đường đi, án ngữ giữa Chiêm Thành và Nguyên quốc, và không đánh nổi nước Nhật là vì bão to, sóng lớn, làm chúng mất hết ưu thế. Riêng tại đất nước ta, quân Mông Cổ đã đủ mọi bề thuận tiện, tới bằng cả đường thủy lẫn đường bộ, nước ta lại nhỏ hẹp tường như tha hồ cho chúng ngang dọc hoành hành, ai dè, dân tộc ta đã tự lực chống cự, khiến chúng hoàn toàn thất bại ! Dân ta đã không hổ thẹn với thế hệ Đinh, Lê, Lý mà đức Hưng Đạo cũng đã tỏ ra là vị tướng xứng đáng nối tiếp cái truyền thống oai hùng của ba triều trước vậy.

Hưng Đạo đã chứng minh hoàn toàn lời nói của cô nhân :

« Biết người biết mình bách chiến bách thắng, Biết đất, biết trời, phần thắng vẹn mười ».

(Tôn Tử binh pháp-thiên thứ 10)

Ôn lại mấy trang sử này, lòng ta không khỏi kiêu hãnh về thành tích của ông cha. Các vị ấy đã làm sáng tỏ một cách oai hùng, cái chân lý muôn thuở : trong một nước trên dưới đồng lòng, lấy Tô-Quốc làm mục tiêu, lấy dẫu tâm làm căn-bản, thời một dân-tộc khác, dù hùng cường, thâm độc, gian ngoan biết mấy cũng không sao thôn tính nổi,

Dân tộc ta, sau những cơn thử thách kinh khủng, đã từng bao phen vươn lên, mạnh hơn, vững hơn và đoàn kết hơn nữa. Vậy, bất cứ lúc nào, dù trong những giờ phút đen tối nhất, chúng ta vẫn có quyền tin tưởng mãnh liệt vào tình ruột thịt của đồng-bào, và vào tương lai sán lạn của non sông.

Sách tham-khảo :

- | | |
|--|--------------------------|
| — Histoire de l'Extrême-Orient | của René Grousset |
| — L'Empire des Steppes | của René Grousset |
| — La Russie, l'Asie, l'Europe | của Amir Ali |
| — Histoire de Russie des origines à nos jours | của G. Welter |
| — Trung Hoa Sử Cương | của Đào Duy Anh |
| — Việt Nam Sử Lược | của Trần Trọng Kim |
| — Việt-sử dẫn giải | của Phạm Xuân Độ |
| — Lược-khảo Binh-Chế Việt-Nam qua các thời đại | của Nguyễn Trường Phương |
| — Trần Hưng Đạo | của Hoàng Thúc Trâm |
| — Tôn Tử Binh Pháp | của Thi Đạt Chí |
| — L'Art Militaire dans l'anti-quité chinoise | của Thiệu-tá E. Cholet |
| — Sun Tse et les Anciens chinois | của L. Nachin |

Ca-dao mới

Làm giàu tiếng Việt-

- Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.
Tiếng ta đủ nghĩa cao sâu,
Lệu đường mà chọn, thiếu dẫu danh-từ.
Bảo nhau một dạ vô-tru,
Làm giàu tiếng Việt ngàn thu lưu-truyền.

TRỌNG-ĐỨC

CHÚNG TA GỌI « MƯỜI XU » LÀ GÌ ?

của NGUYỄN-BẠT-TUY

« Mười xu » gọi là gì ? Rõ ngỡ-ngần ; ai mà chẳng biết !

— Là hào chứ gì ! Đó là câu-đáp của một bạn người Bắc.

— Là gác chớ chi ! Đó là câu-đáp của một bạn người Trung.

— Là cắc chớ sao ! Đó là câu-đáp của một bạn người Nam.

Nhưng chính vì mỗi bạn đáp một khác, nên thiết-tưởng cần nêu lên câu-hỏi này.

Duyên-cớ những sai-biệt giữa « hào », « gác » và « cắc »

Nếu ta đi từ Bắc chí Nam, ta nhận thấy đại-khái tiếng hào chỉ dùng từ Hà-tĩnh trở ra, tiếng gác từ Quảng-bình đến Quảng-nghĩa, tiếng cắc bắt-đầu dùng từ Bình-định trở vào. Rõ-ràng mỗi tiếng đã hùng-cứ riêng một giang-sơn không khác gì ngày nay, cường-quốc chia nhau các khu vực ảnh-hưởng. Ta có-thể xét sự sai-biệt ấy về hai mặt lịch-sử và địa-lý.

1) Về lịch-sử. — Vùng Quảng-bình, ước ta chỉ chính-thức chiếm được vào thế-kỷ XI. Năm kỷ-dậu (1069), sử chép rằng vua Lý Thánh-tông đánh Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ, và đề chuộc tội, Chế Củ xin dâng đất ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính, nay thuộc địa-hạt tỉnh Quảng-bình và tỉnh Quảng-trị.

Như vậy, có-thể nói rằng trước thế-kỷ XI, tuy dân ta đã có ít người ở vùng Quảng-bình, cái ý-niệm về « mười xu » hẳn là chưa có cả ở Bắc lẫn ở vùng Quảng-bình. Nếu có thì sự di dân đã khiến người ta dùng chung một tiếng hào hay một tiếng gác.

Chỉ sau thế-kỷ XI, khi ý-niệm về « mười xu » phát-sinh rồi, người ta mới nghĩ đến sự tìm tiếng để diễn-tả nó. Dân miền ngoài, từ Hà-tĩnh

trở ra, đã dùng tiếng hào, tự (1) nho là 毫, còn dân miền trong, từ Quảng-bình trở vào, đã dùng một tiếng mà ngày nay là gác, tự nho là 角 : cả hai tiếng theo nghĩa nho đều chỉ « mười xu ».

Nhưng nếu xét hai tự 毫 và 角, ta thấy rằng không phải đầu đầu ở Tàu nó cũng được thông-dụng. Vương Văn-ngũ đại từ điển giảng tự 角 là « Ngân nguyên chỉ nhất gác (Quảng-dông thổ-ngữ) ». Hiện nay người Quảng-dông vẫn nói yất hầu, xám hầu là « một hào, ba hào ». Rõ-ràng dân ta ở miền ngoài đã chịu ảnh-hưởng của Quảng-dông hầu mà dùng tiếng hào, còn dân miền trong, vì cách-biệt với ảnh-hưởng ấy, đã theo nghĩa Hán chính-thức của gác mà nói.

2) Về địa-lý. — Trong sự sai-biệt hào-gác, ta thấy dải Hoàng-Son đã là một yếu-tố quyết-dịnh.

Những lý-do chính-trị, nhất là từ hồi Trịnh-Nguyễn phân-tranh, càng làm cho các miền cách-biệt nhau ; đảng Ngoài và đảng Trong gần như mất hẳn liên-lạc, và ta không lấy làm lạ rằng tiếng hào không bao-giờ có đất dùng ở miền Trong. Dầu dân-cư miền Trong đều là người ở vùng Nghệ-Tĩnh vào, cái lẽ « nhập gia tùy tục » đã khiến họ, trong những cuộc di dân về sau, tự-nhiên phải bỏ tiếng hào mà nói tiếng thông-dụng trong vùng cho dễ giao-thiệp.

Đến khi ta chiếm được Bình-định vào khoảng năm 1470, cái địa-thế hiểm-trở của một vùng núi ăn ra liền đã tách Bình-Định khỏi Quảng-nghĩa, khiến về sau từ Quảng-nghĩa trở ra thì người ta nói gác, mà từ Bình-định trở vào thì người ta nói cắc. Cả hai tiếng đều ở Hán-tự gác mà ra.

Dù sao, chúng tôi thiết-tưởng : (2)

1—Không nên gạt bỏ một tiếng nào ; vì trừ những trường-hợp vô-lý không kể, còn càng có nhiều từ-ngữ, thì quốc-âm càng đời-dào, phong-phú.

2—Nên giải-thích sự sai-biệt giữa ba tiếng như trên, để ai nấy cũng rõ, tức là thống-nhất trong sự hiểu-biết.

3—Xếp đặt cả ba tiếng theo thứ-tự nên dùng, như : hào, gác, và cắc.

(1) Tiếng dùng thay cho chữ, khi chỉ loại chữ biểu-ý và biểu-hình như chữ nho.
(2) Đó cũng là quan-điểm của toàn ban từ-ngữ địa-phương.

